

ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI
TS. TÔ VĂN HÒA

Nghiên cứu so sánh **HIẾN PHÁP** các quốc gia ASEAN



ST

Nhà xuất bản Chính trị quốc gia

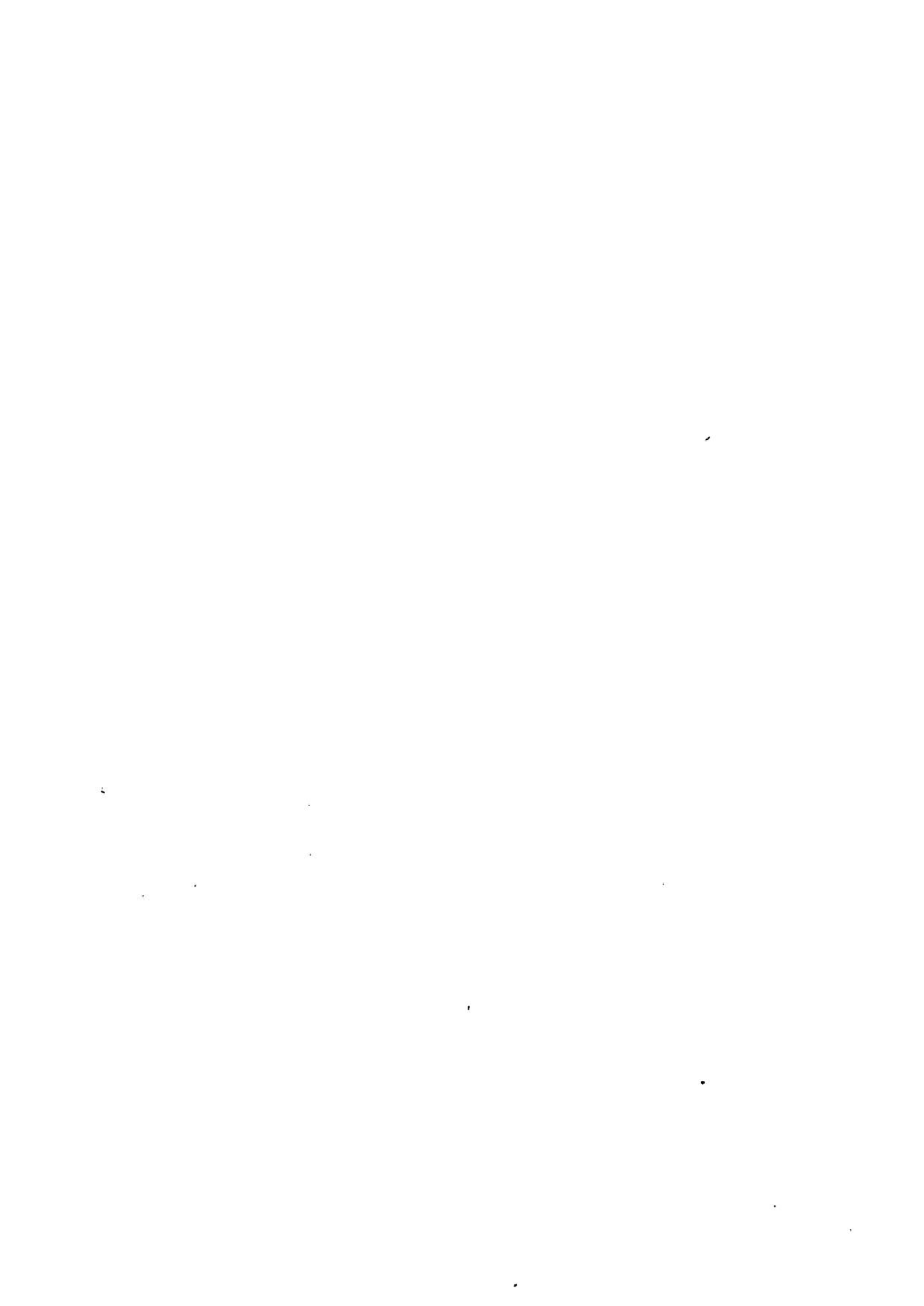
MS: $\frac{34(N)01}{CTQG-2013}$

**ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI
TS. TÔ VĂN HÒA**

Nghiên cứu so sánh
HIẾN PHÁP
các quốc gia ASEAN

(Sách chuyên khảo)

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2013**



LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Kể từ tuyên bố Băng Cốc ngày 08 tháng 8 năm 1967 đặt nền móng cho sự hình thành Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á gọi tắt là ASEAN, cho đến nay, Hiệp hội này đã phát triển được hơn 40 năm với mức độ hợp tác và hội nhập khu vực ngày càng chặt chẽ hơn giữa các quốc gia thành viên. Khu vực Đông Nam Á đã trở thành một trong những khu vực hợp tác năng động và hiệu quả, có vai trò ngày càng quan trọng trong đời sống kinh tế - chính trị trên thế giới.

Việt Nam tuy mới gia nhập ASEAN từ năm 1995 song đã có sự hội nhập một cách chủ động và hiệu quả, có nhiều đóng góp quan trọng vào thành tựu và kết quả về hợp tác, phát triển của ASEAN đã đạt được trong thời gian vừa qua. Trong quá trình tham gia ASEAN, để phát huy vị trí, vai trò của nước ta trong hoạt động của tổ chức này, việc tìm hiểu và nắm vững về pháp luật, đặc biệt là về Hiến pháp của các thành viên ASEAN là điều cần thiết, đặc biệt trong bối cảnh Đảng và Nhà nước ta đang tiến hành nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung Hiến pháp, đẩy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân vì mục tiêu dân chủ, công bằng, văn minh. Qua đó có thể tham khảo những kinh nghiệm tốt trong tiến trình đổi mới đất nước và thúc đẩy phương hướng mục tiêu phát triển về hợp tác của các quốc gia thành viên ASEAN.

Với mục đích cung cấp cho bạn đọc một tài liệu tham khảo có giá trị về vấn đề nêu trên, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật tái bản cuốn sách ***Nghiên cứu so sánh Hiến pháp các quốc gia ASEAN (sách chuyên khảo)***, cuốn sách do TS. Tô Văn Hòa, giảng viên trường Đại học Luật Hà Nội biên soạn. Nội dung cuốn sách góp phần trang bị thêm thông tin cho bạn đọc về Hiến pháp của các quốc gia trong khối ASEAN, đặc biệt là về cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước và cách xử lý các vấn đề quan trọng của Luật Hiến pháp ở các nước thành viên ASEAN, qua đó có thể nghiên cứu kinh nghiệm của các nước ASEAN trong quá trình sửa đổi, bổ sung Hiến pháp nước ta.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 10 năm 2013

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

Chương I

KHÁI QUÁT VỀ ĐẤT NƯỚC VÀ HOÀN CẢNH RA ĐỜI CỦA HIẾN PHÁP HIỆN HÀNH CÁC QUỐC GIA ASEAN

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐẤT NƯỚC VÀ HOÀN CẢNH RA ĐỜI CỦA HIẾN PHÁP HIỆN HÀNH VƯƠNG QUỐC HỒI GIÁO BRUNÂY (NEGARA BRUNÂY ĐARUSSALAM)

Brunây nằm ở phía Nam khu vực ASEAN, tiếp giáp biên giới với biển Đông và Malaixia. Đất nước này có khí hậu nhiệt đới điển hình, nóng, ẩm và mưa nhiều. Lãnh thổ Brunây có diện tích 5.770 km² và nơi đây nổi tiếng có nguồn tài nguyên thiên nhiên rất dồi dào, gồm dầu thô, khí tự nhiên và gỗ. Dân số của Brunây là khoảng 398.920 người vào thời điểm năm 2010 (Chỉ báo phát triển thế giới - Ngân hàng Thế giới). Hai nhóm sắc tộc lớn nhất sinh sống trên lãnh thổ quốc gia này là Mã Lai (67%) và Hoa kiều (15%) ngoài ra, người bản địa chiếm 6% và nhóm dân cư khác chiếm 12%. Tôn giáo lớn nhất và cũng là quốc giáo của Brunây là Đạo hồi Mã Lai. Các tôn giáo khác là Phật giáo và Thiên chúa giáo chỉ chiếm thiểu số. Ngôn ngữ chính của Brunây là tiếng Mã Lai, ngoài ra có hai thứ tiếng được dùng phổ biến khác là tiếng Anh và

Trung Quốc. Brunây là một trong số các quốc gia giàu có nhất trong khu vực và trên thế giới. Năm 2009, tổng thu nhập quốc dân của Brunây là 14,533 tỷ USD, thu nhập bình quân đầu người là hơn 37.000 USD. Các dịch vụ công cộng như y tế, trường học đều được cung cấp miễn phí cho người dân¹.

Hiến pháp hiện hành của Brunây được ban hành vào năm 1959 bởi vị Vua hồi giáo lúc bấy giờ là AlMarhum Sultan Haji Omar Ali Saifuddien Sa'adul Khairi Waddien, thân phụ quá cố của Quốc vương hiện tại. Cho tới thời điểm đó, Brunây vẫn đặt dưới chế độ bảo hộ của Vương quốc Anh, vốn được thiết lập từ năm 1888 sau khi hai nước ký hiệp ước với nhau. Theo đó, quyền hành thực tế hoàn toàn thuộc về một vị Cao ủy kiêm Toàn quyền của Anh mặc dù về mặt lý thuyết, ít nhất là về tên gọi, quyền lực vẫn được coi là nằm trong tay Vương triều Hồi giáo của Brunây với "Quốc vương là quyền lực tối cao". Với việc duy trì một khẩu hiệu mị dân như vậy, thực dân Anh hy vọng tạo ra một hình ảnh rằng Brunây không phải là một thuộc địa. Trong khi ngầm củng cố quyền cai trị của mình, thực dân Anh cũng tìm cách tăng dần quyền lực của Quốc vương đối với giới quý tộc bản địa để lấy lòng Quốc vương. Tuy nhiên, quyền lực càng lớn mạnh, Quốc vương Brunây lúc bấy giờ càng thể hiện một cách công khai và quyết liệt quan điểm độc lập dân tộc của mình

1. Tổng hợp từ UN's Economic and Social Commission for Asia and the Pacific (ESCAP), Statistical year book for Asia and the Pacific, 2009.

và muốn cụ thể hóa bằng một bản hiến pháp đúng nghĩa. Với tinh thần đó, Quốc vương đã chủ động khởi xướng quá trình xây dựng Hiến pháp vào năm 1953. Về phía thực dân Anh mà đại diện là Cao ủy kiêm Toàn quyền Anthony Foster Abell cũng ủng hộ việc xây dựng Hiến pháp. Thâm ý của vị toàn quyền là sẽ dùng Hiến pháp để ghi nhận và củng cố thêm quyền lực cũng như vai trò của người Anh tại Brunây¹.

Sau 6 năm thương thảo và chuẩn bị, ngày 29 tháng 9 năm 1959, bản Hiến pháp đầu tiên và cũng là Hiến pháp hiện hành của Vương quốc Hồi giáo Brunây đã được Quốc vương Omar Ali ký ban hành. Tuy nhiên, vào thời điểm đó, Hiến pháp này không đem lại được độc lập cho Brunây như kỳ vọng. Mặc dù Hiến pháp đó đã công nhận Brunây là một đất nước tự trị (*self-governing state*), song lĩnh vực ngoại giao, an ninh và quốc phòng vẫn thuộc thẩm quyền của Vương quốc Anh, được thực hiện thông qua người đại diện là Cao ủy kiêm Toàn quyền.

Kể từ khi được ban hành, Hiến pháp năm 1959 của Brunây đã trải qua ba lần sửa đổi.

Lần sửa đổi Hiến pháp đầu tiên vào năm 1971. Lúc này, phong trào độc lập dân tộc, dân chủ trên toàn thế giới đã hết sức lớn mạnh. Các hình thức thực dân trá hình,

1. B. A. Hussainmiya: *The Brunei Constitution of 1959: An Inside History*, Brunei Press Bhd, 2000, tr. 10-12; Asean law Association: *Brunei Legal System*, 2006; Lương Trọng Yêm, Bùi Thế Vinh: *Mô hình nền hành chính các nước ASEAN*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 59, 60.

kể cả hình thức bảo hộ chính quyền, bị công kích gay gắt. Bản thân người Anh lúc bấy giờ cũng không muốn duy trì hình thức bảo hộ đối với Brunây. Trên tinh thần đó, Hiến pháp sửa đổi năm 1971 đã xóa bỏ gần như hoàn toàn vai trò của Cao ủy Anh đối với Vương triều Brunây về các vấn đề nội chính. Tuy nhiên, lĩnh vực quốc phòng và chính sách ngoại giao vẫn do Cao ủy Anh phụ trách.

Đến cuối năm 1983, người Anh bàn giao nốt lĩnh vực quốc phòng và chính sách ngoại giao cho Brunây và từ đó Brunây trở thành quốc gia độc lập hoàn toàn. Vương triều Brunây nắm toàn bộ chủ quyền đối với đất nước. Để ghi nhận điều này, Brunây tiến hành sửa đổi Hiến pháp 1959 lần thứ 2 vào ngày 13 tháng 2 năm 1984. Mục tiêu của lần sửa đổi này là giảm thiểu vai trò của cơ quan lập pháp và củng cố vai trò của Quốc vương¹.

Giữa năm 2004, kỷ niệm 45 năm ngày ban hành Hiến pháp năm 1959, Quốc vương Brunây, Paduka Seri Baginda Sultan Haji Hassanal Bolkiah Mu'izzaddin Waddaulah, lại tiến hành sửa đổi Hiến pháp. Về mặt hình thức, lần sửa đổi này được thực hiện với tinh thần khuyến khích sự tham gia của người dân vào hoạt động chính trị và khôi phục lại cơ quan lập pháp, vốn đã bị đình chỉ từ lần sửa đổi trước đây. Tuy nhiên, kết quả trực tiếp nhất của lần sửa đổi này lại là củng cố thêm quyền lực vốn đã tuyệt đối của Quốc vương trong cả ba lĩnh vực lập pháp, hành

1. Clauspeter Hill & Jorg Menzel (Eds.): *Constitutionalism in Southeast Asia*, Konrad Adenauer Stiftung, 2008, Vol. 2, tr. 19, 20.

pháp và tư pháp, đồng thời, bãi bỏ cơ chế tư pháp giám sát (*judicial review*) như là một công cụ thực hiện kiểm tra đối trọng¹. Lần sửa đổi năm 2004 cũng là lần sửa đổi gần đây nhất của Hiến pháp Brunây.

II. KHÁI QUÁT VỀ ĐẤT NƯỚC VÀ HOÀN CẢNH RA ĐỜI CỦA HIẾN PHÁP HIỆN HÀNH VƯƠNG QUỐC CAMPUCHIA

Quốc gia này nằm ở Tây Nam bán đảo Đông Dương, tiếp giáp với Thái Lan, Việt Nam và Lào. Khí hậu nơi đây cũng nóng và ẩm với mưa nhiều. Tài nguyên thiên nhiên của Campuchia khá phong phú, bao gồm khí ga, gỗ, đá quý, một số quặng sắt, mangan, photphát và tiềm năng lớn về thủy điện. Dân số Campuchia vào thời điểm năm 2008 là 14,562 triệu người, sinh sống trên lãnh thổ quốc gia rộng 181.040 km². Nhóm sắc tộc lớn nhất ở quốc gia này là Khmer, bên cạnh đó có hai nhóm sắc tộc lớn khác là Việt kiều và Hoa kiều. Tôn giáo chính của cả vương quốc là Phật giáo (chiếm 95%). Đây cũng là Quốc giáo của Campuchia. Rất nhiều người trong số tầng lớp thanh niên của đất nước này có ít nhất một vài tháng sinh sống như một nhà sư trong các chùa. Trong số các quốc gia ASEAN, Campuchia là một thành viên mới và thuộc nhóm đang phát triển ở trình độ thấp. Tổng thu nhập

1. Tsun Hang Tey: *Brunei's Revamped Constitution: The Sultan as the Grundnorm*, Australian Journal of Asian Law, Vol. 9, No. 2 (2007).

quốc dân của quốc gia này vào năm 2008 là 11,193 tỷ USD, thu nhập bình quân đầu người khoảng 770 USD¹.

Sau khi được Quân tình nguyện Việt Nam giải thoát khỏi họa diệt chủng, ngày 07-01-1979, dưới sự lãnh đạo của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu quốc, nhân dân Campuchia đã nổi dậy giải phóng đất nước, nước Cộng hòa nhân dân Campuchia được thành lập với sự lãnh đạo của Chủ tịch Heng Samrin. Tuy nhiên, ở bên ngoài lãnh thổ Campuchia cũng có một số thế lực chính trị khác được sự hậu thuẫn của một số quốc gia cũng tích cực hoạt động nhằm quay trở lại nắm quyền lực chính trị ở trong nước, điển hình là phái bảo hoàng của Hoàng thân Sihanouk, phái Khmer Đỏ của Khieu Samphon và phái thứ ba của Son Sann. Ba phe này hợp tác với nhau thành lập nên Chính phủ liên hiệp ba phái và cũng tuyên bố là chính phủ hợp pháp của Campuchia. Cả chính phủ Cộng hòa nhân dân Campuchia và chính phủ liên hiệp ba phái đều được một số quốc gia trên thế giới công nhận. Trong suốt thập kỷ 80 của thế kỷ XX, các phe phái này được sự ủng hộ của các nước có liên quan trong đó có Việt Nam đã tiến hành đàm phán với nhau nhằm thành lập một chính quyền hòa hợp dân tộc ở Campuchia. Tháng 8-1989, bốn phái chính trị của Campuchia cùng với Tổng thư ký Liên hợp quốc và đại diện của 18 nước gồm 6 nước thành viên ASEAN lúc bấy giờ, 5 nước thường trực Hội đồng Bảo an

1. Tổng hợp từ UN's Economic and Social Commission for Asia and the Pacific (ESCAP), *Tlđđ*.

Liên hợp quốc, Việt Nam, Lào, Nhật Bản, Ôxtrâyliya, Ấn Độ, Canada và Dimbabuê tiến hành họp hội nghị tại Pari với mục đích đạt được một thỏa thuận giải quyết toàn diện tình hình Campuchia. Sau một tháng hội nghị, nội dung cơ bản của thỏa thuận đã được thống nhất và ngày 23 tháng 10 năm 1991, các bên đã chính thức ký Thỏa thuận giải quyết tình hình chính trị một cách toàn diện đối với xung đột ở Campuchia¹.

Theo Hiệp định Pari, Liên hợp quốc thành lập Cơ quan chuyển giao quyền lực của Liên hợp quốc tại Campuchia (*United Nations Transitional Authority in Cambodia - UNTAC*) để giúp quốc gia này thiết lập một nhà nước dân chủ theo hình mẫu của phương Tây trong vòng 18 tháng. Hiệp định Pari cũng quy định việc xây dựng một Hiến pháp cho Campuchia là nhiệm vụ cấp bách và ấn định 6 nguyên tắc cho bản Hiến pháp, bao gồm:

- Hiến pháp là đạo luật tối cao.
- Tôn trọng quyền con người.
- Nhà nước có chủ quyền, độc lập, đoàn kết và trung lập.
- Chế độ dân chủ tự do dựa trên nền tảng đa nguyên.
- Hệ thống tư pháp độc lập, có thẩm quyền để thực thi các quyền quy định trong Hiến pháp.
- Hiến pháp phải được ban hành bởi hai phần ba tổng số thành viên của Hội đồng lập hiến².

1. Clauspeter Hill & Jorg Menzel (Eds.): *Constitutionalism in Southeast Asia, Sdd*, tr. 45, 46; Cambodia settlement agreement, các điều 5, 6.

2. Phụ lục 5, Hiệp định Pari, ngày 23-10-1991.

Trên tinh thần đó, Hội đồng lập hiến gồm 118 thành viên của Campuchia đã thành lập một ủy ban gồm 13 thành viên để soạn thảo Hiến pháp. Quá trình soạn thảo Hiến pháp nói chung diễn ra trong phạm vi nội bộ của Campuchia, sự tham gia của UNTAC là tương đối muộn và tương đối mờ nhạt do lúc đầu họ không được hoan nghênh. Chính vì vậy, sự đóng góp của UNTAC vào Hiến pháp này còn ở mức độ tương đối hạn chế. Ngày 19 tháng 9 năm 1993, Hội đồng lập hiến đã thông qua bản Hiến pháp của Vương quốc Campuchia với Quốc vương là nguyên thủ quốc gia, đó cũng là thời điểm chấm dứt sứ mệnh của UNTAC. Đây chính là bản Hiến pháp hiện hành của Vương quốc Campuchia¹.

Cho đến nay, Hiến pháp hiện hành của Campuchia đã được sửa đổi, bổ sung tổng cộng 7 lần. Lần đầu tiên là vào năm 1994, khi đó, Quốc vương Nôrôđôm Xiha-núc mắc bệnh và phải ra nước ngoài để chữa trị trong một thời gian tương đối dài. Trong khi đó, Hiến pháp năm 1993 lại không có điều khoản dự phòng trường hợp Quốc vương vắng mặt và sẽ có thể dẫn tới tình trạng là Vương quốc Campuchia bị rơi vào tình trạng tạm thời không có nguyên thủ quốc gia. Chính vì vậy, lần sửa đổi, bổ sung Hiến pháp đầu tiên của Campuchia nhằm cho phép Quốc vương ủy quyền cho người khác làm quyền nguyên thủ

1. Ted L. McDorman & Margot Young: *Constitutional structure and human rights in Southeast Asia: Cambodia, Indonesia, Thailand and Vietnam*, 47 U.N.B.L.J. 85, 1998, tr. 97, 98.

quốc gia để ký các luật trong trường hợp Quốc vương mắc bệnh phải nằm viện ở nước ngoài. Năm 1998, Campuchia tiến hành cuộc Tổng tuyển cử toàn quốc để bầu Nghị viện. Sau cuộc bầu cử, nền chính trị Campuchia rơi vào cuộc tranh cãi và cáo buộc nhau gay gắt giữa các đảng phái chính trị tham gia tranh cử. Để tránh lặp lại tình trạng này, Hiến pháp đã được sửa đổi, bổ sung lần thứ hai vào năm 1999, trong đó quy định thành lập Thượng nghị viện với vai trò làm cầu nối điều phối công việc giữa Quốc hội Campuchia (cơ quan lập pháp) và Chính phủ. Năm 2001, do lo ngại về tình hình sức khỏe của Quốc vương khi đó, một lần nữa các điều khoản điều chỉnh trường hợp Quốc vương có thể rơi vào trường hợp không thực hiện được vai trò nguyên thủ quốc gia của mình đã được bổ sung vào Hiến pháp năm 1993. Năm 2004, Hiến pháp Campuchia được sửa đổi, bổ sung lần thứ tư. Sau cuộc bầu cử Nghị viện năm đó, đất nước Campuchia lại rơi vào bế tắc chính trị làm cho các cơ quan nhà nước ở Trung ương không vận hành được. Vì vậy, ngày 8 tháng 7 năm 2004, một luật bổ sung cho Hiến pháp đã được ban hành cho phép việc sửa đổi các quy định của Hiến pháp ngay sau khi bầu cử mà không cần phải tuân thủ quy trình thủ tục sửa đổi, bổ sung Hiến pháp đã được ghi trong Hiến pháp. Cụ thể, nếu thủ tục sửa đổi, bổ sung thông thường đối với Hiến pháp Campuchia đòi hỏi phải có ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Nghị viện đồng ý thì thủ tục sửa đổi đặc biệt này chỉ cần đa số tuyệt đối các thành viên của Nghị viện là đã có thể thông qua các nội dung sửa đổi.

Năm 2005, nhân sự kiện phe đối lập trong Nghị viện tẩy chay làm cho Nghị viện không đủ số lượng thành viên có mặt để tổ chức các kỳ họp, Hiến pháp năm 1993 của Campuchia đã được sửa đổi lần thứ năm theo hướng giảm tỷ lệ tối thiểu các đại biểu dự một phiên họp xuống còn 7/10 tổng số đại biểu (Quy định trước đó là 3/4). Lần sửa đổi, bổ sung thứ sáu được tiến hành năm 2005 khi Nghị viện định tiến hành bỏ phiếu bất tín nhiệm Chính phủ song không đạt được tỷ lệ cần thiết lúc đó là 2/3 tổng số đại biểu Nghị viện. Vậy là, tỷ lệ đại biểu ủng hộ cần thiết để bỏ phiếu bất tín nhiệm Chính phủ được giảm xuống còn đa số tương đối. Lần sửa đổi, bổ sung gần đây nhất là vào năm 2008 với một số điều chỉnh đối với các quy định về cơ cấu chính quyền địa phương¹.

III. KHÁI QUÁT VỀ ĐẤT NƯỚC VÀ HOÀN CẢNH RA ĐỜI CỦA HIẾN PHÁP CỘNG HÒA INĐÔNÊXIA HIỆN HÀNH

Indônêxia là quốc gia quần đảo lớn nhất thế giới có tổng diện tích là 1.919.440 km² nằm ở khu vực Đông Nam Á, nơi tiếp giáp giữa Ấn Độ Dương và Nam Thái Bình Dương. Indônêxia có biên giới tiếp giáp Đông Timo, Malaixia và Papua Niu Ghinê. Quần đảo Indônêxia bao gồm hơn 18.000 hòn đảo lớn nhỏ, trong đó có khoảng 6.000

1. Clauspeter Hill & Jorg Menzel (Eds.): *Constitutionalism in Southeast Asia, Sđd*, tr. 49, 50.

hòn đảo có người ở. Tài nguyên thiên nhiên ở Indônêxia hết sức phong phú bao gồm dầu khí, quặng thiếc, niken, gỗ, quặng bôxít, đồng, than, quặng vàng, bạc và đất đai màu mỡ. Dân số của Indônêxia năm 2008 vào khoảng 227 triệu người, trong đó, người Java chiếm 45%, Sundan 14%, Madure 7,5%, Mã Lai 7,4% và các nhóm sắc tộc khác chiếm 26%. Tôn giáo chính và cũng là Quốc giáo của Indônêxia là Hồi giáo với số tín đồ chiếm 88% dân số cả nước. Những tôn giáo khác là Tin lành chiếm 5%, Công giáo La Mã: 3% và Hindu: 2%. Phật giáo chiếm tỷ lệ rất nhỏ ở Indônêxia. Nhìn chung, Indônêxia là quốc gia khá mạnh về kinh tế trong khu vực. Năm 2008, tổng thu nhập quốc dân của Indônêxia đạt khoảng 510 tỷ USD, cao nhất trong khu vực; tuy nhiên, thu nhập bình quân đầu người của quốc gia này chỉ đạt 2.246 USD¹.

Hiến pháp hiện hành của Indônêxia được ban hành từ năm 1945 và cho đến nay có lịch sử tương đối thăng trầm.

Năm 1942, khi cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai đang ở cao trào, đế quốc Nhật Bản đã xâm lược Indônêxia và chiếm quần đảo này từ tay thực dân Hà Lan, vốn đã áp đặt ách thực dân của mình lên đất nước này hàng thế kỷ trước đó. Tập đoàn quân viễn chinh phương Nam của Nhật Bản đã trực tiếp chiếm đóng toàn bộ lãnh thổ Indônêxia và biến nước này thành một căn cứ quân sự và hậu cần cho hoạt động viễn chinh của quân đội Nhật

1. Tổng hợp từ UN's Economic and Social Commission for Asia and the Pacific (ESCAP), *Tlđđ*.

hoàng trong khu vực. Khi cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai đến hồi kết thúc, quân đội Nhật Bản ngày càng nhận rõ rằng họ có thể sẽ là người thua trận và sẽ phải rời bỏ Indônêxia cũng như các lãnh thổ khác mà họ đang chiếm đóng. Tuy nhiên, người Nhật cũng không muốn thực dân Hà Lan quay trở lại Indônêxia một lần nữa. Vì vậy, từ khoảng giữa năm 1945, họ đã chuẩn bị kế hoạch để người Indônêxia tiếp quản nền độc lập. Tháng 4 năm 1945, hai cánh quân của Tập đoàn quân viễn chinh phương Nam của Nhật Bản là Cánh quân số 16 và 25 đã thành lập hai Ủy ban tìm hiểu khả năng chuẩn bị cho độc lập của Indônêxia¹ tại tỉnh Java và Sumatra. Ngày 6 tháng 8 năm 1945, khi Hoa Kỳ ném quả bom nguyên tử đầu tiên xuống Hirôxima thì một ngày sau đó, quân đội chiếm đóng Nhật đã cho phép các lãnh đạo người địa phương của Indônêxia thành lập một ủy ban chung lấy tên là Ủy ban chuẩn bị độc lập của Indônêxia (*Preparatory Committee for Indonesian Independence*) gồm 27 thành viên. Hai ngày sau khi Nhật Bản bị ném quả bom nguyên tử thứ hai, vào ngày 17 tháng 8 năm 1945, Sukarno và Hatta, hai nhà lãnh đạo của Ủy ban chuẩn bị độc lập của Indônêxia đã tuyên bố Indônêxia độc lập. Công tác soạn thảo Hiến pháp cho Indônêxia được tiến hành ngay một ngày sau đó để khẳng định độc lập và chủ quyền của Indônêxia, ngăn chặn ý đồ quay trở lại của người Hà Lan.

1. Agency for investigating efforts for the preparation of Indonesian independence.

Chính vì vậy mà công tác soạn thảo Hiến pháp đã được tiến hành một cách rất vội vã. Trong vòng chỉ hai mươi ngày sau, Hiến pháp đầu tiên của Indônêxia đã được 27 thành viên của Ủy ban chuẩn bị độc lập của Indônêxia thông qua và ban hành¹.

Do được ban hành trong tình thế như vậy nên bản Hiến pháp năm 1945 của Indônêxia có nội dung khá sơ lược. Hiến pháp chỉ bao gồm 37 điều khoản, nội dung chủ yếu điều chỉnh về chủ quyền, độc lập và một số thiết chế chính trong bộ máy nhà nước. Các vấn đề như mối quan hệ giữa công dân với nhà nước cũng như các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân đều chưa được đề cập đến. Thậm chí, cấu trúc của bộ máy nhà nước, đặc biệt là phạm vi, nhiệm vụ quyền hạn và cách thức hoạt động của các cơ quan nhà nước cũng chưa được quy định rõ ràng². Bản thân những người xây dựng Hiến pháp năm 1945 khi đó cũng chỉ xem đây là một công cụ khẩn cấp để khẳng định độc lập, chủ quyền của Indônêxia chứ chưa phải là một công cụ để xây dựng một nền dân chủ lâu dài. Dự định lúc đó của các nhà lãnh đạo Indônêxia là Hiến pháp này sẽ chỉ là Hiến pháp tạm thời để rồi sau đó nó sẽ sớm được thay thế bằng một bản Hiến pháp khác ưu

1. R.M.A.B. Kusuma: *The birth of the 1945 Constitution*, Badan Penerbit Fakultas Hukum Universitas Indonesia, Jakarta, 2004, tr. 17-25; Clauspeter Hill & Jorg Menzel (Eds.): *Constitutionalism in Southeast Asia, Sdd*, tr. 96.

2. Asean law association, Indonesia, 2005, tr. 1-3.

việt và ổn định hơn. Tuy nhiên, diễn biến chính trị nhiều năm sau đó thì lại dẫn đến điều hoàn toàn ngược lại. Hiến pháp năm 1945, cùng với những sửa đổi, bổ sung nhất định, cho đến nay vẫn là Hiến pháp hiện hành của Indônêxia.

Sau 4 năm có hiệu lực, Hiến pháp năm 1945 bị đình chỉ hiệu lực trong khoảng thời gian 10 năm kể từ năm 1949 đến năm 1959 do những diễn biến chính trị phức tạp thời kỳ này tại Indônêxia. Thay vào đó, trong giai đoạn này, Indônêxia có 2 bản Hiến pháp tạm thời, Hiến pháp liên bang năm 1949 và Hiến pháp tạm thời năm 1950. Năm 1959, sau khi các phe phái chính trị tại Indônêxia không thể thỏa hiệp được với nhau để xây dựng một Hiến pháp mới thay thế Hiến pháp tạm thời năm 1950 thì Tổng thống Indônêxia khi đó là Sukarno đã tuyên bố khôi phục lại hiệu lực của Hiến pháp năm 1945.

Sau khi chế độ của Tổng thống Sukarno bị lật đổ năm 1998 và Luật năm 1985 về trưng cầu dân ý sửa đổi Hiến pháp bị bãi bỏ, người dân Indônêxia đã chuẩn bị một kế hoạch sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1945 để xây dựng một chế độ dân chủ hơn và tôn trọng quyền con người hơn. Quá trình sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1945 được tiến hành trong vòng 4 năm từ 1999 đến 2002 thông qua 4 lần sửa đổi, bổ sung. Các nội dung sửa đổi, bổ sung quan trọng nhất là giới hạn hai nhiệm kỳ tổng thống, thành lập các hội đồng đại diện vùng (DPD) để cùng với Hội đồng đại diện nhân dân (DPR) thành lập nên Hội

đồng tư vấn nhân dân (MPR), quy định tổng thống được người dân bầu trực tiếp, bãi bỏ Hội đồng cố vấn tối cao, thành lập Tòa án Hiến pháp và Ủy ban Tư pháp, v.v.¹.

IV. KHÁI QUÁT VỀ ĐẤT NƯỚC VÀ HOÀN CẢNH RA ĐỜI HIẾN PHÁP HIỆN HÀNH CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào nằm trên bán đảo Đông Dương, thuộc khu vực ASEAN, giáp Thái Lan, Việt Nam, Mianma, Trung Quốc và Campuchia. Lào cũng là quốc gia duy nhất trong khu vực không tiếp giáp biển. Giống như hầu hết các quốc gia trong khu vực, Lào là nước có khí hậu nhiệt đới và nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, bao gồm gỗ, thủy điện, quặng thiếc, vàng và đá quý. Dân số của Lào vào năm 2008 là 6,2 triệu người, sinh sống trên phạm vi lãnh thổ 236.800 km². Các nhóm sắc tộc lớn nhất của Lào là Lào Loum sinh sống ở vùng hạ Lào, Lào Theung sinh sống ở vùng thượng Lào và Lào Soung ở vùng cao nguyên, nơi có cả cộng đồng dân tộc Hmông và Dao sinh sống. Phần lớn dân số Lào theo đạo Phật, chỉ có một số ít theo Thiên chúa giáo. Tổng thu nhập

1. Clauspeter Hill & Jorg Menzel (Eds.): *Constitutionalism in Southeast Asia*, Sdd, tr. 100; Jimly Asshiddiqie: *The Constitutional Law of Indonesia*, Maxwell Asia, 2009; Denny Indrayana: *Indonesian Constitutional Reform 1999-2002: An Evaluation of Constitution-Making in Transition*, Kompas Book Publishing, Jakarta, 2008, tr. 360, 361.

quốc dân của Lào năm 2008 là khoảng hơn 5 tỷ USD, thu nhập bình quân đầu người đạt hơn 800 USD¹.

Năm 1975, cuộc cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân Lào giành thắng lợi hoàn toàn. Ngày 02-12-1975, Đại hội đại biểu nhân dân Lào họp ở Viêng Chăn tuyên bố thành lập nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Bộ máy chính quyền theo mô hình xã hội chủ nghĩa được thiết lập từ Trung ương tới cơ sở, chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội chủ nghĩa cũng bắt đầu được xây dựng. Tuy nhiên, phải tới năm 1991 tức là 16 năm sau đó, bản Hiến pháp đầu tiên mới được ban hành và cũng là bản Hiến pháp hiện hành của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

Hoàn cảnh ra đời Hiến pháp năm 1991 của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào chịu tác động của một số yếu tố nổi bật²:

Thứ nhất, sau khi nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào được thành lập, bộ máy nhà nước cũng như cơ chế quản lý kinh tế, điều hành xã hội được thiết lập và vận hành theo mô hình phổ biến ở các nước xã hội chủ nghĩa lúc bấy giờ mà gần gũi nhất là mô hình xã hội chủ nghĩa của Việt Nam. Nhà nước quản lý nền kinh tế theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung và bao cấp. Điều này đã phần

1. Tổng hợp từ UN's Economic and Social Commission for Asia and the Pacific (ESCAP), *Tlidd*.

2. Clauspeter Hill & Jorg Menzel (Eds.): *Constitutionalism in Southeast Asia*, *Sdd*, tr. 134-136.

nào làm triệt tiêu tính sáng tạo và động lực trong sản xuất, đưa nền kinh tế tới chỗ khủng hoảng vào những năm cuối thập kỷ 80 của thế kỷ XX. Điều này đặt ra nhu cầu phải đổi mới cơ chế quản lý kinh tế từ tập trung, bao cấp sang một cơ chế linh hoạt hơn và được thể chế hóa trong Hiến pháp.

Thứ hai, để vượt qua khủng hoảng, vực dậy nền kinh tế, điều hết sức quan trọng là thu hút được sự quan tâm của các nhà đầu tư nước ngoài. Vấn đề này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh sự sụp đổ của các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu đã dẫn tới hệ quả là nguồn viện trợ từ khối các nước xã hội chủ nghĩa trước đây không còn nữa. Để thu hút đầu tư nước ngoài, trước hết phải có một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh và ổn định, bắt đầu từ một bản Hiến pháp cam kết bảo hộ quyền lợi của các nhà đầu tư. Việc thiếu Hiến pháp trong hệ thống pháp luật sẽ gây ra tâm lý e ngại về một hệ thống pháp luật không hoàn chỉnh, không ổn định trong con mắt các nhà đầu tư.

Thứ ba, bản thân việc chậm ban hành Hiến pháp cũng đã được Đảng và Nhà nước Lào nhận định là một thiếu sót lớn. Việc không có Hiến pháp được xem cũng tội tệ như việc thiếu pháp luật, bởi dễ dẫn tới bất công bằng, vi phạm trật tự xã hội, hòa bình và có thể dẫn tới thiếu dân chủ và bất ổn định. Chính vì vậy, việc ban hành Hiến pháp là không thể trì hoãn.

Thứ tư, các nước trong phe xã hội chủ nghĩa đang tiến hành đổi mới kinh tế và đã có một số nước có thành công bước đầu trong việc chuyển sang nền kinh tế hàng hóa

nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý điều tiết của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Một số nước xã hội chủ nghĩa đã bắt đầu gạt hái được những thành công nhất định với quá trình đổi mới, ví dụ như Việt Nam, Trung Quốc¹.

Trong bối cảnh đó, vào năm 1990 và 1991, công tác soạn thảo Hiến pháp đã được tiến hành rất khẩn trương và ngày 14 tháng 8 năm 1991, Hiến pháp của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đã được ban hành. Đây là bản Hiến pháp đầu tiên, bản Hiến pháp hiện hành và cũng là bản Hiến pháp của thời kỳ đổi mới của đất nước Lào. Cho đến nay, Hiến pháp năm 1991 của Lào mới được sửa đổi, bổ sung một lần vào năm 2003. Việc sửa đổi, bổ sung lần này cũng có bối cảnh giống như việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992 của Việt Nam vào năm 2001 nhằm mục đích khẳng định chính sách đổi mới và điều chỉnh bộ máy nhà nước cho linh hoạt hơn, ứng phó tốt hơn với nhu cầu đổi mới. Trên cơ sở đó, trọng tâm của sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 2003 tập trung vào chế độ kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, một số quyền cơ bản của công dân và một số khía cạnh trong tổ chức và hoạt động của cơ quan lập pháp, nguyên thủ quốc gia và cơ quan hành pháp của Lào.

1. MacAlister Brown and Joseph J. Zasloff: "Development of the Constitution". *A country study: Laos* (Andrea Matles Savada, editor). Library of Congress Federal Research Division (July 1994).

V. KHÁI QUÁT VỀ ĐẤT NƯỚC VÀ HOÀN CẢNH RA ĐỜI CỦA HIẾN PHÁP HIỆN HÀNH LIÊN BANG MALAIXIA

Malaixia là quốc gia Hồi giáo duy nhất trong khu vực ASEAN vừa có địa hình đảo vừa có địa hình bán đảo với tổng diện tích 329.750 km². Đất nước này chiếm 1/3 diện tích hòn đảo Borneo, nơi có cả lãnh thổ Indônêxia và Brunây. Phần còn lại của Malaixia nằm trên bán đảo Malacca tiếp giáp với lãnh thổ Thái Lan. Về mặt biên giới, Malaixia tiếp giáp Indônêxia, Brunây, Thái Lan, eo Malacca và biển Adaman. Khí hậu của Malaixia cũng mang điển hình của khí hậu nhiệt đới với mùa mưa kéo dài từ tháng 4 tới tháng 10 hằng năm. Nguồn tài nguyên thiên nhiên của Malaixia bao gồm thiếc, dầu khí, gỗ, đồng, quặng sắt và bôxít. Malaixia nổi tiếng là quốc gia đa sắc tộc ở châu Á, với tổng dân số năm 2008 vào khoảng 27 triệu người, Malaixia có ba nhóm sắc tộc lớn là người Mã Lai, Hoa kiều và Ấn Độ. Các nhóm dân tộc thiểu số còn lại chỉ chiếm khoảng 10% dân số. Tôn giáo của Malaixia cũng rất đa dạng. Bên cạnh tôn giáo lớn nhất là đạo Hồi và đạo Phật, Malaixia còn có khá đông tín đồ theo Đạo giáo, đạo Hindu, Thiên chúa giáo và Sikh. Với tôn giáo và sắc tộc đa dạng như vậy, trên lãnh thổ Malaixia có khá nhiều loại ngôn ngữ được sử dụng như tiếng Bahasa Melayu, tiếng Anh, Trung Quốc, Tamil, Telugu, Malayalam, Panjabi và Thái Lan. Malaixia thuộc nhóm quốc gia phát triển nhất và ổn định nhất của khối ASEAN. Năm 2008, tổng thu nhập quốc dân của đất nước

này đạt hơn 221 tỷ USD, thu nhập bình quân đầu người đạt hơn 8.000 USD¹.

Bắt đầu từ cuối thế kỷ XVII, đầu thế kỷ XVIII, toàn bộ khu vực quanh eo biển Malacca bao gồm quần đảo Indônêxia, Xingapo, và bán đảo Mã Lai nằm trong khu vực tranh chấp thuộc địa giữa thực dân Anh và thực dân Hà Lan. Ngày 17 tháng 3 năm 1824, Hiệp định Anh - Hà Lan được ký kết, phân định lãnh thổ thuộc địa của Anh bao gồm khu vực bán đảo Mã Lai, Xingapo và lãnh thổ thuộc địa của Hà Lan bao gồm khu vực Sumatra. Kể từ đó, thực dân Anh hoàn toàn kiểm soát vùng lãnh thổ mà sau này là Malaixia và Xingapo².

Ngay từ cuối thế kỷ XVIII, thực dân Anh đã bắt đầu có ý định liên kết các bang thuộc Mã Lai để thành lập một liên bang Mã Lai nằm dưới một bộ máy cai trị chung do người Anh kiểm soát. Ý định này tạm thời bị đình lại trong thời gian Chiến tranh thế giới thứ hai do toàn bộ khu vực bị phát xít Nhật Bản chiếm đóng. Năm 1945, sau khi Nhật Bản đầu hàng, người Anh lại quay trở lại kiểm soát bán đảo Mã Lai, thiết lập trật tự ở đây và tiếp tục thực hiện ý tưởng thành lập một nhà nước liên bang ở khu vực này. Năm 1948, Liên bang Mã Lai (*Federation of Malaya*) được thành lập gồm 11 bang và có Hiến pháp riêng của mình. Bộ máy nhà nước lúc đó được thiết lập

1. Tổng hợp từ UN's Economic and Social Commission for Asia and the Pacific (ESCAP), *Tlđđ*.

2. Clauspeter Hill & Jorg Menzel (Eds.): *Constitutionalism in Southeast Asia*, *Sđđ*, tr. 165, 166.

gồm Cao ủy đại diện Nữ hoàng Anh, Hội đồng hành pháp và Hội đồng lập pháp - cơ quan mang dáng dấp của một Nghị viện. Cho đến lúc này, quyền lực chính trị hầu như vẫn nằm trong tay người Anh. Lãnh đạo địa phương mà đặc biệt là các tiểu vương ở các bang chỉ có quyền kiểm soát tuyệt đối đối với các vấn đề về đạo Hồi¹.

Năm 1955, diễn ra một cuộc bầu cử lịch sử để bầu đại biểu Hội đồng lập pháp liên bang. Trong cuộc bầu cử năm đó, Đảng Liên minh (*Alliance Party*) của Mã Lai thắng cử với tỷ lệ 51/52 số ghế của cơ quan lập pháp. Ngay lập tức đảng này sử dụng lợi thế lớn của mình để thúc đẩy đàm phán giành độc lập cho Liên bang Mã Lai, đi kèm với chủ trương đó là việc ban hành một bản Hiến pháp của Liên bang thay cho các văn bản do người Anh ban hành về tổ chức bộ máy nhà nước Liên bang. Đầu năm 1956, với sự nhượng bộ của Vương quốc Anh, một Hội nghị Hiến pháp đã được triệu tập trong vòng 3 tuần với sự tham gia của đại diện Chính phủ đương nhiệm, các lãnh đạo địa phương và giới chức Anh lúc đó. Hội nghị này đã chỉ định một Ủy ban soạn thảo Hiến pháp, còn gọi là Ủy ban Reid (*Reid Commission*), đặt theo tên của Chủ tịch Ủy ban này - Thẩm phán William Reid. Ủy ban có bốn thành viên nữa là các học giả đến từ các quốc gia: Vương quốc Anh, Ôxtrâyliá, Pakixtan và Ấn Độ. Sau một năm làm việc, Ủy ban Reid trình cho một ủy ban công tác gồm các lãnh đạo địa phương một bản dự thảo Hiến

1. Clauspeter Hill & Jorg Menzel (Eds.): *Constitutionalism in Southeast Asia*, Sdd, tr. 165, 166.

pháp để góp ý. Sáu tháng sau, dự thảo này được Hội đồng lập pháp Liên bang Mã Lai thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 8 năm 1957. Bốn ngày sau đó, Liên bang Mã Lai chính thức tuyên bố độc lập¹. Năm 1963, sau khi Liên bang Malaixia chính thức thành lập (với tên là Malaixia thay cho tên cũ là Mã Lai) với việc gia nhập của Sabah, Sarawak và Xingapo. Hiến pháp Mã Lai theo đó chính thức đổi tên thành Hiến pháp Liên bang Malaixia.

Tính đến năm 2005, trong vòng 48 năm tồn tại và có hiệu lực, Hiến pháp Liên bang Malaixia đã được sửa đổi, bổ sung 42 lần. Lần sửa đổi, bổ sung cơ bản nhất trong số đó là năm 1963 khi bang Sabah, Sarawak và Xingapo gia nhập liên bang (Xingapo ngay sau đó tuyên bố rút khỏi liên bang và thành lập nhà nước độc lập). Các lần sửa đổi, bổ sung khác có lúc mang tính kỹ thuật, có lúc mang tính nội dung, tính cho tới năm 2003, đã có khoảng 30 điều khoản của Hiến pháp Liên bang Malaixia bị sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ².

VI. KHÁI QUÁT VỀ ĐẤT NƯỚC VÀ HOÀN CẢNH RA ĐỜI CỦA HIẾN PHÁP HIỆN HÀNH LIÊN BANG MIANMA

Mianma (Miến Điện) có diện tích 678.500 km².

1. Jawan, Jayum A: *Malaysian Politics & Government*, Karisma Publications, 2003, tr. 43.

2. Ahmad, Zainon & Phang, Llew-Ann (Oct. 1, 2005), the all-powerful executive; Wu, Min Aun & Hickling, R. H. (2003). *Hickling's Malaysian Public Law*, Petaling Jaya: Pearson Malaixia, tr. 33.

Mianma có địa hình chủ yếu là đồi núi và thung lũng. Cũng như nhiều quốc gia ASEAN khác, Mianma cũng nổi tiếng về nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú của mình, trong đó, đặc biệt là dầu mỏ, quặng, vàng, gỗ và thủy điện. Tổng dân số của Mianma vào thời điểm năm 2008 là gần 50 triệu người, trong đó phần lớn theo đạo Phật, tuy nhiên, đây không phải là quốc giáo. Mianma thuộc nhóm nước nghèo nhất khu vực ASEAN. Năm 2008, tổng thu nhập quốc dân của Mianma ước đạt 28,663 tỷ USD, thu nhập bình quân đầu người khoảng 778 USD¹.

Từ cuối thế kỷ XIX đến nửa đầu thế kỷ XX, đất nước Mianma là thuộc địa của thực dân Anh. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, phát xít Nhật hất cẳng thực dân Anh để chiếm đóng Mianma. Sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, quân đội đồng minh tiến vào giải phóng Mianma, lực lượng giải phóng của Mianma cũng nhân cơ hội đó đứng lên tuyên bố độc lập và trở thành một quốc gia có chủ quyền. Ngay sau độc lập, một bản Hiến pháp đã được ban hành năm 1947 để thiết lập một nền dân chủ ở Mianma với chính thể cộng hòa đại nghị. Năm 1962, một nhóm tướng lĩnh quân đội làm đảo chính, cướp chính quyền và thành lập Hội đồng cách mạng, cơ quan lãnh đạo cao nhất ở Mianma. Đến năm 1974, Hội đồng cách mạng của nhóm tướng lĩnh này ban hành

1. Tổng hợp từ UN's Economic and Social Commission for Asia and the Pacific (ESCAP), *Tlđđ*.

một bản Hiến pháp chính thức thay thế Hiến pháp năm 1947 và thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Burma (theo tên gọi của Mianma) nằm dưới quyền cai trị của thống tướng quân đội và lực lượng quân sự¹.

Năm 1988, diễn ra liên hai cuộc đảo chính quân sự ở Mianma dẫn tới sự thành lập chính quyền quân sự dưới tên gọi Hội đồng khôi phục trật tự và pháp luật nhà nước (*the State Law and Order Restoration Council - SLORC*). Trong khoảng thời gian từ năm 1988 đến cuối thập kỷ đầu tiên của thế kỷ XXI, tình hình chính trị ở Mianma diễn ra hết sức phức tạp với hàng loạt các cuộc biểu tình đòi dân chủ và việc đàn áp các cuộc biểu tình đó từ phía chính quyền quân đội. Năm 1997, SLORC tự đổi tên thành Hội đồng hòa bình và phát triển nhà nước (SPDC) với dự định bắt tay xây dựng một chế độ dân chủ mới ở Liên bang Mianma. Năm 2003, SPDC công bố một kế hoạch gồm 7 bước để xây dựng nền dân chủ. Các bước đó bao gồm: (1) tái thành lập Hội nghị toàn quốc; (2) thực hiện các bước cho phép thiết lập một chế độ dân chủ và có kỷ cương; (3) soạn thảo một bản Hiến pháp mới; (4) ban hành Hiến pháp thông qua trưng cầu dân ý; (5) tổ chức tổng tuyển cử tự do và công bằng; (6) thiết lập các cơ quan dân cử và (7) thành lập các cơ quan nhà nước dựa trên cơ sở các cơ quan lập pháp. Để thực hiện bước 3 và bước 5, tháng 4 năm 2008, SPDC đã đề xuất một bản dự thảo

1. Clauspeter Hill & Jorg Menzel (Eds.): *Constitutionalism in Southeast Asia, Sdd*, tr. 193-195.

Hiến pháp mới được soạn thảo với sự trợ giúp của các tổ chức quốc tế. Tháng 5 năm 2008, một cuộc trưng cầu dân ý đã thông qua bản dự thảo này. Hiến pháp năm 2008 cũng chính là Hiến pháp hiện hành của Mianma. Có thể nói, trong số các quốc gia ASEAN, Mianma là nước có Hiến pháp hiện hành ban hành gần đây nhất.

VII. KHÁI QUÁT VỀ ĐẤT NƯỚC VÀ HOÀN CẢNH RA ĐỜI CỦA HIẾN PHÁP HIỆN HÀNH CỘNG HÒA PHILÍPPIN

Philíppin là quốc gia quần đảo lớn thứ nhì trong ASEAN. Toàn bộ lãnh thổ quốc gia này có diện tích 300.000 km² với khoảng hơn 7.100 hòn đảo lớn nhỏ. Khí hậu của Philíppin là khí hậu nhiệt đới biển với mùa mưa vùng Đông Bắc kéo dài từ tháng 11 tới tháng 4 và mùa mưa vùng Tây Nam kéo dài từ tháng 5 tới tháng 10 hằng năm. Tài nguyên thiên nhiên của quốc gia quần đảo này bao gồm gỗ, dầu khí, niken, bạc, vàng, muối và đồng. Dân số Philíppin vào năm 2008 là vào khoảng 90,3 triệu người, tổng thu nhập quốc dân cùng năm là 168,580 tỷ USD, thu nhập bình quân đầu người đạt 1.865 USD¹.

Trong số các quốc gia ASEAN, Philíppin có lẽ là nước có lịch sử lập Hiến lâu đời nhất. Bản Hiến pháp đầu tiên của quốc gia này, còn được gọi là Hiến pháp Malolos, được

1. Tổng hợp từ UN's Economic and Social Commission for Asia and the Pacific (ESCAP), *Tlđđ*.

ban hành năm 1898 sau khi Philíppin khởi nghĩa giành được độc lập sau hơn 350 năm dưới ách cai trị của Tây Ban Nha. Gần như ngay lập tức sau đó, Philíppin bị Hoa Kỳ chiếm đóng làm thuộc địa và lấy pháp luật của Hoa Kỳ áp đặt tại đây thay vì Hiến pháp năm 1898. Năm 1935, trong khi vẫn đang áp đặt chế độ thuộc địa, Hoa Kỳ đã ban hành cho Philíppin một bản Hiến pháp trong đó có tuyên bố độc lập về hình thức cho Philíppin. Trong thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ hai, Philíppin bị Nhật Bản chiếm đóng và người Nhật cũng ngay lập tức ban hành cho Philíppin một bản Hiến pháp vào năm 1943, thay thế cho Hiến pháp năm 1935. Sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, như một số nước khác ở trong khu vực, Philíppin giành được độc lập từ tay Nhật Bản. Tuy nhiên, họ không ban hành một bản Hiến pháp mới mà tiếp tục áp dụng Hiến pháp năm 1935.

Năm 1973, Nghị viện Philíppin thông qua một bản Hiến pháp mới để xây dựng một chính thể đại nghị ở Philíppin. Tuy nhiên, cùng năm đó, Tổng thống đương nhiệm là Marcos đã ban hành Luật thời chiến áp dụng trên toàn bộ phạm vi lãnh thổ và trên thực tế, điều này đã làm vô hiệu hóa Hiến pháp năm 1973. Luật thời chiến được áp dụng trong suốt thời gian cầm quyền của Marcos và biến chế độ này thành một chế độ độc tài gia đình trị¹.

Đến đầu thập niên 80 của thế kỷ XX, làn sóng đấu tranh đòi dân chủ ngày càng lên cao ở Philíppin. Ngày 3

1. US Congress: *Marcos and the Road to Martial Law, 1965-1972*, 1991.

tháng 11 năm 1985, Tổng thống Marcos tuyên bố bầu cử Tổng thống sớm. Đối thủ của ông là bà Aquino. Cuộc bầu cử năm đó đã trở nên rất nổi tiếng do nạn lạm phiếu, dọa nạt, gian lận kiểm phiếu và không kiểm 10% số phiếu tại khu vực thành thị. Tuy nhiên, kết quả là bà Aquino vẫn có nhiều hơn ông Marcos 1 triệu phiếu. Bất chấp tất cả những điều đó, Ủy ban bầu cử vẫn tuyên bố ông Marcos là người thắng cử. Sự lật lọng trắng trợn đó của chính quyền Marcos là giọt nước làm tràn ly, dẫn tới cuộc đảo chính ngày 25 tháng 2 năm 1986 lật đổ chế độ Marcos¹.

Tháng 4 năm 1986, Tổng thống đắc cử hợp pháp Aquino chỉ định một Ủy ban Hiến pháp gồm có 48 thành viên đến từ các giới khác nhau trong xã hội cũng như các quan chức của Chính phủ. Nhiệm vụ của Ủy ban là soạn thảo càng sớm càng tốt một bản Hiến pháp phù hợp với nhu cầu khẩn trương lập lại một chính phủ hợp Hiến bình thường tại Philíppin. Hơn 4 tháng sau, Ủy ban này trình một bản dự thảo Hiến pháp cùng các giải trình chi tiết lên Tổng thống Aquino. Sau đó, bản dự thảo đã được cử tri Philíppin thông qua trong một cuộc bỏ phiếu trưng cầu dân ý tiến hành ngày 02 tháng 02 năm 1987 và chính thức có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 02 năm 1987 đến nay².

1. Asean Law Association: *Legal system in Phillipines*, 2005, Chương 1.

2. Clauspeter Hill & Jorg Menzel (Eds.): *Constitutionalism in Southeast Asia*, Sdd, tr. 217, 220; Asean Law Association: *Legal system in Phillipines*, 2005, Chương 1.

VIII. KHÁI QUÁT VỀ ĐẤT NƯỚC VÀ HOÀN CẢNH RA ĐỜI CỦA HIẾN PHÁP HIỆN HÀNH CỦA CỘNG HÒA XINGAPO

Xingapo nằm ở khu vực ASEAN gồm một đảo chính (đảo Xingapo) và một số đảo nhỏ khác nằm ở phía Nam bán đảo Malacca (Malaixia). Đây là một quốc đảo với diện tích chỉ 647,5 km² với khoảng 4,6 triệu dân tính đến thời điểm năm 2008. Đất nước này nổi tiếng là nơi có nhiều cảng nước sâu với nguồn tài nguyên phong phú nhất là thủy sản. Các sắc tộc lớn sinh sống ở Xingapo bao gồm Trung Quốc, Ấn Độ và Mã Lai. Tôn giáo phổ biến nhất là Phật giáo, Hồi giáo, Thiên chúa giáo, ngoài ra còn có Hindu, Sikh và đạo Lão. Là quốc gia nhỏ nhất trong ASEAN, song Xingapo lại là quốc gia giàu nhất trong khu vực. Hơn 4 triệu dân cư của quốc gia này tạo ra tổng sản phẩm quốc dân ước đạt hơn 181 tỷ USD vào năm 2008, đem lại thu nhập bình quân đầu người đạt hơn 39.000 USD¹.

Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, giống như các quốc đảo khác trong cùng khu vực, Xingapo là thuộc địa của thực dân Anh. Đến năm 1867, sau gần 100 năm thuộc địa, thực dân Anh ban hành cho Xingapo một bản Hiến pháp thuộc địa giống như một số nước thuộc địa khác của Anh trong khu vực. Đương nhiên, khi đó đảo Xingapo vẫn chưa có độc lập.

1. Tổng hợp từ UN's Economic and Social Commission for Asia and the Pacific (ESCAP), *Tlđđ*.

Tháng 2 năm 1942, phát xít Nhật chiếm đóng Xingapo, bãi bỏ pháp luật của Anh quốc, trong đó có Hiến pháp thuộc địa 1867 và áp đặt ở đây pháp luật của họ.

Sau khi Nhật Bản đầu hàng quân đồng minh tháng 9 năm 1945, Xingapo được đặt dưới quyền quản lý của quân đội hoàng gia Anh ở khu vực Đông Nam Á và sau đó trở thành lãnh thổ thuộc địa độc lập (*Crown Colony*) của Hoàng gia Anh. Cũng bắt đầu từ đây, đời sống chính trị trên hòn đảo này trở nên sôi động hơn với sự xuất hiện của một số đảng phái chính trị địa phương có chủ trương đàm phán để giành một nền độc lập hoàn toàn cho Xingapo. Năm 1953, Chính phủ Anh lập một Ủy ban soạn thảo Hiến pháp để dự thảo một bản Hiến pháp nhằm phù hợp hơn với tình hình mới của Xingapo. Năm 1954, Ủy ban này trình lên Chính phủ Anh một dự thảo Hiến pháp trao nhiều quyền về chính trị hơn cho người dân Xingapo trong việc xây dựng chính quyền, tuy nhiên, phần lớn các vấn đề nội chính vẫn do người Anh phụ trách. Hiến pháp này được ban hành năm 1959 với tên gọi Hiến pháp Rendal (lấy tên của ông George Rendal người đứng đầu Ủy ban soạn thảo Hiến pháp). Sau đó, phong trào đòi độc lập của người Xingapo ngày càng lên cao. Tháng 7 năm 1963, cơ quan đại diện địa phương của Xingapo quyết định cùng với bang Sabah và Sarawak gia nhập Liên bang Mã Lai (sau đó là Liên bang Malaixia). Mục đích của việc gia nhập này là để giành ngay độc lập cho Xingapo và cũng là để cứu nguy về kinh tế cho hòn đảo này. Tuy nhiên, việc sáp nhập đã làm cho không khí chính trị và ngoại giao trong khu vực với chính quyền

trung ương Malaixia cũng như các nước lân bang như Indônêxia trở nên căng thẳng. Tháng 8 năm 1965, lãnh đạo trung ương của Malaixia triệu tập lãnh đạo Xingapo (lúc đó là ông Lý Quang Diệu) để thông báo quyết định tách Xingapo khỏi Liên bang Malaixia. Ngày 09 tháng 8 năm 1965, Xingapo tuyên bố trở thành một quốc gia độc lập¹.

Ngay sau độc lập, ngày 22 tháng 12 năm 1965, Xingapo đã ban hành Hiến pháp của riêng mình trên cơ sở sửa đổi, bổ sung Hiến pháp của Liên bang Malaixia và đây chính là Hiến pháp hiện hành của Xingapo². Cho đến nay, Hiến pháp năm 1965 của Xingapo đã được sửa đổi, bổ sung nhiều lần, trong đó có một số lần sửa đổi, bổ sung lớn về mặt nội dung. Năm 1970, để bảo đảm quyền lợi của các nhóm sắc tộc, tôn giáo khác nhau trên quốc đảo, Hiến pháp đã được sửa đổi, bổ sung để bổ sung một cơ quan chuyên cố vấn cho Tổng thống về các vấn đề quyền thiểu số lấy tên gọi là Hội đồng Tổng thống về quyền thiểu số (*Presidential Council for Minonity Rights*). Năm 1984 và 1988, Hiến pháp Xingapo được sửa đổi, bổ sung liên quan tới vấn đề đại diện trong Nghị viện, theo đó quy định trong thành phần của Nghị viện không chỉ có đại biểu được bầu từ đơn vị bầu cử mà phải có cả đại biểu được bầu theo nhóm sắc tộc hay tôn giáo. Năm 1991, Hiến pháp lại được sửa đổi, bổ sung khá căn bản khi

1. Kevin Tan Yew Lee, 1 Xingapo Academy of Law Journal, 1989, tr. 15-20.

2. Clauspeter Hill & Jorg Menzel (Eds.): *Constitutionalism in Southeast Asia, Sdd*, tr. 253

quy định Tổng thống, vốn trước đó do Nghị viện bầu, giờ đây sẽ do nhân dân bầu trực tiếp và có những nhiệm vụ quyền hạn rất lớn cả về mặt lập pháp và hành pháp. Tuy nhiên sau đó, lãnh đạo Xingapo phát hiện ra rằng quyền hạn của Tổng thống như vậy là quá lớn và có thể dẫn tới phá vỡ mô hình chính thể đại nghị mà quốc đảo vẫn quen thuộc từ trước đó. Chính vì vậy, suốt trong các năm 1994, 1996, 1997, 1998 và 2004 liên tiếp có các sửa đổi, bổ sung Hiến pháp để hạn chế bớt các quyền hạn to lớn của Tổng thống mà lần sửa đổi, bổ sung năm 1991 đã mang lại¹.

IX. KHÁI QUÁT VỀ ĐẤT NƯỚC VÀ HOÀN CẢNH RA ĐỜI CỦA HIẾN PHÁP HIỆN HÀNH VƯƠNG QUỐC THÁI LAN

Đất nước Thái Lan rộng khoảng 514.000 km², có biên giới tiếp giáp Mianma, Campuchia, Lào, biển Adaman và Malaixia. Năm 2008, tổng quy mô dân số của Thái Lan là hơn 67 triệu người, 95% trong số đó là những tín đồ Phật giáo. Ngoài ra, ở phía Nam Thái Lan có một cộng đồng Hồi giáo khá lớn sinh sống, chiếm 3,8% dân số. Về mặt sắc tộc, dân tộc Thái chiếm đa số với 75% dân số, Hoa kiều chiếm 14% và các sắc tộc khác chiếm 11% còn lại. Trong những thập kỷ vừa qua, Thái Lan nổi lên là một trong những quốc gia khá phát triển trong khu vực ASEAN. Năm 2008, tổng thu nhập quốc dân của Thái Lan

1. Clauspeter Hill & Jorg Menzel (Eds.): *Constitutionalism in Southeast Asia*, Sđđ, tr. 256-259.

đạt 282,158 tỷ USD, thu nhập bình quân đầu người ở mức 4.187 USD¹.

Thái Lan là nước duy nhất trong khu vực Đông Nam Á không phải chịu ách thuộc địa của các nước châu Âu trong suốt lịch sử cận đại. Chính vì vậy, có lẽ đây cũng là nước duy nhất trong khối ASEAN có lịch sử lập hiến gắn với vấn đề dân chủ hóa bộ máy chính quyền nhiều hơn là vấn đề khẳng định độc lập dân tộc.

Một điều khá đặc biệt nữa trong lịch sử lập hiến của Thái Lan là đã có khá nhiều bản Hiến pháp được ban hành. Hiến pháp đầu tiên được ban hành ở Thái Lan năm 1932 và cho tới nay, đã có tổng cộng 18 bản Hiến pháp lần lượt được ban hành. Nếu tính bình quân trong lịch sử thiết lập nền dân chủ ở Thái Lan thì cứ 4 năm một lần có một bản Hiến pháp mới ra đời. Lịch sử lập hiến của Thái Lan cũng rất nổi tiếng bởi các cuộc đảo chính của giới quân sự. Thường là khi nào hoạt động chính trị của đất nước lâm vào bế tắc, giằng co không dứt và không có lối thoát giữa các đảng phái chính trị thì phe quân đội Thái Lan lại “ra tay” đảo chính, sau đó ban hành một bản Hiến pháp tạm thời mở đường cho việc ban hành một Hiến pháp mới thay thế Hiến pháp cũ. Từ năm 1932 tới nay, đã có tổng cộng 5 cuộc đảo chính (các năm 1932, 1947, 1951, 1971 và 2006) dẫn tới việc ban hành Hiến pháp mới ở Thái Lan. Hiến pháp hiện hành của Thái Lan,

1. Tổng hợp từ UN's Economic and Social Commission for Asia and the Pacific (ESCAP), *Tlđđ*.

Hiến pháp năm 2007 cũng được ra đời sau một cuộc đảo chính quân sự như vậy¹. Mặc dù đã có tới 18 bản Hiến pháp trong lịch sử lập hiến nhưng bản Hiến pháp thứ 16 ban hành năm 1997 của Thái Lan mới là bản Hiến pháp đầu tiên thực sự do một Hội đồng soạn thảo Hiến pháp do nhân dân bầu ra soạn thảo và ban hành, đặt nền móng cho một nền dân chủ thực sự của nhân dân. Hiến pháp Thái Lan năm 1997 cũng lần đầu tiên quy định cả hai viện trong Nghị viện của Thái Lan đều do nhân dân trực tiếp bầu ra. Điều này cho thấy nền dân chủ nhân dân của Thái Lan trên thực tế vẫn còn khá non trẻ. Trong những năm đầu thế kỷ XXI, nền chính trị của Thái Lan diễn ra hết sức phức tạp. Các đảng phái không những tranh cử với nhau trong các cuộc bầu cử mà còn tranh cãi và phản đối nhau liên miên ngay cả sau khi bầu cử. Sau cuộc bầu cử hạ viện Thái Lan năm 2005, ông Thaksin Shinawatra cùng với Đảng dân túy TRT của mình thắng cử nhiệm kỳ thứ hai một cách áp đảo với 374/500 ghế tại Hạ viện. Chiến lược giúp ông Thaksin thắng cử vẫn tiếp tục là việc đề cao chính sách dân túy nhắm tới người dân nghèo bên ngoài các khu đô thị. Tuy nhiên, Thủ tướng Thaksin cũng có không ít đối thủ là những đảng phái chính trị đối lập, đặc biệt là tầng lớp trung lưu, những người chỉ trích ông là một nhà độc tài, mị dân và tham nhũng. Trong suốt một năm sau bầu cử, các cuộc biểu tình và phản đối diễn ra liên miên. Ngày 19 tháng 9 năm 2006, nhân lúc ông

1. Clauspeter Hill & Jorg Menzel (Eds.): *Constitutionalism in Southeast Asia, Sdd*, tr. 309-314.

Thaksin đang đi công cán ở Mỹ, phe quân đội đã tổ chức một cuộc đảo chính lật đổ Chính phủ của ông và thành lập Hội đồng cải cách dân chủ (*Council for Democratic Reform*). Hội đồng này ngay lập tức ban hành Hiến pháp tạm thời gồm 39 điều để chuẩn bị các bước cho việc ban hành một bản Hiến pháp mới thay thế Hiến pháp năm 1997. Toàn bộ quá trình soạn thảo Hiến pháp khi đó nằm dưới sự kiểm soát chặt chẽ của giới lãnh đạo quân đội cả về nội dung và thủ tục. Tất cả các thành viên của Hội đồng soạn thảo Hiến pháp (*Constitution Drafting Assembly*) đều được Quốc vương chỉ định với ý kiến tư vấn của quân đội. Các tướng lĩnh quân đội cũng chỉ rõ định hướng cho việc soạn thảo Hiến pháp là phải tạo ra một cơ chế nhằm kiểm soát Chính phủ một cách chặt chẽ và dễ dàng hơn, ví dụ giới hạn nhiệm kỳ Thủ tướng Chính phủ không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp, thủ tục bỏ phiếu bất tín nhiệm dễ dàng hơn, v.v.. Bản dự thảo Hiến pháp đã tiếp thu tất cả các ý kiến chỉ đạo này. Đầu tháng 8 năm 2007, Hiến pháp được đưa ra trưng cầu dân ý và ngày 24 tháng 8 năm 2007, chính thức được Quốc vương Thái Lan ký lệnh ban hành¹.

1. Clauspeter Hill & Jorg Menzel (Eds.): *Constitutionalism in Southeast Asia*, *Sdd*, tr. 314-316.

Chương II

HÌNH THỨC, CẤU TRÚC NỘI DUNG, TÍNH HIỆU LỰC VÀ THỦ TỤC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HIẾN PHÁP CÁC QUỐC GIA ASEAN

I. HÌNH THỨC VÀ CẤU TRÚC NỘI DUNG CỦA HIẾN PHÁP CÁC QUỐC GIA ASEAN

1. Về hình thức của các bản Hiến pháp các quốc gia ASEAN

Các bản Hiến pháp của các quốc gia ASEAN nghiên cứu ở đây được ban hành ở những thời điểm lịch sử khác nhau trong thế kỷ XX và XXI. Có những bản Hiến pháp ra đời cách đây đã hơn nửa thế kỷ, ví dụ Hiến pháp Indônêxia (1945), Malaixia (1957), Brunây (1959); có những bản Hiến pháp mới vài năm tuổi, ví dụ Hiến pháp Thái Lan (2007), Hiến pháp Mianma (2008). Nền tảng văn hóa pháp lý của các quốc gia ASEAN cũng khá phong phú. Đa số các quốc gia ASEAN đã từng có thời gian dài nằm dưới ách cai trị của thực dân Anh hay đế quốc Hoa Kỳ, đã khá quen thuộc với án lệ và Hiến pháp bất thành văn, ví dụ Xingapo, Malaixia, Mianma, Brunây, Philippin. Bên cạnh đó cũng có những nước đã từ lâu quen với truyền thống pháp luật thành văn như Campuchia hay Indônêxia. Mặc dù vậy, cho đến nay, tất cả các Hiến

pháp hiện hành của các quốc gia ASEAN đều là những bản Hiến pháp thành văn, tức là một đạo luật cơ bản tập hợp các chế định và các quy phạm pháp luật là những quy tắc xử sự chung được ban hành theo một trình tự thủ tục đặc biệt và để điều chỉnh những quan hệ xã hội cùng loại diễn ra sau khi nó được ban hành. Lý do của đặc điểm chung này có lẽ là vì có hai động cơ phổ biến cho sự ra đời của bản Hiến pháp đầu tiên ở các quốc gia ASEAN: *Thứ nhất*, tuyệt đại đa số các quốc gia ASEAN (chỉ trừ có Thái Lan) đều từng là những nước thuộc địa của các nước thực dân và đế quốc phương Tây. Hiến pháp của họ thường được ra đời vào lúc chủ nghĩa thực dân thoái trào trên toàn thế giới, đặc biệt là sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc. Các nước có thể giành được độc lập bằng những con đường khác nhau như đàm phán hoặc đấu tranh vũ trang, song Hiến pháp thì luôn được xem là một công cụ để ghi nhận và khẳng định nền độc lập, cho dù là nền độc lập đó đã đầy đủ hay chưa. *Thứ hai*, Thái Lan là nước không phải chịu ách thuộc địa như các nước khác nhưng Hiến pháp lại ra đời trong cuộc đấu tranh giữa giai cấp tư sản, quý tộc với vương triều phong kiến với mục đích hạn chế bớt quyền lực chuyên chế của Quốc vương. Sự hạn chế quyền lực này không diễn ra một cách từ từ qua nhiều thế kỷ như ở Anh quốc mà được can thiệp hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp bởi các nước thực dân phương Tây trong quá trình đàm phán giữa Quốc vương Thái Lan với Anh và Hoa Kỳ vào khoảng cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Chính vì vậy, Hiến pháp đầu tiên của

Thái Lan năm 1932 được xem như là công cụ hạn chế bớt quyền lực của Quốc vương Thái Lan và để việc hạn chế đó cụ thể và có hiệu quả, Hiến pháp Thái Lan cũng được soạn thảo dưới hình thức văn bản.

Tuy đều là những bản Hiến pháp thành văn, song về tính chính thể thì giữa các bản Hiến pháp các quốc gia ASEAN lại có một số điểm khác nhau đáng chú ý. Thông thường, khi nói tới Hiến pháp thành văn, người ta thường liên hệ tới duy nhất một đạo luật cơ bản của một quốc gia, bắt đầu từ Lời nói đầu, những chế định đầu tiên tới những điều khoản cuối cùng. Tuy nhiên, không phải tất cả các Hiến pháp của các quốc gia ASEAN đều như vậy, Hiến pháp hiện hành của Brunây và Xingapo bao gồm không phải chỉ một đạo luật mà là một số đạo luật khác nhau. Sở dĩ có thực tiễn này là do hoàn cảnh lịch sử ra đời các bản Hiến pháp đó.

Khi Hiến pháp năm 1959 của Brunây được ban hành, về cơ bản nó được xem như một công cụ để củng cố quyền lực tuyệt đối của vương triều. Thực dân Anh cũng lại là thế lực đứng đằng sau việc soạn thảo Hiến pháp. Với mục đích như vậy và với sự cố vấn của Cao ủy Anh quốc tại Brunây, bản Hiến pháp của vương quốc này được hợp thành bởi ba văn bản. Văn bản thứ nhất là Hiến pháp Vương quốc Negara Brunây Darussalam (*Constitution of Brunei Darussalam*), quy định chi tiết về cách thức tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn các cơ quan nhà nước ở Brunây. Văn bản thứ hai là Tuyên bố về việc kế vị và chấp chính (*Succession and Regency Proclamation*) quy định về cách

thức truyền ngôi báu của vương triều Brunây. Văn bản thứ ba là Lệnh về thủ tục tài chính được quy định trong Hiến pháp (*Constitution (Financial Procedure) Order*) quy định về các thủ tục hình thành dự luật tài chính tại Nghị viện Brunây¹.

Như đã phân tích, trình bày, Xingapo trở thành một quốc gia độc lập nhờ vào một sự kiện lịch sử, đó là việc Xingapo tách khỏi Liên bang Malaixia vào năm 1965. Trước khi tách khỏi Liên bang này, Xingapo đã chính thức trở thành một phần lãnh thổ của Liên bang Malaixia, chịu sự điều chỉnh của pháp luật Malaixia, trong đó có Hiến pháp Malaixia. Chính vì vậy, khi Xingapo tách khỏi Liên bang Malaixia, có tới ba văn bản hợp thành đạo luật tối cao của quốc gia này. Thứ nhất là Đạo luật về Hiến pháp và Malaixia (phần sửa đổi, bổ sung liên quan tới Xingapo) (*Constitution and Malaysia (Singapore Amendment) Act*) do Nghị viện Liên bang Malaixia ban hành, theo đó chuyển giao toàn bộ quyền lập pháp và hành pháp đối với hòn đảo Xingapo cho chính quyền mới của Xingapo. Đạo luật thứ hai là Đạo luật tuyên bố độc lập của Cộng hòa Xingapo (*Republic of Singapore Independence Act*) do Nghị viện Xingapo ban hành ngày 22 tháng 12 năm 1965, tuyên bố sự độc lập của quốc đảo Xingapo. Cuối cùng và quan trọng nhất chính là Đạo luật về Hiến pháp Xingapo (*Constitution of Singapore Act*) do Nghị viện Xingapo ban hành cùng ngày với đạo luật tuyên bố độc lập².

1, 2. Clauspeter Hill & Jorg Menzel (Eds.): *Constitutionalism in Southeast Asia, Sdd*, tr. 14, 253.

2. Về cấu trúc, mức độ chi tiết và kỹ thuật hợp nhất các điều khoản của các bản Hiến pháp các quốc gia ASEAN

Về cấu trúc, nhìn chung Hiến pháp của các quốc gia ASEAN đều được chia thành các chương, trong các chương có chia thành các điều, khoản, điểm chứa đựng các quy phạm pháp luật. Chỉ có duy nhất Hiến pháp Philippin được cấu trúc theo mô hình của Hiến pháp Hoa Kỳ, tức là lấy “điều” (*Article*) làm tập hợp các quy định của Hiến pháp, về thực chất giống như “chương” ở các bản Hiến pháp khác. Có một số bản Hiến pháp sử dụng cấu trúc phức tạp có nhiều tầng nấc như chương - phần - điều - khoản - điểm hoặc phần - chương - điều - khoản - điểm, ví dụ như: Hiến pháp Thái Lan, Xingapo và Malaixia. Cấu trúc như vậy vì những bản Hiến pháp này có mức độ chi tiết hóa cả về tổng thể và từng quy phạm.

Về cấu trúc nội dung, các bản Hiến pháp của các quốc gia ASEAN đều có Lời nói đầu và nội dung bao gồm các nhóm quy phạm điều chỉnh về những vấn đề cơ bản nhất và quan trọng của các quốc gia đó. Mỗi quốc gia có thể có những vấn đề cơ bản và quan trọng riêng của nước mình mà các nước khác không có. Song, cấu trúc của các bản Hiến pháp của các quốc gia ASEAN thường bao gồm những nội dung như Lời nói đầu, tính hiệu lực và thủ tục sửa đổi, bổ sung Hiến pháp, các quy định về chính sách của Nhà nước trong từng lĩnh vực (các chế độ nhà nước), chính thể và các cơ quan nhà nước ở Trung ương, chính quyền địa phương, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân,

điều khoản chuyển tiếp. Thứ tự đề cập của từng nội dung trong mỗi bản Hiến pháp có thể khác nhau tùy vào nhận thức của quốc gia về tầm quan trọng của vấn đề tương ứng. Ngoài những nội dung phổ biến trên, một số quốc gia có quy định trong Hiến pháp của nước mình những vấn đề khác nữa mà họ cho là quan trọng, ví dụ các thiết chế và cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước, thủ tục lập pháp, v.v.. Đặc biệt, trong cấu trúc một số bản Hiến pháp như Hiến pháp Brunây, Xingapo, Malaixia và Mianma còn có các phụ lục. Đây là nơi chủ yếu quy định về các vấn đề mang tính thủ tục, những lời tuyên thệ hoặc danh mục các cơ quan, các chức vụ trong bộ máy nhà nước có đề cập tới trong Hiến pháp.

Mức độ chi tiết của các bản Hiến pháp các quốc gia ASEAN rất khác nhau kể cả về tổng thể cũng như các điều khoản cụ thể của Hiến pháp. Có thể phân chia các bản Hiến pháp này thành hai nhóm căn cứ vào mức độ chi tiết của chúng. Nhóm Hiến pháp có mức độ chi tiết hóa thấp bao gồm Hiến pháp Campuchia, Lào và Indônêxia. Các bản Hiến pháp này thường có độ dài vừa phải. Hiến pháp Indônêxia và Lào có lần lượt là 37 và 98 điều. Hiến pháp Campuchia có 158 điều song các điều thường quy định rất ngắn gọn, chủ yếu mang tính ghi nhận. Tất cả các bản Hiến pháp còn lại có độ dài đáng kể, đặc biệt là các Hiến pháp Malaixia, Xingapo và Thái Lan. Đây là những bản Hiến pháp vừa dài, vừa rất chi tiết ngay cả trong các quy phạm của từng điều. Ở các bản Hiến pháp này không hiếm các điều có độ dài hơn một trang giấy. Chính vì vậy, chúng có thể được xem như những đạo luật

được quy định để bảo đảm sự thực thi chứ không chỉ là những quy định mang tính ghi nhận.

Trong kỹ thuật lập hiến, kỹ thuật hợp nhất các điều khoản sửa đổi, bổ sung Hiến pháp là kỹ thuật không thể thiếu. Không có bất kỳ bản Hiến pháp nào trên thế giới được bảo đảm miễn trừ mọi sửa đổi, bổ sung trong suốt quá trình tồn tại của mình. Ngay cả Hiến pháp Hoa Kỳ nổi tiếng về tính ổn định thì cho đến nay cũng đã có 27 tu chính sửa đổi, bổ sung. Mà bất kỳ quốc gia nào vào một thời điểm đều có nhu cầu có một bản Hiến pháp cập nhật nhất bao gồm tất cả các điều khoản đã sửa đổi, bổ sung trong đó để làm đạo luật cơ bản cho sự vận hành của quốc gia. Chính vì vậy, vấn đề hợp nhất các điều khoản sửa đổi, bổ sung Hiến pháp cũng là vấn đề hết sức quan trọng và phần nào đó thể hiện trình độ lập hiến của quốc gia. Kỹ thuật hợp nhất các điều khoản sửa đổi, bổ sung Hiến pháp ở các quốc gia ASEAN được sử dụng với những sự khác nhau nhất định. Ở phần lớn các quốc gia, sau khi Hiến pháp được sửa đổi, bổ sung thì cơ quan có thẩm quyền tổ chức in lại (*Reprint*) bản Hiến pháp với những điều khoản cập nhật nhất và bản Hiến pháp trước đó coi như không được sử dụng. Điều này phần nào ảnh hưởng tới việc nhận xét, đánh giá về tính lịch sử của nội dung Hiến pháp. Ở một số quốc gia, ví dụ: Campuchia, bên cạnh số hiệu của điều khoản cập nhật nhất có ghi chữ “mới” với ý nghĩa đây là điều khoản vừa được sửa đổi, bổ sung và bên cạnh đó có dấu ngoặc đơn trong đó ghi “trước đây là điều...”. Cách làm này cũng không thể hiện sự ưu việt hơn, bởi vì, một mặt, nó phá đi sự nhất quán trong

thứ tự điều của Hiến pháp sau mỗi lần sửa đổi, bổ sung, mặt khác, nó cũng không giúp cung cấp thông tin rằng điều khoản nào được sửa đổi vào thời gian nào. Ở một số quốc gia khác như Xingapo và Malaixia, kỹ thuật hợp nhất được sử dụng đối với Hiến pháp cũng giống như đối với các đạo luật và nó tỏ ra khá ưu việt. Các điều khoản sửa đổi, bổ sung được thêm vào, trong khi đó vẫn giữ nguyên số thứ tự của các điều khoản trước đó, cho dù các điều khoản trước đó đã bị bãi bỏ. Cách làm này vừa bảo đảm được tính lịch sử vừa bảo đảm được tính cập nhật của bản Hiến pháp.

II. QUY ĐỊNH VỀ TÍNH HIỆU LỰC VÀ THỦ TỤC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HIẾN PHÁP TRONG HIẾN PHÁP CÁC QUỐC GIA ASEAN

1. Quy định về tính hiệu lực của Hiến pháp trong Hiến pháp các quốc gia ASEAN

Trong các nền dân chủ hiện đại, Hiến pháp thường được xem là đạo luật cơ bản của quốc gia. Nói một cách nôm na, đó là đạo luật quan trọng nhất và có giá trị pháp lý cao nhất trong hệ thống pháp luật của quốc gia. Việc quy định tính hiệu lực tối cao của Hiến pháp ngay chính trong bản thân bản Hiến pháp là một vấn đề quan trọng, nó vừa là sự ghi nhận, vừa là cơ sở pháp lý để bảo đảm cho hiệu lực pháp lý cao nhất của Hiến pháp trong hệ thống pháp luật. Nhìn chung, để quy định rõ nhất và mạnh mẽ nhất về hiệu lực pháp lý tối cao của Hiến pháp

thì các điều khoản có liên quan trong bản Hiến pháp phải quy định được ba nội dung chính sau đây:

Thứ nhất, khẳng định Hiến pháp là đạo luật có hiệu lực pháp lý tối cao.

Thứ hai, quy định mọi cơ quan nhà nước, mọi văn bản pháp luật, cho dù là văn bản quy phạm pháp luật hay văn bản áp dụng pháp luật do bất kỳ cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào ban hành đều phải tuyệt đối tuân thủ Hiến pháp.

Thứ ba, quy định bất kỳ văn bản pháp luật nào trái với Hiến pháp đều phải bị bãi bỏ hoặc không có hiệu lực thi hành.

Nếu đem ba tiêu chí này để đối chiếu vào các bản Hiến pháp của các quốc gia ASEAN và so sánh giữa các bản Hiến pháp đó với nhau thì có thể thấy quy định về tính hiệu lực của Hiến pháp trong các bản Hiến pháp khác nhau đáng kể. Sự khác nhau đó thể hiện những mức độ mạnh mẽ trong quy định về tính hiệu lực của các bản Hiến pháp. Có thể sắp xếp một cách tương đối các bản Hiến pháp của các quốc gia ASEAN theo mức độ mạnh mẽ trong việc quy định về tính hiệu lực của Hiến pháp theo thứ tự tăng dần như sau:

a) Hiến pháp Vương quốc Brunây:

Khoản 1 Điều 84 Hiến pháp Brunây hiện hành quy định: “Chính quyền sẽ phải bị điều chỉnh theo quy định của Hiến pháp này...”. Đây là quy định hết sức ngắn gọn và nếu đối chiếu theo các tiêu chí nêu trên thì quy định như vậy thể hiện rất yếu về hiệu lực của Hiến pháp Brunây.

Hiến pháp Brunây hoàn toàn không có quy định Hiến pháp là đạo luật tối cao hay đạo luật cơ bản. Quy định như trên chỉ đơn giản là Hiến pháp có giá trị ràng buộc đối với chính quyền. Mà “chính quyền” theo định nghĩa trong chính bản Hiến pháp đó là chính quyền của Quốc vương Brunây¹. Chính quyền ở đây muốn đề cập trước tiên là Nghị viện và Chính phủ. Phạm trù của khái niệm “chính quyền” ở đây rõ ràng không bao gồm Quốc vương. Nói cách khác, Quốc vương là vị trí đứng trên chính quyền, sở hữu chính quyền. Theo quy định tại Điều 84 thì rõ ràng Hiến pháp chỉ có hiệu lực đối với chính quyền của Quốc vương Brunây mà hoàn toàn không có giá trị ràng buộc đối với bản thân Quốc vương. Thậm chí, Điều 84 Hiến pháp Brunây còn tiếp tục quy định rằng: “Hiến pháp này không được làm ảnh hưởng tới đặc quyền của Quốc vương và để tránh mọi sự hiểu nhầm, Hiến pháp này tuyên bố rằng, Quốc vương vẫn có toàn quyền làm luật và sửa đổi, bổ sung Hiến pháp này nếu thấy cần thiết”. Như vậy, hiệu lực pháp lý của Hiến pháp hoàn toàn nằm dưới quyền lực của Quốc vương.

b) Hiến pháp Cộng hòa Indônêxia và Cộng hòa Philippin:

Hai bản Hiến pháp này có cùng một cách thức quy định về tính hiệu lực của Hiến pháp: trong cả hai bản Hiến pháp này đều không có điều khoản nào quy định hay ghi nhận về tính hiệu lực của Hiến pháp, cho dù là hiệu lực cao hay hiệu lực thấp. Hiệu lực pháp lý của Hiến

1. Điều 2 Hiến pháp Brunây hiện hành.

pháp Indônêxia được tìm thấy trong quy định sau: “Tòa án Hiến pháp có thẩm quyền ra phán quyết cuối cùng đối với các vụ việc sơ thẩm đồng thời chung thẩm liên quan đến việc kiểm tra sự phù hợp của các luật với Hiến pháp”¹. Hiệu lực pháp lý của Hiến pháp Philippin cũng được tìm thấy trong một điều khoản tương tự; khoản 2.a Điều 8 Hiến pháp Philippin quy định rằng, Tòa án tối cao của Philippin có “thẩm quyền xét xử các vụ việc về tính hợp hiến hay giá trị pháp lý của các điều ước, cam kết, thỏa thuận quốc tế, luật, nghị định, tuyên bố, sắc lệnh, thông tư hay quy định của Tổng thống”.

Như vậy, dù trong hai Hiến pháp không đề cập trực tiếp hiệu lực của Hiến pháp song hai điều khoản viện dẫn trên đây gián tiếp quy định rằng, các văn bản pháp luật do các cơ quan nhà nước ban hành hoặc công nhận không được trái với Hiến pháp, nếu không sẽ bị tòa án có thẩm quyền xét xử về tính hợp hiến. Ở khía cạnh này, Hiến pháp Philippin có sự thể hiện mạnh mẽ hơn so với Hiến pháp Indônêxia. Hiến pháp Indônêxia chỉ quy định rằng, các luật có thể bị xem xét tính hợp hiến, trong khi đó Hiến pháp Philippin quy định không chỉ văn bản luật mà các văn bản pháp luật khác cũng có thể bị xem xét tính hợp hiến.

Như vậy, sự thể hiện về tính hiệu lực của Hiến pháp Cộng hòa Indônêxia và Cộng hòa Philippin chưa phù hợp và không tương xứng với tầm quan trọng cũng như vai trò của Hiến pháp đối với nhà nước và xã hội. Mặc dù vậy,

1. Điều 24C Hiến pháp Indônêxia hiện hành.

sự thể hiện đó vẫn ở mức độ cao hơn so với Hiến pháp Brunây, bởi vì, khác với Hiến pháp Brunây, cả Hiến pháp Indônêxia và Hiến pháp Philíppin đều không đặt Hiến pháp dưới một quyền lực nhà nước nào cả.

c) Hiến pháp Liên bang Mianma:

Điều 449 Hiến pháp Liên bang Mianma hiện hành quy định: Hiến pháp này là luật cơ bản của tất cả các văn bản pháp luật của Liên bang.

Thật khó có thể nói rằng quy định như vậy là sự thể hiện mạnh mẽ tính hiệu lực của Hiến pháp. Điều quan trọng là đã có sự ghi nhận Hiến pháp là đạo luật cơ bản của tất cả các văn bản pháp luật khác của Liên bang. Vì điều này căn cứ theo ba tiêu chí nêu trên, Hiến pháp Liên bang Mianma được xếp trên Hiến pháp Indônêxia và Philíppin. Tuy nhiên, việc sắp xếp như vậy cũng chỉ là tương đối. Lý do là Hiến pháp Mianma không quy định cụ thể “luật cơ bản” có nghĩa là gì, và “luật cơ bản của tất cả các văn bản pháp luật của Liên bang” nghĩa là như thế nào? Bên cạnh đó, Hiến pháp Liên bang Mianma cũng không có quy định rõ ràng rằng, nếu văn bản pháp luật của Liên bang trái với Hiến pháp sẽ có thể bị xem xét tính hợp hiến hay bị vô hiệu.

d) Hiến pháp Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Hiến pháp Vương quốc Campuchia:

Điều 96 Hiến pháp Lào hiện hành quy định về tính hiệu lực của Hiến pháp như sau: Hiến pháp Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào là đạo luật cơ bản của quốc gia. Mọi văn bản pháp luật khác phải phù hợp với Hiến pháp.

Điều 150 Hiến pháp Vương quốc Campuchia hiện hành quy định về tính hiệu lực của Hiến pháp như sau: Hiến pháp này là đạo luật tối cao của Vương quốc Campuchia. Pháp luật và các quyết định của các cơ quan nhà nước phải tuyệt đối tuân thủ Hiến pháp này.

Mặc dù đây cũng chỉ là những điều khoản ngắn gọn, mang tính tuyên bố về hiệu lực của Hiến pháp song các quy định này của Hiến pháp Lào và Hiến pháp Campuchia đã đề cập được hai trong số ba tiêu chí nêu trên: *Thứ nhất*, chúng khẳng định được giá trị pháp lý cao nhất của Hiến pháp trong hệ thống pháp luật. Ở khía cạnh này, Hiến pháp Campuchia dường như quy định rõ hơn Hiến pháp Lào bằng việc khẳng định rằng, Hiến pháp là đạo luật tối cao chứ không chỉ là đạo luật cơ bản. *Thứ hai*, các quy định trên đây của hai bản Hiến pháp cũng đã khẳng định được rằng mọi văn bản pháp luật phải phù hợp với Hiến pháp. Ở khía cạnh này, Hiến pháp Campuchia cũng đã quy định cụ thể hơn khi đề cập không chỉ pháp luật nói chung mà cả các quyết định của các cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, cả hai bản Hiến pháp cũng đều chưa quy định được về hậu quả pháp lý đối với văn bản pháp luật trái với Hiến pháp.

đ) Hiến pháp Vương quốc Thái Lan, Cộng hòa Xingapo và Liên bang Malaixia:

Điều 4.1 Hiến pháp Malaixia hiện hành quy định về hiệu lực của Hiến pháp như sau: Hiến pháp này là đạo luật tối cao của Liên bang và bất kỳ văn bản luật nào được ban hành sau ngày Độc lập đều phải tuân thủ hiến pháp và nếu như không tuân thủ thì sẽ không có hiệu lực.

Điều 4 Hiến pháp Xingapo hiện hành quy định về hiệu lực của Hiến pháp như sau: Hiến pháp này là luật tối cao của Cộng hoà Xingapo, và bất kỳ đạo luật nào do Cơ quan lập pháp ban hành sau khi bắt đầu thực hiện Hiến pháp này mà trái với Hiến pháp này, sẽ bị vô hiệu.

Điều 6 Hiến pháp Thái Lan hiện hành quy định về tính hiệu lực của Hiến pháp như sau: Hiến pháp là đạo luật tối cao của Nhà nước. Luật, quy định trái hoặc không phù hợp với Hiến pháp này sẽ không được áp dụng.

Ba bản Hiến pháp này được xếp vào loại có quy định thể hiện mạnh mẽ nhất về hiệu lực của Hiến pháp là bởi vì, các quy định tương ứng của chúng như viện dẫn trên đây, tuy không quá chi tiết, nhưng cũng thể hiện được đầy đủ ba tiêu chí đối với quy định về hiệu lực pháp lý của Hiến pháp nêu trên. Cả ba bản Hiến pháp đều không những khẳng định được Hiến pháp là đạo luật tối cao, luật và quy định không được trái Hiến pháp mà còn quy định hậu quả pháp lý nếu luật và quy định không phù hợp với Hiến pháp. Mặc dù cả ba Hiến pháp đều chỉ đề cập mối quan hệ giữa văn bản quy phạm pháp luật khác và Hiến pháp, song quy định như vậy cũng đã thể hiện được tầm quan trọng của Hiến pháp và sự đề cao Hiến pháp trong hoạt động của Nhà nước và xã hội. Một điểm lưu ý nữa là, cả ba Hiến pháp trên đây đều ghi nhận tính hiệu lực tối cao của Hiến pháp ở ngay những điều khoản đầu tiên. Điều này càng khẳng định sự coi trọng đúng đắn đối với vấn đề hiệu lực của bản Hiến pháp. Đây là sự phù hợp rất ưu việt giữa yếu tố nội dung tức là bản thân tầm quan trọng của vấn đề hiệu lực của Hiến pháp với

hình thức, tức là vị trí sắp đặt điều khoản về tính hiệu lực trong bản Hiến pháp. Nếu so sánh với các quốc gia khác trong khu vực thì rõ ràng ở các quốc gia khác vấn đề về hiệu lực của Hiến pháp thường được quy định ở những điều khoản cuối của Hiến pháp, qua đó cho thấy, vẫn còn phần nào đó chưa được thể hiện một cách đúng mức tầm quan trọng của vấn đề.

2. Quy định về sửa đổi, bổ sung Hiến pháp trong Hiến pháp các quốc gia ASEAN

Khi nói tới sửa đổi, bổ sung Hiến pháp là nói tới các vấn đề như ai có quyền sáng kiến sửa đổi, bổ sung Hiến pháp, ai có quyền quyết định nội dung sửa đổi, bổ sung Hiến pháp, quy trình sửa đổi, bổ sung Hiến pháp và giới hạn của việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp. Nhìn một cách tổng thể, có thể thấy rằng, Hiến pháp các quốc gia ASEAN có đề cập những khía cạnh nói trên của sửa đổi, bổ sung Hiến pháp. Mặc dù mức độ và phạm vi điều chỉnh có thể có những sự khác nhau nhất định.

Do Hiến pháp thường có vị trí tối cao trong hệ thống pháp luật quốc gia, là đạo luật cơ bản của Nhà nước nên khi nói việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp, người ta thường nói tới mức độ “khất khe” hay “khó khăn” của các thủ tục cần tiến hành. Về bản chất, đó chính là mức độ đồng thuận ý chí cần phải đạt được để có thể sửa đổi, bổ sung các điều khoản trong Hiến pháp. Mức độ đồng thuận ý chí càng cao thì thủ tục sửa đổi, bổ sung Hiến pháp càng khất khe và việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp càng khó

khăn hơn. Nếu đưa tiêu chí này để đối chiếu vào Hiến pháp của các quốc gia ASEAN thì có thể xếp các bản Hiến pháp này thành các nhóm sau:

a) Hiến pháp Vương quốc Brunây:

Trong số Hiến pháp của các quốc gia ASEAN được nghiên cứu ở đây, Hiến pháp của Vương quốc Brunây là bản Hiến pháp có thể bị sửa đổi, bổ sung mà cần đến ít sự đồng thuận nhất.

Khoản 1 Điều 85 Hiến pháp Brunây hiện hành quy định: Đức Vua có thể sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ bất kỳ điều khoản nào của Hiến pháp này bao gồm cả điều khoản này bằng một tuyên bố; và đó là cách thức duy nhất để sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ Hiến pháp. Như vậy, việc sửa đổi, bổ sung thậm chí bãi bỏ Hiến pháp Brunây chỉ có thể được đề xuất và quyết định bởi một người, đó là Quốc vương Brunây. Các cơ quan nhà nước như Nghị viện, Chính phủ và nhân dân không có vai trò chính thức nào trong việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp. Tất nhiên, cơ quan nhà nước có thể đề nghị Quốc vương sửa đổi, bổ sung Hiến pháp song đó không phải là một thủ tục pháp lý và đương nhiên là không có giá trị bắt buộc đối với Quốc vương.

Về mặt phạm vi, Hiến pháp Brunây cũng khẳng định rằng Quốc vương có quyền sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ bất kỳ điều khoản nào. Không có sự hạn chế bất kỳ nội dung nào mà Quốc vương không được chạm tới, thậm chí kể cả việc bãi bỏ Hiến pháp hiện hành và thay thế nó bằng một Hiến pháp khác.

Về mặt thủ tục, trước khi chính thức tuyên bố sửa đổi, bổ sung Hiến pháp, Quốc vương phải tham khảo ý kiến của Hội đồng Cơ mật về việc có nên sửa đổi, bổ sung Hiến pháp hay không¹. Tuy nhiên, Hội đồng Cơ mật chỉ là một cơ quan cố vấn của Quốc vương và ý kiến của Hội đồng này không có giá trị bắt buộc đối với Quốc vương. Sau khi tham khảo ý kiến Hội đồng Cơ mật, Quốc vương sẽ lập một dự thảo tuyên bố các nội dung sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ của Hiến pháp hiện hành. Theo quy định tại khoản 3 Điều 85 Hiến pháp hiện hành của Brunây, dự thảo tuyên bố này phải được đưa ra trước Hội đồng Lập pháp, cơ quan có chức năng Lập pháp của Brunây để thảo luận. Hội đồng Lập pháp có thể ra quyết định có nên sửa đổi, bổ sung gì vào dự thảo tuyên bố đó không. Tuy nhiên, cho dù có sửa hay không sửa thì Quốc vương Brunây cũng có quyền tiếp thu hoặc vẫn giữ nguyên dự thảo tuyên bố ban đầu.

Như vậy có thể thấy rằng, việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp Brunây hoàn toàn phụ thuộc vào chỉ một mình Quốc vương. Quốc vương có thể sửa đổi, bổ sung thậm chí bãi bỏ Hiến pháp tùy theo ý muốn của mình. Một số cơ quan nhà nước nhất định có thể can dự vào quá trình sửa đổi, bổ sung Hiến pháp, song chỉ với vai trò cố vấn. Người dân hoàn toàn nằm ngoài quá trình đó. Có thể nói không quá rằng, Hiến pháp của Vương quốc Brunây thực sự là công cụ của Quốc vương để điều chỉnh tổ chức và hoạt động của Nhà nước mình.

1. Khoản 2 Điều 85 Hiến pháp Brunây hiện hành.

b) Hiến pháp Cộng hòa Indônêxia:

Tại Indônêxia, chỉ có nhóm thành viên với ít nhất 1/3 tổng số thành viên của Hội đồng Tư vấn nhân dân mới có quyền sáng kiến sửa đổi, bổ sung Hiến pháp. Hội đồng Tư vấn nhân dân của Indônêxia là một cơ quan tập hợp các thành viên của Hội đồng đại diện nhân dân, tức cơ quan lập pháp của Indônêxia ở Trung ương, và Hội đồng đại diện địa phương. Tổng số đại biểu của Hội đồng Tư vấn nhân dân có thể lên tới hàng trăm người và tỷ lệ 1/3 tổng số thành viên cần có để đệ trình kiến nghị sửa đổi, bổ sung Hiến pháp là một tỷ lệ không dễ đạt được¹.

Thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Hiến pháp Indônêxia thuộc về Hội đồng Tư vấn nhân dân với tỷ lệ đồng thuận tối thiểu là đa số giản đơn tổng số tất cả các thành viên của Hội đồng. Một điều kiện phụ đi kèm là phiên họp để sửa đổi, bổ sung Hiến pháp phải có ít nhất 2/3 tổng số thành viên của Hội đồng Tư vấn nhân dân tham gia². Hiến pháp Indônêxia không có quy định về các thủ tục, trình tự cụ thể cho việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp.

Như vậy, sửa đổi, bổ sung Hiến pháp Indônêxia giống như công việc riêng của Hội đồng Tư vấn nhân dân. Bởi vì, chỉ có cơ quan này mới là chủ thể vừa có quyền đề xuất, vừa có quyền thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Hiến pháp. Tuy nhiên, có một nội dung quy định trong Hiến pháp được xem là cơ bản, sống còn đối với Nhà nước Indônêxia mà việc sửa đổi, bổ sung không được

1. Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 37 Hiến pháp Indônêxia hiện hành.

làm thay đổi: Đó là hình thức nhà nước cộng hòa đơn nhất Indônêxia¹.

c) Hiến pháp Vương quốc Thái Lan:

Ở Thái Lan, chỉ có một số chủ thể nhất định mới có quyền đưa ra kiến nghị về việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp, đó là Hội đồng Bộ trưởng, ít nhất 1/5 tổng số thành viên hiện có của Hạ nghị viện, Thượng nghị viện hoặc cả hai viện, và nhóm cử tri với số lượng từ 50 ngàn người trở lên. Quyền kiến nghị sửa đổi, bổ sung Hiến pháp của những đối tượng này là quyền hiến định mang tính pháp lý, có nghĩa rằng một khi kiến nghị được những đối tượng này đưa ra thì thủ tục xem xét sửa đổi, bổ sung Hiến pháp sẽ được bắt đầu. Các kiến nghị sửa đổi, bổ sung Hiến pháp bắt buộc phải được làm dưới dạng một văn bản dự thảo và được trình lên hai viện của Quốc hội Thái Lan².

Thẩm quyền quyết định sửa đổi, bổ sung Hiến pháp Thái Lan thuộc về Quốc hội Thái Lan phối hợp với Quốc vương. Tuy nhiên, vai trò của Quốc hội vẫn mang tính quyết định hơn. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Hiến pháp Thái Lan được quy định như sau:

Thứ nhất, khi dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung Hiến pháp được gửi tới Quốc hội, nó phải được Quốc hội xem xét trong ba phiên họp riêng biệt, mỗi lần đều có biểu quyết để ra quyết định. Phiên thứ nhất thảo luận về cơ sở để sửa đổi, bổ sung Hiến pháp. Trong phiên họp này,

1. Khoản 5 Điều 37 Hiến pháp Indônêxia hiện hành.

2. Khoản 1, 2 Điều 291 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

Quốc hội Thái Lan sẽ phải biểu quyết xem có chấp nhận về nguyên tắc đối với đề nghị sửa đổi, bổ sung Hiến pháp hay không. Nếu ít nhất một nửa số phiếu của tổng số thành viên có mặt của cả hai viện biểu quyết thông qua thì, dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung Hiến pháp sẽ được tiếp tục xem xét tại phiên điều trần thứ hai, nơi mà các đại biểu hai viện thảo luận và xem xét từng phần của bản kiến nghị sửa đổi, bổ sung Hiến pháp. Trong phiên điều trần này, cũng bắt buộc phải có sự tham gia của công chúng vào quá trình thảo luận, trao đổi. Khi đã trao đổi và xem xét từng phần của bản kiến nghị, Quốc hội Thái Lan sẽ bỏ phiếu để ra quyết định và nếu số phiếu đồng ý chiếm đa số trong số các đại biểu có mặt thì kiến nghị sẽ được đưa ra phiên điều trần thứ ba. Phiên điều trần thứ ba được tổ chức ít nhất sau 15 ngày kể từ phiên thứ hai, để những người đệ trình kiến nghị hoàn thiện bản kiến nghị của mình và tiến hành các công tác chuẩn bị. Tại phiên thứ ba, Quốc hội Thái Lan sẽ biểu quyết công khai thông qua dự thảo sửa đổi, bổ sung Hiến pháp với ít nhất hơn một nửa tổng số thành viên của cả hai viện¹.

Thứ hai, trong vòng 20 ngày kể từ khi được Quốc hội thông qua, dự thảo sửa đổi, bổ sung Hiến pháp Thái Lan phải được Thủ tướng chuyển cho Quốc vương để công bố. Nếu Quốc vương đồng ý với dự thảo, thì vị này sẽ ra quyết định công bố và Hiến pháp chính thức có hiệu lực. Nếu không đồng ý, Quốc vương có quyền gửi trả lại dự thảo cho Quốc hội. Nếu Quốc vương không gửi trả lại dự

1. Khoản 3, 4, 5 Điều 291 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

thảo cho Quốc hội trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận và cũng không công bố thì xem như Quốc vương không đồng ý. Trong cả hai trường hợp đó, Quốc hội Thái Lan có quyền thảo luận và thông qua lại dự thảo. Nếu dự thảo được thông qua lần đó với ít nhất 2/3 tổng số thành viên hiện có của cả hai viện thì bắt buộc Quốc vương phải công bố hoặc dự thảo đó có giá trị như thể đã được Quốc vương công bố. Như vậy, Quốc vương Thái Lan tuy không đóng vai trò quyết định trong việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp song có thể kiểm soát các nội dung sửa đổi, bổ sung Hiến pháp ở một mức độ nhất định¹.

Về phạm vi, Hiến pháp Thái Lan cấm sửa đổi, bổ sung các nội dung có thể làm thay đổi bản chất “Chế độ chính quyền dân chủ với Quốc vương là nguyên thủ quốc gia” hay hình thức của Nhà nước². “Chế độ chính quyền dân chủ với Quốc vương là nguyên thủ quốc gia” là một tên gọi khác để chỉ chính thể quân chủ lập Hiến (hay quân chủ đại nghị) được áp dụng vào hoàn cảnh của Thái Lan. Như vậy, đây được xem là hai vấn đề cơ bản nhất trong Hiến pháp Thái Lan mà việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp Thái Lan không thể đụng chạm tới. Cách duy nhất để thay đổi các quy định hiện hành của Hiến pháp về vấn đề này có lẽ chỉ có thể là bãi bỏ Hiến pháp hiện hành và thay thế nó bằng một bản Hiến pháp hoàn toàn mới.

Hiến pháp Thái Lan cũng quy định một số trường hợp đặc biệt liên quan tới sửa đổi, bổ sung Hiến pháp.

1. Điều 150, 151 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

2. Khoản 1, Điều 291 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

Nếu như dự thảo sửa đổi, bổ sung Hiến pháp chưa được Quốc hội thông qua mà Hạ nghị viện đã bị giải tán thì dự thảo đó sẽ chỉ có thể được tiếp tục xem xét ở Hạ nghị viện khóa mới nếu như Chính phủ tiếp tục đề nghị như vậy. Nếu dự thảo luật đã được Quốc hội thông qua, sau đó Hạ nghị viện kết thúc nhiệm kỳ hoặc bị giải tán và Quốc vương từ chối phê chuẩn thì dự thảo đó coi như bị bãi bỏ.

d) Hiến pháp các nước Lào, Campuchia, Malaixia và Xingapo:

Quy định về sửa đổi, bổ sung Hiến pháp ở bốn nước này giống nhau ở chỗ về cơ bản các nước này đều lấy tỷ lệ 2/3 đại biểu cơ quan lập pháp làm điều kiện để quyết định nội dung sửa đổi, bổ sung Hiến pháp. Tuy nhiên, quy định cụ thể ở mỗi nước lại có sự khác nhau đáng kể.

Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào là nước có quy định ngắn gọn nhất về vấn đề sửa đổi, bổ sung Hiến pháp. Hiến pháp Lào chỉ quy định đơn giản rằng thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Hiến pháp thuộc về Quốc hội và chỉ có thể được thực hiện tại các kỳ họp Quốc hội. Điều đó có nghĩa là, các đại biểu phải xem xét, thảo luận và biểu quyết các vấn đề sửa đổi, bổ sung Hiến pháp một cách công khai tại hội trường trong các kỳ họp. Việc thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Hiến pháp bằng con đường thư tín, cho dù có thể đạt được sự đồng thuận cao, là không được phép. Tỷ lệ đồng thuận tối thiểu cần có để thông qua Hiến pháp sửa đổi, bổ sung là 2/3 tổng số đại biểu Quốc hội Lào¹. Ngoài những quy định trên đây, Hiến pháp Lào

1. Điều 97 Hiến pháp Lào hiện hành.

không có quy định gì về vấn đề ai là người có quyền đề xuất sửa đổi, bổ sung Hiến pháp cũng như thủ tục, quy trình cần tiến hành để ra được quyết định cuối cùng về việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp.

Khác với Hiến pháp Lào và giống với Hiến pháp Thái Lan, Hiến pháp Campuchia có quy định về những người có quyền sáng kiến sửa đổi, bổ sung Hiến pháp. Những người đó bao gồm Quốc vương, Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch Hạ nghị viện. Trong số những người này, riêng Chủ tịch Hạ nghị viện không được tự mình đưa ra sáng kiến sửa đổi, bổ sung Hiến pháp mà chỉ có thể đưa ra sáng kiến đó nếu có yêu cầu của ít nhất 1/4 tổng số thành viên của Hạ nghị viện, tức là khoảng 30 hạ nghị sĩ. Thẩm quyền quyết định nội dung sửa đổi, bổ sung Hiến pháp Campuchia thuộc về Hạ nghị viện với tỷ lệ đại biểu tối thiểu để thông qua việc sửa đổi, bổ sung là 2/3 tổng số đại biểu. Tỷ lệ này tất nhiên thể hiện sự đồng thuận rất cao, cao hơn sự đồng thuận cần thiết để Hạ nghị viện thông qua một đạo luật. Tuy nhiên, cần lưu ý là, để sửa đổi, bổ sung Hiến pháp Campuchia không đòi hỏi sự đồng thuận của Thượng nghị viện trong khi đó mỗi dự thảo luật để được công bố đều cần được Thượng nghị viện thông qua. Như vậy, ở khía cạnh nào đó, thủ tục sửa đổi, bổ sung Hiến pháp Campuchia không phức tạp bằng thủ tục làm luật. Giống như Thái Lan, Campuchia cũng quy định một số nội dung của Hiến pháp không bao giờ được sửa đổi, bổ sung và trường hợp không được tiến hành sửa đổi, bổ sung Hiến pháp. Các nội dung không bao giờ được sửa đổi, bổ sung là các quy định liên quan tới chế độ dân chủ

đa đảng, dân chủ tự do và các nội dung xác lập chính thể quân chủ lập hiến. Trường hợp không được tiến hành sửa đổi, bổ sung Hiến pháp là trường hợp đất nước đang trong tình trạng khẩn cấp¹.

Giống với Hiến pháp Lào, Hiến pháp Malaixia không quy định những chủ thể nào có quyền sáng kiến sửa đổi, bổ sung Hiến pháp. Hiến pháp Malaixia chỉ quy định rằng việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp có thể được tiến hành bằng một đạo luật Liên bang. Điều này có nghĩa là, về cơ bản thẩm quyền sáng kiến, thẩm quyền quyết định và trình tự thủ tục sửa đổi, bổ sung Hiến pháp Malaixia không khác gì so với trình tự thủ tục ban hành một đạo luật thông thường. Theo đó, chủ thể có thẩm quyền sáng kiến sửa đổi, bổ sung Hiến pháp là nghị sĩ hoặc nhóm nghị sĩ của một trong hai viện; chủ thể có thẩm quyền quyết định nội dung sửa đổi, bổ sung Hiến pháp là Nghị viện Malaixia gồm cả Thượng nghị viện và Hạ nghị viện; thủ tục sửa đổi, bổ sung tiến hành tại Nghị viện phải trải qua ba lần điều trần trước Nghị viện. Mặc dù, áp dụng thủ tục giống như thủ tục làm luật song điều kiện để thông qua một dự luật sửa đổi, bổ sung Hiến pháp Malaixia lại đòi hỏi trong lần điều trần thứ hai và thứ ba ở mỗi viện, dự luật đó phải được thông qua bởi ít nhất là 2/3 tổng số thành viên của mỗi viện².

Về nguyên tắc, Hiến pháp Malaixia không cấm sửa đổi, bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Hiến pháp, tuy nhiên

1. Điều 113, 151 Hiến pháp Campuchia hiện hành.

2. Điều 66, 67 khoản 1, 3 Điều 159 Hiến pháp Malaixia hiện hành.

trong một số trường hợp, yêu cầu về điều kiện thông qua dự luật sửa đổi, bổ sung được quy định ngặt nghèo hơn so với các dự luật sửa đổi, bổ sung thông thường. Có hai loại điều kiện ngặt nghèo hơn thủ tục sửa đổi, bổ sung thông thường:

Thứ nhất, việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp không những phải được phê chuẩn bởi 2/3 tổng số thành viên mỗi viện trong lần điều trần thứ hai và thứ ba mà còn phải được sự đồng ý của Hội đồng Tiểu vương của Malaixia, cơ quan tập hợp tất cả các tiểu vương, các thống đốc của các bang trong Liên bang Malaixia. Điều kiện này áp dụng đối với các trường hợp dự luật sửa đổi, bổ sung Hiến pháp đề cập tới một trong số các vấn đề sau¹:

- Quyền của Nghị viện được ban hành luật để hạn chế việc thực hiện quyền tự do ngôn luận, tự do lập hội, tự do biểu tình vì lý do an ninh.

- Quan hệ quốc tịch của Liên bang Malaixia.
- Tổ chức và địa vị của Hội đồng Tiểu vương.
- Địa vị của Quốc vương Malaixia.
- Bảo đảm dành cho các Hiến pháp bang.
- Đặc quyền của hội đồng Lập pháp.

Thứ hai, việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp không những phải được phê chuẩn bởi 2/3 tổng số thành viên mỗi viện trong lần điều trần thứ hai và thứ ba mà còn phải được sự đồng ý của Tiểu vương bang Sabah hoặc Sarawak, hai bang quan trọng nhất trong Liên bang Malaixia. Điều kiện

1. Khoản 5 Điều 159 Hiến pháp Malaixia hiện hành.

này áp dụng đối với các trường hợp dự luật sửa đổi, bổ sung Hiến pháp đề cập hoặc có thể động chạm tới một trong số các vấn đề sau¹:

- Quyền được hưởng tư cách công dân của người sinh ra trước ngày Malaixia do có liên quan tới một trong hai bang và quyền đối xử công bằng của người sinh ra hoặc cư trú tại một trong hai bang.

- Tổ chức và thẩm quyền của Tòa thượng thẩm ở Sabah và Sarawak và việc bổ nhiệm, bãi miễn và tạm đình chỉ chức vụ Thẩm phán của Tòa án đó.

- Các lĩnh vực thuộc thẩm quyền ban hành luật của Nghị viện bang và cơ quan hành pháp của bang đối với vấn đề đó cũng như việc thu xếp tài chính trong lĩnh vực có liên quan giữa liên bang và bang.

- Tôn giáo tại bang, việc sử dụng bất kỳ ngôn ngữ nào hoặc cư xử đặc biệt nào đối với người bản xứ của từng bang.

- Số lượng đại diện của từng bang trong Hạ nghị viện Liên bang.

Thủ tục sửa đổi, bổ sung Hiến pháp Xingapo về cơ bản giống Hiến pháp Malaixia, tức là cũng áp dụng thủ tục lập pháp để sửa đổi, bổ sung Hiến pháp với tỷ lệ thông qua 2/3 tại Nghị viện. Điều khác biệt ở đây là, tỷ lệ 2/3 chỉ áp dụng đối với một nhóm đại biểu trong Nghị viện Xingapo chứ không phải tất cả đại biểu của Nghị viện. Do yếu tố lịch sử, tôn giáo và sắc tộc, Nghị viện Xingapo có các nhóm đại biểu mang tính đại diện khác nhau. Chiếm đa số trong Nghị viện là các đại biểu do cử tri bầu để đại

1. Điều 161E Hiến pháp Malaixia hiện hành.

diện cho cử tri. Nhóm này chiếm đại đa số trong Nghị viện. Ngoài ra, còn hai nhóm đại biểu nữa được chỉ định để đại diện cho nhóm sắc tộc và tôn giáo tại Xingapo gọi là các đại diện nhóm, không do cử tri bầu¹. Để thông qua dự luật sửa đổi, bổ sung Hiến pháp chỉ cần ít nhất 2/3 tổng số đại biểu ở nhóm thứ nhất tức là nhóm đại biểu do cử tri bầu thông qua là đủ để có hiệu lực. Việc ký công bố của Tổng thống Xingapo chỉ mang tính thủ tục.

Hiến pháp Xingapo cũng xác định một số nội dung có ý nghĩa quan trọng trong Hiến pháp và không thể bị sửa đổi, trừ khi đã được đưa ra để trưng cầu dân ý. Đó là các nội dung được quy định ở Phần III của bản Hiến pháp, quy định về việc không được nhượng bộ chủ quyền và quyền kiểm soát lực lượng cảnh sát và quân đội của Xingapo cũng như việc tham gia vào các cam kết quốc tế có thể dẫn tới việc chuyển giao một phần của chủ quyền quốc gia².

đ) Hiến pháp Liên bang Mianma:

Theo quy định của Hiến pháp Mianma hiện hành thì dường như bất kỳ ai cũng có quyền gửi đề xuất sửa đổi, bổ sung Hiến pháp cho Nghị viện miễn là đề xuất đó được làm dưới dạng một dự thảo bằng văn bản và không chứa đựng bất cứ nội dung nào khác ngoài việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp³. Tuy nhiên, đó không phải là quyền pháp lý bởi vì Nghị viện chỉ khởi sự chính thức xem xét dự thảo

1, 2. Điều 39.1.a; Điều 8 Hiến pháp Xingapo hiện hành.

3. Điều 433, 434 Hiến pháp Mianma hiện hành.

đó khi có ít nhất 20% tổng số đại biểu của Nghị viện đồng ý đưa lên. Rất tiếc, Hiến pháp không quy định thủ tục làm thế nào để đạt được tỷ lệ 20% này¹.

Một khi đã được đưa ra toàn thể Nghị viện xem xét thì dự thảo sửa đổi, bổ sung Hiến pháp Mianma chỉ có thể được thông qua nếu nó đạt được sự đồng thuận của ít nhất 75% tổng số đại biểu của Nghị viện². Đây là một tỷ lệ đồng thuận rất cao và ở mức độ nào đó đem lại sự bảo vệ khá chắc chắn cho quyền lực của phe quân đội trong chính quyền, bởi vì Hiến pháp quy định một tỷ lệ đại diện bắt buộc của quân đội trong Nghị viện chiếm vào khoảng 28-30%. Chính vì vậy, một khi phe quân đội không đồng ý thì dự thảo sửa đổi, bổ sung Hiến pháp không thể nào được thông qua.

Giống như các bản Hiến pháp khác, Hiến pháp Mianma cũng quy định một số trường hợp đặc biệt việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp phải đưa ra trưng cầu dân ý và phải được ít nhất 1/2 tổng số cử tri có tư cách đi bỏ phiếu tán thành. Đó là những trường hợp việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp động chạm tới những nội dung như Chương 1: Nguyên tắc nền tảng của Liên bang; Chương 2: Cấu trúc Nhà nước, Tiêu chuẩn bầu Tổng thống, cách thức bầu Tổng thống, Cấu trúc Nghị viện, thành phần của Hạ viện và Thượng viện Liên bang và Nghị viện bang, thành phần của Chính phủ Liên bang, Hội đồng quốc phòng và an ninh quốc gia, cấu trúc chính quyền bang và khu tự trị,

1, 2. Điều 435; khoản a, Điều 436 Hiến pháp Mianma hiện hành.

tổ chức Hệ thống Tòa án và Tòa án tối cao liên bang, số lượng và sắp xếp các Tòa thượng thẩm, số lượng và sắp xếp các Tòa án địa phương, tổ chức của Tòa án Hiến pháp, các điều khoản về tình trạng khẩn cấp và chính điều khoản sửa đổi, bổ sung Hiến pháp¹.

e) Hiến pháp Cộng hòa Philippin:

Trong số các bản Hiến pháp của các quốc gia ASEAN, Hiến pháp Philippin có quy định đặc biệt nhất và cũng đòi hỏi mức độ đồng thuận cao nhất đối với việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp. Theo quy định, có ba chủ thể được quyền đề xuất sửa đổi, bổ sung Hiến pháp Philippin, bao gồm²:

- Nghị viện Philippin khi có sự đồng ý của 3/4 tổng số đại biểu.

- Hội nghị Hiến pháp được Nghị viện triệu tập trên cơ sở đề nghị của 2/3 tổng số nghị viên. Hội nghị lập hiến cũng có thể được thành lập theo đề nghị của 1/2 tổng số nghị viên và được đa số cử tri cả nước đồng ý.

- Nhóm cử tri bao gồm ít nhất 12% tổng số cử tri có đăng ký, trong đó, mỗi đơn vị bầu cử có ít nhất 3% số cử tri đăng ký.

Như vậy, ngay cả để đưa ra đề nghị sửa đổi, bổ sung Hiến pháp thì quy định trong Hiến pháp Philippin đã đòi hỏi một tỷ lệ đồng thuận rất cao, cao hơn cả tỷ lệ đủ để thông qua sửa đổi, bổ sung Hiến pháp ở một số nước ASEAN như đề cập trên đây. Mức độ đồng thuận đòi hỏi để có thể thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Hiến pháp

1. Khoản b, Điều 436 Hiến pháp Mianma hiện hành.

2. Khoản 1, 2 Điều 17 Hiến pháp Philippin hiện hành.

lại còn cao hơn nữa, bởi vì, chỉ có một chủ thể duy nhất được quyết định về các đề xuất sửa đổi, bổ sung Hiến pháp, đó chính là cử tri cả nước trong một cuộc trưng cầu dân ý. Để cử tri được chuẩn bị tốt nhất để trưng cầu dân ý, cuộc trưng cầu dân ý phải được tổ chức không sớm hơn 60 ngày và không muộn hơn 90 ngày kể từ ngày đưa ra đề xuất sửa đổi, bổ sung Hiến pháp¹.

Chính vì việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp Philippin đòi hỏi một mức độ đồng thuận rất cao, cho nên, phạm vi sửa đổi, bổ sung Hiến pháp là không có hạn chế. Bất kỳ điều khoản nào của Hiến pháp Philippin đều có thể được sửa đổi, bổ sung. Tuy vậy, để có thể xác định được tỷ lệ đồng thuận cao như vậy đòi hỏi phải có thủ tục tiến hành khá phức tạp và tốn kém, không thể thực hiện thường xuyên được. Chính vì vậy, Hiến pháp Philippin cũng đặt ra những hạn chế nhất định, không phải tới phạm vi sửa đổi, bổ sung Hiến pháp mà là tần suất yêu cầu sửa đổi, bổ sung Hiến pháp. Theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Hiến pháp Philippin hiện hành thì trong 5 năm đầu kể từ ngày phê chuẩn Hiến pháp không được tiến hành sửa đổi, bổ sung Hiến pháp và sau đó không được sửa đổi, bổ sung Hiến pháp quá hai lần trong một năm.

3. Nhận xét về các quy định về tính hiệu lực và thủ tục sửa đổi, bổ sung Hiến pháp các quốc gia ASEAN

Qua những phân tích trên đây có thể rút ra một số

1. Khoản 4 Điều 17 Hiến pháp Philippin hiện hành.

nhận xét đối với các quy định về tính hiệu lực và thủ tục sửa đổi, bổ sung Hiến pháp các quốc gia ASEAN như sau:

- Ngoại trừ Brunây, các quốc gia còn lại đều khẳng định Hiến pháp là đạo luật cơ bản của Nhà nước, trong đó phần lớn các quốc gia khẳng định Hiến pháp có hiệu lực tối cao và các văn bản pháp luật trái với Hiến pháp đều phải bị bãi bỏ.

- Các quy định về thủ tục sửa đổi, bổ sung Hiến pháp các quốc gia ASEAN được quy định khá đa dạng, không có quốc gia nào hoàn toàn giống quốc gia nào. Mỗi quốc gia đều có những quy định đặc thù của mình. Tuy nhiên, thủ tục sửa đổi, bổ sung Hiến pháp của các quốc gia ASEAN đều có đặc điểm chung là sự chặt chẽ và đòi hỏi đồng thuận cao hơn nhiều so với việc ban hành các đạo luật. Các quốc gia theo chính thể cộng hòa như Philippin, Mianma thường có đòi hỏi khắt khe hơn so với các quốc gia theo chính thể quân chủ lập hiến.

- Mặc dù thủ tục sửa đổi, bổ sung chặt chẽ và đòi hỏi đồng thuận cao thể hiện sự tương ứng phù hợp với tính hiệu lực tối cao của Hiến pháp, song không phải quốc gia ASEAN nào cũng quy định bắt buộc phải có trưng cầu dân ý khi sửa đổi, bổ sung Hiến pháp. Trong số 9 quốc gia ASEAN, chỉ có Philippin yêu cầu phải có trưng cầu dân ý khi sửa đổi, bổ sung Hiến pháp. Các quốc gia còn lại hoặc không yêu cầu phải có trưng cầu dân ý hoặc chỉ yêu cầu phải có trưng cầu dân ý khi sửa đổi, bổ sung một số nội dung quan trọng nào đó của Hiến pháp.

- Một số bản Hiến pháp quy định cho người dân những cách thức khác nhau để tham gia vào quá trình sửa đổi,

bổ sung Hiến pháp. Trưng cầu dân ý là một trong những cách thức như vậy. Bên cạnh đó, một số Hiến pháp của Thái Lan hoặc Philippin còn quy định người dân, với một số lượng nhất định, có quyền đưa ra đề xuất sửa đổi, bổ sung Hiến pháp.

- Một số bản Hiến pháp ASEAN như Hiến pháp Campuchia và Thái Lan đã phân định một số quy định không thể bị thay đổi bằng thủ tục sửa đổi, bổ sung Hiến pháp. Đây là cách làm khá hiện đại và cũng đang được áp dụng trong một số bản Hiến pháp trên thế giới, ví dụ: Hiến pháp Cộng hòa Liên bang Đức hay Hiến pháp Liên bang Nga. Cách thức quy định như vậy nhấn mạnh thông điệp rằng, những nội dung cơ bản nhất, quan trọng nhất đối với quốc gia, ví dụ về chính thể, hình thức nhà nước, v.v., chỉ có thể bị thay đổi bằng thủ tục đòi hỏi sự đồng thuận của tất cả người dân bằng việc ban hành một bản Hiến pháp mới thay thế hoàn toàn Hiến pháp hiện hành.

Chương III

LỜI NÓI ĐẦU VÀ CÁC CHẾ ĐỘ NHÀ NƯỚC TRONG HIẾN PHÁP CÁC QUỐC GIA ASEAN

I. LỜI NÓI ĐẦU TRONG HIẾN PHÁP CÁC QUỐC GIA ASEAN

1. Các Hiến pháp không có Lời nói đầu - Hiến pháp Malaixia và Hiến pháp Xingapo

Trong số các quốc gia ASEAN được nghiên cứu ở đây, Malaixia và Xingapo là hai nước duy nhất không có phần “Lời nói đầu” trong Hiến pháp. Giới nghiên cứu Luật Hiến pháp ở hai quốc gia này cũng ít đề cập lý do tại sao lại có sự thiếu vắng đó. Như đề cập ở phần trên, hai quốc gia cũng quy định rất rõ giá trị hiệu lực tối cao của Hiến pháp cũng như cơ chế sửa đổi, bổ sung yêu cầu sự đồng thuận cao tương ứng với giá trị hiệu lực của Hiến pháp. Vì vậy, không thể nói rằng, việc không có phần Lời nói đầu cho thấy ở hai quốc gia này không đề cao vai trò của Hiến pháp trong hệ thống pháp luật. Sở dĩ hai bản Hiến pháp này không có Lời nói đầu có thể là vì những lý do mang tính kỹ thuật sau đây:

Thứ nhất, cả Malaixia và Xingapo đều có thời gian khá dài trong lịch sử cận đại là thuộc địa của Vương quốc Anh. Hai quốc gia này đều đã rất quen thuộc với truyền

thống pháp luật bất thành văn. Mặc dù cả hai quốc gia đều đã có những bản Hiến pháp thành văn, song có thể truyền thống pháp luật bất thành văn cũng đã có sự ảnh hưởng ít nhiều tới hình thức và cấu trúc của bản Hiến pháp, thiên về coi trọng nội dung hơn là những tuyên bố mang tính lễ nghi, hình thức.

Thứ hai, những phân tích trên đây cho thấy, Hiến pháp của cả hai quốc gia này đều có các điều khoản nội dung hết sức chi tiết và cụ thể. Bản thân cả hai bản Hiến pháp cũng đều thuộc loại dài nhất trong số Hiến pháp các quốc gia ASEAN. Điều này cho thấy, ở hai quốc gia này Hiến pháp mang đặc điểm của đạo luật với những điều khoản chi tiết có thể thi hành được ngay hơn là những điều khoản mang tính định hướng, nguyên tắc. Có lẽ chính vì điều này, nên lại một lần nữa yếu tố “thực dụng” - làm sao cho Hiến pháp đủ chi tiết và cụ thể để áp dụng được ngay, được đề cao hơn thay vì yếu tố “hình thức”, mang tính tuyên bố, ghi nhận như là phần Lời nói đầu của Hiến pháp.

2. Các Hiến pháp có Lời nói đầu ngắn gọn - Hiến pháp Philippin, Brunây, Campuchia và Indônêxia

Các bản Hiến pháp này đều có chung đặc điểm là có Lời nói đầu ngắn gọn, súc tích hơn so với các bản Hiến pháp các quốc gia ASEAN khác. Tuy nhiên, trong những Lời nói đầu đó cũng chứa đựng những nội dung và đặc điểm khác nhau.

a) Lời nói đầu của Hiến pháp Philippin:

Có thể nói, Hiến pháp Philippin có Lời nói đầu ngắn

gọn nhất trong số các bản Hiến pháp của các quốc gia ASEAN. Lời nói đầu của Hiến pháp Philippin chỉ vắn vẹn khoảng 4 dòng khi dịch ra tiếng Việt Nam, với nội dung là nêu lý do và cũng là mục đích của việc ban hành Hiến pháp. Theo đó, mục đích của việc ban hành Hiến pháp Philippin hiện hành là để xây dựng “một xã hội nhân đạo và công bằng, thiết lập Chính phủ thể hiện lý tưởng và nguyện vọng của người dân, thúc đẩy lợi ích chung, bảo tồn và phát triển di sản, duy trì độc lập và dân chủ trong điều kiện pháp quyền và chế độ xã hội yêu chuộng sự thật, công lý, tự do, bình đẳng, bác ái, hoà bình cho thế hệ mình và các thế hệ tiếp nối”. Có thể thấy, những mục đích, lý do này cũng chính là định hướng phát triển lâu dài của Cộng hòa Philippin, nó chứa đựng những giá trị mà dân tộc Philippin muốn hướng tới không chỉ trong lĩnh vực chính trị, pháp luật mà còn trong lĩnh vực văn hóa, xã hội.

b) Lời nói đầu của Hiến pháp Brunây:

Lời nói đầu của Hiến pháp Brunây tuy về hình thức có dài hơn một chút so với Hiến pháp Philippin. Song nội dung của nó thì lại có phần đơn giản hơn. Lời nói đầu này cũng có nội dung chính là mục đích của việc ban hành Hiến pháp. Mục đích đó là việc Quốc vương Brunây muốn cai trị theo các quy định của Hiến pháp và pháp luật, đồng thời tiến hành những bước để thiết lập các cơ quan đại diện của người dân trong bộ máy nhà nước. Như vậy là, mục đích ban hành Hiến pháp Brunây chỉ bó hẹp trong lĩnh vực áp dụng pháp luật và chính trị. Nó đem

đến thông điệp rằng Hiến pháp này được ban hành với vai trò như một công cụ để Quốc vương cai trị đất nước, đồng thời, để Quốc vương thực hiện tư tưởng dân chủ hóa của mình. Lời nói đầu của Hiến pháp Brunây thực sự thể hiện rằng đó là Hiến pháp của một chính thể quân chủ chuyên chế, Quốc vương ban hành Hiến pháp để làm công cụ thể chế hóa ý chí của mình.

c) Lời nói đầu của Hiến pháp Campuchia:

Cấu trúc Lời nói đầu của Hiến pháp Campuchia về cơ bản có hai phần: Phần thứ nhất khẳng định thành quả của dân tộc Khmer trong lịch sử, khẳng định rằng dân tộc Khmer sinh sống trên đất nước Campuchia “được biết đến là một nền văn minh vĩ đại của một dân tộc huy hoàng, hùng mạnh và thịnh vượng mà sự vinh quang của nó sáng như viên pha lê”. Phần thứ nhất của Lời nói đầu cũng đề cập những dấu ấn nổi bật trong lịch sử cận đại Campuchia, đó là thảm họa diệt chủng và quyết tâm đứng lên, xây dựng lại đất nước của người Campuchia.

Phần thứ hai của Lời nói đầu của Hiến pháp Campuchia đề cập mục đích và cũng là những giá trị định hướng cho sự phát triển của đất nước mà Hiến pháp hướng tới để bảo vệ, đó là củng cố đoàn kết dân tộc, bảo vệ và duy trì lãnh thổ quốc gia, độc lập dân tộc, kế thừa văn minh Angkor, xây dựng Campuchia thành một “hòn đảo hòa bình” với chế độ dân chủ tự do đa đảng, bảo đảm quyền con người, tôn trọng pháp luật, hướng tới sự phát triển thịnh vượng và huy hoàng.

d) Lời nói đầu của Hiến pháp Indônêxia:

Lời nói đầu của Hiến pháp Indônêxia gồm hai phần: Phần thứ nhất khẳng định các giá trị của độc lập dân tộc và thành quả của cuộc đấu tranh giành độc lập của Indônêxia, coi đó là nền tảng quan trọng nhất để phát triển đất nước Indônêxia độc lập, tự do, thống nhất, có chủ quyền, bình đẳng và thịnh vượng. Phần thứ hai nêu lên mục đích ban hành bản Hiến pháp đó là: “nhằm thiết lập Chính phủ của Nhà nước Indônêxia để bảo vệ toàn dân và Tổ quốc Indônêxia, để thúc đẩy sự thịnh vượng chung, nâng cao đời sống tinh thần của dân tộc và đóng góp cho việc thực hiện trật tự thế giới dựa trên tự do, hoà bình lâu dài và công bằng xã hội, độc lập dân tộc của Indônêxia được tuyên bố trong Hiến pháp của Nhà nước Indônêxia, tạo lập nên nước Cộng hoà Indônêxia với chủ quyền thuộc về nhân dân, dựa trên niềm tin vào thánh Allah, loài người tiến bộ và công bằng, sự thống nhất của Indônêxia và sự lãnh đạo dân chủ được dẫn dắt bởi sức mạnh của sự sáng suốt có được từ việc bàn bạc kỹ lưỡng/ dân chủ đại diện, nhằm thực thi công bằng xã hội cho mọi người dân Indônêxia”.

**3. Các Hiến pháp có Lời nói đầu dài hơn -
Hiến pháp Lào, Mianma và Thái Lan**

a) Hiến pháp Lào:

Hiến pháp Lào dành một phần đáng kể đề cập một cách khái quát tới lịch sử phát triển của các bộ tộc Lào và của Cách mạng Lào trong thời kỳ cận đại. Phần này

viết: “Các bộ tộc Lào đã tồn tại và phát triển trên mảnh đất thân thương hàng ngàn năm. Bắt đầu từ giữa thế kỷ XIV, trong thời trị vì của Chao Fa Ngum, các tiên bối của chúng ta đã lập nên một nước Lane Xang đoàn kết và xây dựng đất nước thành một mảnh đất phồn thịnh. Kể từ thế kỷ XVIII, đất nước Lào liên tục bị đe dọa bởi nạn ngoại xâm. Dân tộc chúng ta đã phát huy truyền thống bất khuất anh hùng của cha ông và tiếp tục kiên định đấu tranh giành độc lập và tự do.

Từ những năm 1930, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Đông Dương và Đảng Nhân dân cách mạng Lào hiện nay, các bộ tộc Lào anh em đã tiến hành những cuộc đấu tranh gian khổ với những hy sinh xương máu cho đến khi đập tan ách thống trị và cai trị của chế độ phong kiến, thuộc địa, hoàn toàn giải phóng đất nước và thiết lập nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào vào ngày 02 tháng 12 năm 1975, mở ra một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập hoàn toàn cho đất nước và tự do cho người dân.

Trong suốt những năm đất nước được giải phóng, dân tộc chúng ta đã cùng nhau tiến hành hai nhiệm vụ chiến lược là bảo vệ và xây dựng đất nước, đặc biệt là tiến hành cải cách nhằm mục đích huy động các nguồn lực của đất nước để bảo vệ chế độ dân chủ nhân dân và thiết lập các điều kiện đi lên chủ nghĩa xã hội”.

Sau khi đề cập khái quát lịch sử phát triển của Cách mạng Lào, Hiến pháp Lào đề cập lý do và mục đích của việc ban hành Hiến pháp. Lý do ban hành Hiến pháp được đề cập một cách chung chung là để phù hợp với sự

đòi hỏi của đời sống xã hội trong giai đoạn mới. Khẳng định đây là Hiến pháp của chế độ dân chủ nhân dân. Mục đích của Hiến pháp đồng thời cũng chính là nội dung của Hiến pháp là ghi nhận thành quả vĩ đại của Cách mạng Lào, xác định chế độ chính trị, chế độ kinh tế, xã hội, chế độ an ninh quốc phòng, chính sách đối ngoại, quyền và nghĩa vụ của công dân và tổ chức của bộ máy nhà nước trong giai đoạn mới.

Phần cuối cùng của Lời nói đầu đề cập tính chính thống của bản Hiến pháp, khẳng định đó là kết quả của quá trình thảo luận rộng rãi toàn dân trên khắp đất nước, phản ánh nguyện vọng lâu đời và quyết tâm mạnh mẽ của toàn dân cố gắng hoàn thành mục tiêu xây dựng Lào thành một đất nước hòa bình, độc lập, dân chủ, đoàn kết và thịnh vượng.

b) Hiến pháp Mianma:

Lời nói đầu của Hiến pháp Mianma đề cập bốn nội dung chính:

Nội dung thứ nhất khẳng định truyền thống lịch sử, nền độc lập dân tộc của Mianma, khái quát những nét chính trong lịch sử cận đại của đất nước Mianma. Lời nói đầu viết về nội dung này như sau: “Mianma là một đất nước với truyền thống lịch sử huy hoàng. Dân tộc chúng ta đã và đang sinh sống trong đoàn kết và nhất quán, thiết lập Nhà nước có chủ quyền độc lập và vươn mình dậy với niềm kiêu hãnh.

Do sự xâm lược của thực dân, đất nước mất quyền tự chủ vào năm 1885. Cả dân tộc đã tiến hành cuộc đấu

tranh chống thực dân và đấu tranh giải phóng dân tộc, với đoàn kết tạo thành sức mạnh, với những người đã hy sinh và vì vậy đất nước đã trở thành một nước đất độc lập vào ngày 04-01-1948”.

Nội dung thứ hai của Lời nói đầu Hiến pháp Mianma khái quát lịch sử lập Hiến và tư tưởng chủ đạo chính cho mỗi bản Hiến pháp: “Nhằm mục đích sớm giành được độc lập, Hiến pháp đã được khẩn trương soạn thảo và đã được Hội đồng cử tri thông qua ngày 24-9-1947. Sau khi giành được độc lập, chế độ dân chủ đại nghị đã được thực thi theo Hiến pháp của Liên bang Mianma. Tuy nhiên, vì chế độ dân chủ không thể hiện thực hóa được, Hiến pháp mới của Liên bang Mianma Cộng hòa xã hội chủ nghĩa được soạn thảo dựa trên hệ thống một đảng cầm quyền, và sau khi trưng cầu dân ý, một nhà nước dân chủ xã hội chủ nghĩa đã được thành lập vào năm 1974. Hiến pháp này kết thúc hiệu lực do chính biến năm 1988.

Sau đó, theo nguyện vọng của nhân dân, Hội đồng hòa bình và phát triển nhà nước đã cố gắng thiết lập một chế độ dân chủ đa đảng và kinh tế thị trường phù hợp với hoàn cảnh đất nước”.

Thứ ba, Lời nói đầu Hiến pháp Mianma trình bày vắn tắt quá trình ban hành bản Hiến pháp hiện hành, qua đó khẳng định tính chính thống của bản Hiến pháp hiện hành. Để thể hiện nội dung này, Lời nói đầu Hiến pháp Mianma viết: “nhu cầu có một bản Hiến pháp ổn định có thể bảo đảm được lợi ích lâu dài đã trở thành thiết yếu cho sự phát triển tương lai, Hội đồng hòa bình và phát triển nhà nước đã triệu tập Đại hội toàn quốc năm 1993.

Đại diện các giới và các lĩnh vực đã tham gia Đại hội toàn quốc này.

Bất chấp những khó khăn và cản trở, Đại hội đã được triệu tập lại vào năm 2004 theo kế hoạch 7 bước ban hành năm 2003. Đại hội toàn quốc đã ban hành các nguyên tắc cơ bản cụ thể để xây dựng Hiến pháp vào ngày 03-9-2007.

Theo đây, ban hành Hiến pháp này của Liên bang Cộng hòa Mianma thông qua cuộc trưng cầu dân ý toàn quốc vào ngày 29-5-2008”.

Cuối cùng, Lời nói đầu Hiến pháp Mianma đề cập những nguyên tắc và tư tưởng chủ đạo đối với nội dung của Hiến pháp và cũng là những nguyên tắc bất di bất dịch đối với sự tồn tại và phát triển của Liên bang Mianma. Các nguyên tắc và tư tưởng chủ đạo đó bao gồm:

- Tuân thủ tuyệt đối mục tiêu không chia rẽ Liên bang, không chia rẽ đoàn kết dân tộc và duy trì chủ quyền;

- Cố gắng hết sức để củng cố thêm các nguyên tắc bất di bất dịch như công lý, tự do, bình đẳng và bảo vệ hòa bình cũng như thịnh vượng của dân tộc;

- Bảo vệ sự bình đẳng dân tộc, mãi mãi chung sống trong tình đoàn kết và tinh thần yêu nước của Liên bang;

- Liên tục cố gắng phấn đấu bảo vệ các nguyên tắc cùng chung sống hòa bình giữa các quốc gia với quan điểm duy trì hòa bình thế giới và quan hệ hữu nghị với các nước.

c) Hiến pháp Thái Lan:

Lịch sử Hiến pháp của Thái Lan là một lịch sử đầy

biến động, đã có rất nhiều bản Hiến pháp được ban hành rồi lại được thay thế bởi những bản Hiến pháp mới. Đây là một thực tiễn mà thường các nhà lập pháp không mong muốn. Có lẽ chính vì vậy, Lời nói đầu của Hiến pháp Thái Lan hiện hành tập trung làm nổi bật tính chính thống và giá trị ưu việt của bản Hiến pháp hiện hành. Trên tinh thần đó, Lời nói đầu của Hiến pháp Thái Lan bao gồm ba nội dung chính:

Nội dung thứ nhất, nêu bật những nét chính trong quá trình soạn thảo Hiến pháp hiện hành, qua đó khẳng định tính chính thống của Hiến pháp. Nội dung này viết: “Đức Phrabat Somdet Phra Paramintharamaha Bhumibol Adulyadej Mahitalathibet Ramathibodi Chakkri Narubodin Sayammintharathirat Borommanatthabophit hài lòng tuyên bố rằng Chủ tịch Hội đồng Lập pháp quốc gia đã thông báo chế độ chính quyền dân chủ của Thái Lan với Quốc vương là nguyên thủ quốc gia đã phát triển trong suốt 75 năm qua và trong những năm đó đã ban hành, bãi bỏ và sửa đổi, bổ sung một số bản Hiến pháp để phù hợp với tình hình của đất nước cũng như những thay đổi trong thế sự và bởi vì, Hiến pháp của Vương quốc Thái Lan (Lâm thời), B.E. 2549 (2006) có quy định thành lập một Hội đồng Lập hiến và Ủy ban soạn thảo Hiến pháp chịu trách nhiệm chuẩn bị dự thảo Hiến pháp hoàn toàn mới làm định hướng hoạt động cho chính quyền của đất nước theo cách thức cho phép thành viên của bộ máy chính quyền quốc gia, công chúng được tham gia và bày tỏ quan điểm của mình một cách rộng rãi trong mỗi giai đoạn và đưa những ý kiến đó vào xem xét trong quá

trình chuẩn bị những dự thảo và liên tục xem xét những nguyện vọng của người dân để đạt.

Sau khi đã hoàn tất việc dự thảo Hiến pháp, Hội đồng Lập hiến đã công bố bản thảo và tiến hành trưng cầu dân ý để phê chuẩn dự thảo toàn văn Hiến pháp. Cuộc trưng cầu dân ý đã cho thấy rõ ràng rằng đa số nhân dân có quyền bỏ phiếu, những người đã tham gia vào trưng cầu dân ý đều đồng ý với Dự thảo Hiến pháp mới này. Trên cơ sở đó, Chủ tịch Hội đồng Lập pháp quốc gia đã trình Dự thảo Hiến pháp lên Quốc vương để ngài ký ban hành Dự thảo đó làm Hiến pháp của Vương quốc Thái Lan. Quốc vương đã thấy cần sớm ký ban hành theo nguyện ước của nhân dân.

Vì thế, theo chiếu chỉ của Quốc vương, Hiến pháp của Vương quốc Thái Lan được ban hành để thay thế kể từ ngày được ban hành Hiến pháp Vương quốc Thái Lan (Lâm thời), B.E. 2549 (2006) được ban hành ngày 1 tháng 10 năm 2549 Phật lịch (2006)".

Nội dung thứ hai khẳng định những tư tưởng chủ đạo của Hiến pháp và cũng là những phần nội dung chính của Hiến pháp. Những tư tưởng này bao gồm:

- củng cố độc lập và an ninh quốc gia.
- Coi trọng tất cả các tôn giáo.
- Quốc vương là nguyên thủ quốc gia và là trung tâm của đoàn kết dân tộc.
- Mô hình chính thể với chính quyền dân chủ với Quốc vương là nguyên thủ quốc gia như là công cụ để cai trị đất nước.

- Bảo vệ các quyền và quyền tự do của nhân dân, việc công nhận vai trò và sự tham gia của công chúng vào chính quyền.

- Giám sát các hoạt động thực hiện quyền lực nhà nước theo cách thức cụ thể, việc thiết lập các cơ chế bảo đảm rằng các thiết chế chính trị, cả trong lập pháp và hành pháp phải đạt được sự cân bằng và tính hiệu quả trên cơ sở chế độ đại nghị.

- Thiết chế tư pháp và các cơ quan độc lập khác thực hiện nhiệm vụ của mình theo cách thức trung thực và công bằng”.

Trên cơ sở làm rõ tính chính thống và những tư tưởng tiến bộ của Hiến pháp, phần cuối cùng của Lời nói đầu kêu gọi toàn dân Thái Lan đoàn kết, ủng hộ và bảo vệ Hiến pháp: “Toàn thể nhân dân Thái Lan hãy đoàn kết trong việc tuân thủ, bảo vệ và ủng hộ Hiến pháp của Vương quốc Thái Lan để duy trì chế độ chính quyền dân chủ và chủ quyền xuất phát từ nhân dân Thái Lan và đem đến hạnh phúc, thịnh vượng và uy tín cho thần dân của Đức Vua trong toàn Vương quốc theo ý chí của Đức Vua ở mọi phương diện”.

4. Nhận xét về Lời nói đầu trong Hiến pháp các quốc gia ASEAN

Phân tích trên đây cho thấy, Lời nói đầu trong các bản Hiến pháp của các quốc gia ASEAN có nội dung rất đa dạng và phong phú. Các Lời nói đầu đều toát lên tinh thần phù hợp với hoàn cảnh lịch sử của bản Hiến pháp tương ứng, ví dụ như Lời nói đầu Hiến pháp Brunây toát

lên vai trò tối cao của Quốc vương và Hiến pháp là một công cụ để Quốc vương thực hiện sự cai trị theo tư tưởng của mình; Hiến pháp Thái Lan nhấn mạnh tới tính chính thống và toát lên những tư tưởng, giá trị dân chủ ưu việt mà người dân Thái Lan đều mong muốn và một vai trò khác của Quốc vương - biểu tượng của đoàn kết dân tộc; Lời nói đầu Hiến pháp Mianma toát lên quan điểm và sự nỗ lực của chính quyền quân sự đương nhiệm trong việc dân chủ hóa chính quyền, mong muốn xây dựng một chính quyền mới dân chủ hơn và mang tính đại diện cao hơn, v.v..

Mặc dù, có những điểm khác nhau nhất định, song ở bất kỳ Lời nói đầu nào cũng đều đề cập ít nhất hai vấn đề:

Vấn đề thứ nhất, là tính chính thống của Hiến pháp. Tính chính thống có thể chỉ cần thể hiện qua một cụm ngắn gọn “Chúng tôi, người dân...” như trong Hiến pháp Philippin, hoặc có thể thể hiện qua sự mô tả dài dòng hơn về quá trình xây dựng Hiến pháp và các yếu tố dân chủ, ý chí nhân dân được phản ánh trong quá trình xây dựng Hiến pháp, như Hiến pháp Mianma hay Thái Lan.

Vấn đề thứ hai, là mục đích của việc ban hành Hiến pháp và đó cũng thường là những tư tưởng chính định hướng nội dung các điều khoản của Hiến pháp. Trên thực tế, chính mục đích và những tư tưởng chính này cũng góp phần làm nên tính chính thống của bản Hiến pháp tương ứng.

Có thể thấy, hai vấn đề trên đây cũng là những vấn đề cần được đề cập trong Lời nói đầu của một bản Hiến pháp hiện đại. Chúng cung cấp nền tảng cho sự tồn tại

của bản Hiến pháp, đồng thời, cung cấp những quan điểm khởi đầu cho việc xây dựng nội dung các chế độ và các điều khoản cụ thể của Hiến pháp.

II. CÁC CHẾ ĐỘ NHÀ NƯỚC THEO QUY ĐỊNH CỦA HIẾN PHÁP CÁC QUỐC GIA ASEAN

Phần các chế độ nhà nước trong một bản Hiến pháp bao gồm các điều khoản của bản Hiến pháp đó quy định về chính sách cụ thể của Nhà nước trong từng lĩnh vực của đời sống xã hội. Những chính sách đó được hiểu là những chính sách nền tảng, định hướng cho hoạt động thực hiện quyền lực của cả bộ máy nhà nước nói chung và từng cơ quan nhà nước nói riêng trong từng lĩnh vực của đời sống xã hội. Về bản chất, các chế độ nhà nước là nền tảng của từng lĩnh vực trong đời sống xã hội được thiết lập thông qua việc các quy định tương ứng của Hiến pháp điều chỉnh các mối quan hệ cơ bản nhất và quan trọng nhất trong lĩnh vực tương ứng. Trên cơ sở đó, các chế độ của nhà nước có thể được phân nhóm thành chế độ chính trị, chế độ kinh tế, xã hội, môi trường, chế độ văn hóa, giáo dục, khoa học - công nghệ, chế độ an ninh, quốc phòng và đối ngoại.

Trong Hiến pháp của 9 quốc gia ASEAN nghiên cứu ở đây, mức độ quy định về các chế độ nhà nước có sự khác biệt khá lớn. Có những bản Hiến pháp không hoặc gần như không có quy định một cách rõ ràng về các chế độ nhà nước. Có những bản Hiến pháp có quy định nhưng không chi tiết cụ thể hoặc không toàn diện trên mọi lĩnh

vực của đời sống xã hội như phân tích trên đây. Có những bản Hiến pháp đề cập rất chi tiết, cụ thể và toàn diện chế độ nhà nước trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

1. Các Hiến pháp không có quy định về các chế độ nhà nước - Hiến pháp Brunây, Malaixia và Xingapo

Trong số Hiến pháp của 9 quốc gia ASEAN được nghiên cứu ở đây, Hiến pháp của Brunây, Malaixia và Xingapo chỉ có một hoặc hai điều khoản quy định tản mát về một số vấn đề trong số các lĩnh vực hẹp của đời sống xã hội. Có thể đó là những vấn đề quan trọng nhất đối với những quốc gia này, song những quy định tương ứng lại quá ít ỏi và không có tính hệ thống để có thể tạo thành chế độ nhà nước trong một lĩnh vực nào đó. Vì vậy, nếu lấy tiêu chí quy định chế độ nhà nước để định hướng việc xây dựng và thực hiện chính sách của các cơ quan nhà nước thì có thể khẳng định rằng, những quốc gia này không có quy định về chế độ nhà nước trong Hiến pháp mà chỉ có một số quy định rời rạc về những vấn đề được coi là quan trọng nhất đối với họ.

a) Hiến pháp Brunây:

Liên quan tới vấn đề chế độ nhà nước, Hiến pháp hiện hành của Brunây chỉ quy định về vấn đề tôn giáo với nội dung như sau:

- Tôn giáo chính thức của Vương quốc Brunây là đạo Hồi. Những người theo tôn giáo khác vẫn có thể được hành đạo trong hòa bình và hòa hợp.

- Giáo chủ Hồi giáo Brunây là Đức Vua Brunây.

Ngoài quy định rất ngắn gọn về vấn đề tôn giáo như trên, Hiến pháp Brunây hiện hành không đề cập chính sách định hướng hoạt động của Nhà nước trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Điểm đặc thù này của Hiến pháp Brunây có lẽ bắt nguồn từ hoàn cảnh ra đời của bản Hiến pháp. Trong một chính thể quân chủ chuyên chế Hồi giáo mạnh như Brunây, Hiến pháp chỉ được xem như là công cụ để Quốc vương thực hiện sự cai trị của mình. Hiến pháp do Quốc vương ban hành và sửa đổi, bổ sung bất cứ lúc nào. Chính vì vậy, nếu Quốc vương không muốn ban hành các định hướng chính sách để tự ràng buộc mình thì đương nhiên, Hiến pháp không thể có phần đó.

b) Hiến pháp Malaixia và Hiến pháp Xingapo:

Giống như Hiến pháp Brunây, trong Hiến pháp Malaixia chỉ có một điều khoản duy nhất quy định về vấn đề tôn giáo với nội dung tương tự Hiến pháp Brunây: “Hồi giáo là tôn giáo chính thức của Liên bang; nhưng các tôn giáo khác cũng có thể được hoạt động một cách hòa bình và hòa hợp trong bất kỳ phần lãnh thổ nào của Liên bang”¹. Hiến pháp Xingapo cũng chỉ có một điều khoản điều chỉnh về một vấn đề của chế độ nhà nước, song đó là điều khoản quy định về chủ quyền và tên gọi của Xingapo. “Xingapo là một nước cộng hòa có chủ quyền mang tên là Cộng hòa Xingapo”². Có thể nói, Hiến pháp Malaixia và Xingapo có cấu trúc nội dung giống như một Hiến pháp tư sản truyền thống, về cơ bản chỉ điều chỉnh

1. Khoản 3 Điều 1 Hiến pháp Malaixia hiện hành.

2. Điều 3 Hiến pháp Xingapo hiện hành.

hai mảng vấn đề là tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước và quyền cơ bản của công dân mà thôi.

2. Các Hiến pháp có quy định ít chi tiết, cụ thể về các chế độ nhà nước - Hiến pháp Campuchia và Indônêxia

Hiến pháp của hai quốc gia này đều dành tới 4 chương riêng biệt để quy định về chế độ nhà nước trong các lĩnh vực khá toàn diện của đời sống xã hội. Tuy nhiên, các quy định về mỗi chế độ thường ngắn gọn, chung chung mà mang tính định hướng hơn là cụ thể.

a) Chế độ chính trị trong Hiến pháp Campuchia và Indônêxia:

Cả hai bản Hiến pháp đều có quy định về những vấn đề quan trọng nhất của chế độ chính trị như chủ quyền, hình thức nhà nước, chủ thể quyền lực nhà nước. Hiến pháp Indônêxia quy định ngay tại Điều 1: “Nhà nước Indônêxia là nhà nước đơn nhất với hình thức chính thể cộng hòa. Chủ quyền thuộc về nhân dân và được thực hiện căn cứ vào Hiến pháp”. Về vấn đề này, Hiến pháp Campuchia lại quy định chi tiết hơn khá nhiều; Hiến pháp Campuchia khẳng định ngay tại Điều 1 rằng, Campuchia là một Vương quốc với Quốc vương là người trị vì theo quy định của Hiến pháp và theo nguyên tắc dân chủ tự do và đa nguyên đa đảng; Vương quốc Campuchia là một nước độc lập, có chủ quyền, hòa bình, vĩnh viễn là một nước trung lập và không liên kết. Lãnh thổ của Campuchia là không thể bị chia cắt, bất khả xâm phạm và nằm trong đường biên giới xác định theo bản đồ tỷ lệ

1/10.0000 lập từ năm 1933-1953 và được thế giới công nhận từ năm 1963-1969¹.

Về chủ thể quyền lực nhà nước và nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước, Hiến pháp Indônêxia quy định: “Chủ quyền thuộc về nhân dân... Nhà nước Indônêxia là Nhà nước pháp quyền”², trong khi đó, Hiến pháp Campuchia quy định chi tiết hơn khá nhiều. Hiến pháp Campuchia quy định: “Quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Nhân dân thực hiện những quyền này thông qua Quốc hội, Chính phủ hoàng gia và hệ thống Tòa án. Cả ba nhánh quyền lực lập pháp, hành pháp và tư pháp phải tách bạch với nhau”³.

Ngoài những nội dung giống nhau, hai bản Hiến pháp trên đây cũng có những điểm khác biệt. Hiến pháp Campuchia vì một lý do nào đó rất chú trọng tới nhiệm vụ của Nhà nước, theo đó quy định: “Chính phủ hoàng gia phải bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Vương quốc Campuchia, thực hiện chính sách hòa giải dân tộc để bảo đảm đoàn kết dân tộc, và bảo tồn các truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Chính phủ hoàng gia Campuchia phải gìn giữ và bảo vệ pháp luật và bảo đảm trật tự và an ninh công cộng. Nhà nước phải dành ưu tiên cho việc nâng cao phúc lợi và tiêu chuẩn sống của công dân”⁴. Ngược lại, trong Hiến pháp Indônêxia gần như không có quy định cụ thể nào chỉ rõ nhiệm vụ của Nhà nước.

1, 3, 4. Các điều 1, 2, 3; Điều 51; Điều 52 Hiến pháp Campuchia hiện hành.

2. Khoản 3 Điều 1 Hiến pháp Indônêxia hiện hành.

b) Chế độ kinh tế, xã hội và môi trường trong Hiến pháp Campuchia và Indônêxia

Trong Hiến pháp Campuchia và Indônêxia đều có những điều khoản quy định về định hướng chính sách của Nhà nước về kinh tế, xã hội và môi trường.

Chính sách phát triển kinh tế nói chung của Indônêxia được quy định một cách ngắn gọn như sau: “Nền kinh tế được cơ cấu như là nỗ lực chung trên cơ sở những nguyên tắc của hệ thống gia đình”. Đây là một quy định rất chung chung và có vẻ như không rõ nghĩa. Hiến pháp không giải thích rõ “trên cơ sở nguyên tắc của hệ thống gia đình” có nghĩa là gì. Hiến pháp cũng không quy định rõ nền kinh tế Indônêxia là nền kinh tế thị trường hay nền kinh tế tự cung tự cấp. Ngay cả về vấn đề sở hữu tư liệu sản xuất quan trọng nhất là đất đai, nước và các nguồn tài nguyên thiên nhiên cũng được quy định một cách không rõ ràng: “Đất đai, nước và các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác trong đất và nước được đặt dưới sự kiểm soát của Nhà nước để khai thác nhằm mang lại lợi ích tối đa cho nhân dân”¹. Tinh thần của quy định này là đất đai và tài nguyên thiên nhiên thuộc quyền sở hữu của Nhà nước, mặc dù điều đó không được thể hiện một cách rõ ràng trong nội dung quy phạm. Hiến pháp Indônêxia cũng quy định về việc Nhà nước sẽ nắm và kiểm soát các khu vực sản xuất có vai trò quan trọng đối với đất nước và ảnh hưởng tới cuộc sống của đại bộ phận người dân².

1, 2. Khoản 2 Điều 33 Hiến pháp Indônêxia hiện hành.

Khác với Indônêxia, Campuchia quy định khá rõ các chính sách của mình trong lĩnh vực kinh tế. Về định hướng phát triển nền kinh tế, Hiến pháp Campuchia quy định: “Vương quốc Campuchia phát triển nền kinh tế thị trường... Nhà nước phải thúc đẩy phát triển kinh tế trong tất cả các thành phần kinh tế và vùng sâu vùng xa, đặc biệt trong các ngành nông nghiệp, thủ công nghiệp, công nghiệp, có chú trọng tới các chính sách sử dụng nguồn nước, điện, đường sá và phương tiện giao thông, công nghệ hiện đại và hệ thống tín dụng”. Về quyền sở hữu nhà nước, Hiến pháp Campuchia quy định: Nhà nước Campuchia là chủ sở hữu đất đai, tài nguyên khoáng sản, núi, biển, nước ngầm, thềm lục địa, bờ biển, khoảng không, hải đảo, sông, kênh, suối, hồ, rừng, tài nguyên thiên nhiên, các trung tâm văn hóa và kinh tế, cơ sở quân sự và các cơ sở vật chất khác. Tuy nhiên, Nhà nước cũng bảo vệ quyền sở hữu tư nhân. Tài sản tư nhân không thể bị trưng dụng hay trưng mua trừ khi được sự cho phép của luật trong những trường hợp đặc biệt¹.

Về chính sách xã hội, Hiến pháp Indônêxia cũng quy định súc tích cho từng đối tượng được hưởng chính sách xã hội. Theo đó, những người nghèo khổ và trẻ em bị bỏ rơi được Nhà nước quan tâm, chăm sóc; Nhà nước có trách nhiệm xây dựng hệ thống bảo hiểm xã hội cho tất cả mọi người dân, trao quyền cho người yếu thế và người bị thiệt thòi; Nhà nước có trách nhiệm cung cấp

1. Điều 58, 60 Hiến pháp Campuchia hiện hành.

cơ sở y tế và dịch vụ công một cách phù hợp¹. Trong khi đó, Hiến pháp Campuchia quy định cụ thể hơn về vấn đề này. Theo đó, Nhà nước Campuchia có trách nhiệm thiết lập hệ thống bảo hiểm xã hội cho người lao động và người làm công. Phạm vi được hưởng bảo hiểm xã hội theo Hiến pháp Campuchia như vậy là hẹp hơn so với Hiến pháp Indônêxia. Hiến pháp Campuchia quy định: Nhà nước phải chăm sóc, hỗ trợ cho trẻ em, các bà mẹ, người tàn tật và gia đình liệt sĩ. Bên cạnh đó, Hiến pháp Campuchia cũng quan tâm tới khía cạnh sức khỏe cộng đồng. Điều 72 Hiến pháp hiện hành của Campuchia quy định: “sức khỏe của người dân phải được bảo đảm. Nhà nước phải coi trọng công tác chống dịch bệnh và công tác điều trị y tế. Nhà nước phải thành lập trạm xá, trạm y tế cho người dân. Những người nghèo phải được hưởng tư vấn y tế miễn phí”².

Một điểm đặc biệt là, Hiến pháp Indônêxia dành hẳn một mục để quy định về tôn giáo và chính sách tôn giáo, theo đó, Nhà nước Indônêxia lấy đạo Hồi là quốc đạo, song cũng bảo đảm tự do tôn giáo và thờ cúng của mọi công dân phù hợp với tôn giáo và tín ngưỡng của họ³; trong khi đó, Hiến pháp Campuchia quy định lấy đạo Phật làm quốc đạo⁴.

Về vấn đề môi trường, Hiến pháp Campuchia quy định: “Nhà nước phải bảo vệ môi trường, bảo đảm sự cân đối

1, 3. Điều 34; Điều 29 Hiến pháp Indônêxia hiện hành.

2, 4. Điều 72; Điều 43 Hiến pháp Campuchia hiện hành.

giữa các nguồn tài nguyên thiên nhiên dồi dào và xây dựng kế hoạch chi tiết để quản lý đất, nước, không khí, gió, khí hậu, hệ thống sinh thái, mỏ khoáng sản, năng lượng, dầu khí, đá và cát, đá quý, rừng và lâm sản, đời sống hoang dã, cá và các nguồn tài nguyên biển”¹. Trong khi đó, Hiến pháp Indônêxia không có quy định gì về chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực môi trường.

c) Chế độ văn hóa, giáo dục, khoa học - công nghệ trong Hiến pháp Campuchia và Indônêxia:

Về chính sách của Nhà nước đối với văn hóa, Hiến pháp Indônêxia quy định Nhà nước phát triển nền văn hóa Indônêxia vừa bảo đảm cho người dân tự do duy trì và phát triển các giá trị văn hóa dân tộc, vừa theo kịp nền văn minh nhân loại. Ngôn ngữ của các địa phương được coi trọng và gìn giữ như những kho báu văn hóa dân tộc². Hiến pháp Campuchia về cơ bản cũng quy định những vấn đề giống như trong Hiến pháp Indônêxia, tuy nhiên, có phần chi tiết hơn; Hiến pháp Campuchia quy định: Nhà nước phải bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc. Nhà nước phải bảo tồn các tượng đài và cổ vật của cha ông để lại, đồng thời khôi phục các địa điểm lịch sử. Những danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng là di sản thế giới phải được xem là những vùng trung lập, không được phép tiến hành các hoạt động quân sự ở những nơi đó. Bất kỳ hành vi nào vi phạm các di sản nghệ thuật và

1. Điều 59 Hiến pháp Campuchia hiện hành.

2. Điều 32 Hiến pháp Indônêxia hiện hành.

văn hóa đều phải bị trừng phạt nghiêm khắc¹. Như vậy là, khác với Indônêxia, Hiến pháp Campuchia chú trọng duy trì và phát triển một nền văn hóa mang đậm tính dân tộc và chú trọng gìn giữ các di sản văn hóa của dân tộc hơn là phát triển nền văn hóa mang tính hiện đại.

Về chính sách của Nhà nước đối với giáo dục, Hiến pháp Indônêxia quy định trách nhiệm tổ chức và thực hiện hệ thống giáo dục quốc dân là trách nhiệm của Nhà nước, mục tiêu của giáo dục là nâng cao niềm tin và lòng nhiệt thành, ý thức đạo đức, qua đó, nâng cao đời sống của cả dân tộc. Trong Hiến pháp Indônêxia cũng quy định một mức chi ngân sách tối thiểu ở cả cấp Trung ương và cấp địa phương dành cho giáo dục là 20% tổng ngân sách quốc gia². Con số này thực sự không hề nhỏ so với một nước đang phát triển. Khác với Indônêxia, Campuchia không có cam kết cụ thể mức chi từ ngân sách nhà nước cho giáo dục. Tuy vậy, Campuchia cũng quy định khá cụ thể về chính sách giáo dục của Nhà nước trong Hiến pháp. Theo đó, Nhà nước phải bảo đảm và nâng cao quyền được hưởng chế độ giáo dục có chất lượng tại tất cả các cấp học và phải tiến hành những bước cần thiết để làm cho hệ thống giáo dục có chất lượng đến với tất cả mọi công dân. Nhà nước phải coi trọng giáo dục thể chất và thể thao để nâng cao phúc lợi cho tất cả công dân. Nhà nước có trách nhiệm cung cấp đủ giáo dục bậc tiểu học và trung học miễn phí cho tất cả công dân ít nhất trong vòng 9 năm. Về khía

1 Các điều 69, 70, 71 Hiến pháp Campuchia hiện hành.

2 Khoản 4 Điều 31 Hiến pháp Indônêxia hiện hành.

cạnh quản lý giáo dục, Hiến pháp Campuchia quy định: Nhà nước phải ban hành chương trình giáo dục áp dụng phương pháp sư phạm tiên tiến, sử dụng công nghệ trong giảng dạy và tiếng nước ngoài¹.

Trong lĩnh vực khoa học - công nghệ, Hiến pháp Campuchia không có quy định gì liên quan tới chính sách tương ứng của Nhà nước. Trong khi đó, Hiến pháp Indônêxia cũng chỉ có một quy định ngắn gọn: “Nhà nước phát triển khoa học và công nghệ đồng thời duy trì các giá trị tôn giáo và thống nhất dân tộc nhằm mục tiêu thúc đẩy văn minh và sự thịnh vượng của con người”².

d) Chế độ quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong Hiến pháp Campuchia và Indônêxia:

Hiến pháp Indônêxia quy định về chính sách quốc phòng, an ninh gồm ba nội dung: Thứ nhất, quốc phòng và an ninh do Nhà nước tiến hành thông qua hệ thống quốc phòng và an ninh của toàn dân mà nòng cốt là Quân đội quốc gia Indônêxia (TNI) và Cảnh sát quốc gia Indônêxia (POLRI) với nhân dân là lực lượng hỗ trợ. Thứ hai, nhiệm vụ quốc phòng là nhiệm vụ của quân đội quốc gia Indônêxia, bao gồm lục quân, hải quân và không quân. Thứ ba, nhiệm vụ giữ gìn an ninh là Cảnh sát quốc gia Indônêxia và an ninh trật tự công cộng, phục vụ nhân dân và giữ gìn luật pháp³.

1. Các điều 65-68 Hiến pháp Campuchia hiện hành.

2, 3. Khoản 4, khoản 5 Điều 31; khoản 2-4 Điều 30 Hiến pháp Indônêxia hiện hành.

Hiến pháp Indônêxia không có quy định về chính sách đối ngoại.

So với Hiến pháp Indônêxia, Hiến pháp Campuchia cũng quy định chi tiết về ba nội dung của chính sách quốc phòng, an ninh. Tuy nhiên, chính sách của Campuchia hoàn toàn khác so với Indônêxia về từng nội dung cụ thể: Thứ nhất, quy định về chính sách quốc phòng, an ninh của Campuchia chỉ tập trung vào chính sách quốc phòng chứ không có quy định về chính sách đối với an ninh. Thứ hai, Hiến pháp Campuchia đề cập trực tiếp những quyền và nghĩa vụ pháp lý cụ thể mà các cơ quan nhà nước phải thực hiện trong lĩnh vực quốc phòng. Hiến pháp Campuchia quy định: Vương quốc Campuchia không được xâm lược bất kỳ nước nào, hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia khác một cách trực tiếp hoặc gián tiếp và phải giải quyết các xung đột bằng con đường hòa giải với sự tôn trọng lẫn nhau. Vương quốc Campuchia không được tham gia vào bất kỳ liên minh quân sự nào mà có nội dung trái với chính sách trung lập. Nhà nước Campuchia cũng bị cấm cho lưu trữ vũ khí hạt nhân, sinh học, hóa học¹.

Nếu như Hiến pháp Indônêxia không đề cập chính sách đối ngoại thì Hiến pháp Campuchia lại quy định rất rõ về điều này. Theo Điều 53, Hiến pháp Campuchia hiện hành, Vương quốc Campuchia xác định chính sách trung lập vĩnh viễn và không liên kết. Vương quốc Campuchia theo đuổi chính sách cùng tồn tại trong hòa bình với các

1. Điều 53 Hiến pháp Campuchia hiện hành.

quốc gia lân cận cũng như đối với các nước khác trên thế giới. Bất kỳ hiệp định hay cam kết quốc tế nào được ký kết không phù hợp với sự độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, nguyên tắc trung lập và đoàn kết dân tộc của Campuchia sẽ không có hiệu lực.

3. Các Hiến pháp có quy định chi tiết, cụ thể về các chế độ nhà nước - Hiến pháp Lào, Mianma, Philippin và Thái Lan

Ở Hiến pháp Lào, Mianma, Philippin và Thái Lan, chính sách của Nhà nước trong từng lĩnh vực của đời sống xã hội không những được quy định một cách toàn diện, tức là bao gồm tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, mà còn rất chi tiết.

a) Chế độ chính trị trong Hiến pháp Lào, Mianma, Philippin và Thái Lan:

Chế độ chính trị được quy định trong Hiến pháp bốn quốc gia nêu trên thường cùng điều chỉnh về các vấn đề như chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, nguồn gốc quyền lực nhà nước, hình thức nhà nước, bản chất/nhiệm vụ của Nhà nước, nguyên tắc tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước và hệ thống chính trị. Ngoài ra, một số quốc gia tùy thuộc vào điều kiện hoàn cảnh lịch sử của mình có thể đưa vào Hiến pháp của mình một số quy định đặc thù trong chế độ chính trị.

Trong Hiến pháp Lào, vấn đề chủ quyền - lãnh thổ được khẳng định ở ngay Điều 1 với nội dung như sau: “Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào là một nước độc lập, thống nhất không thể chia cắt của các bộ tộc, có chủ

quyền và toàn vẹn lãnh thổ bao gồm đất liền, vùng nước và vùng trời”. Bản chất Nhà nước và nguồn gốc quyền lực ở nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào được quy định ở Điều 2, theo đó: “Nhà nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào là Nhà nước dân chủ nhân dân, do nhân dân và vì quyền lợi của nhân dân các bộ tộc Lào, mọi quyền lực thuộc về nhân dân bao gồm các tầng lớp trong xã hội do liên minh giai cấp công nhân, nông dân và đội ngũ trí thức làm nòng cốt”. Nhiệm vụ của Nhà nước là bảo vệ quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền tự do, dân chủ của nhân dân, tuyên truyền, giáo dục chủ trương chính sách và pháp luật cho nhân dân, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, không được quan liêu, hách dịch, uy hiếp gây tổn hại tới danh dự, thân thể, tính mạng, tinh thần và tài sản của nhân dân. Hiến pháp Lào cũng quy định Nhà nước quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật. Mọi tổ chức và công dân đều phải tôn trọng và nghiêm chỉnh thi hành pháp luật, kể cả các tổ chức của Đảng Nhân dân cách mạng Lào và các cơ quan nhà nước¹.

Có hai nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước được ghi nhận trong chế độ chính trị²: Nguyên tắc thứ nhất là, mọi quyền lực thuộc về nhân dân. Nhân dân bầu ra Quốc hội, cơ quan đại diện quyền lực và lợi ích của nhân dân để trao cho họ thực hiện quyền lực của mình. Nguyên tắc thứ hai là, tập trung dân chủ, nguyên tắc tổ chức và hoạt động điển hình của bộ máy nhà nước

1, 2. Các điều 6, 10, 2, 4, 5 Hiến pháp Lào hiện hành.

xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, Hiến pháp Lào chỉ ghi nhận mà không có quy định cụ thể hơn về nguyên tắc này.

Hệ thống chính trị của Lào được quy định gồm có Đảng Nhân dân cách mạng Lào, Nhà nước và Mặt trận Lào xây dựng đất nước. Trong đó, Đảng Nhân dân cách mạng Lào là hạt nhân lãnh đạo¹. Mặt trận Lào xây dựng đất nước bao gồm Liên hiệp Công đoàn Lào, Đoàn Thanh niên Cách mạng Lào, Hội Liên hiệp Phụ nữ Lào và các cơ quan, tổ chức xã hội là nơi tập hợp, đoàn kết và động viên các tầng lớp nhân dân các bộ tộc Lào tham gia sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các thành viên trong tổ chức mình².

Là một quốc gia đa sắc tộc, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào cũng chú trọng tới chính sách dân tộc. Điều 8 Hiến pháp Lào hiện hành quy định: “Nhà nước thực hiện chính sách đoàn kết và bình đẳng giữa các bộ tộc. Mọi bộ tộc đều có quyền bảo vệ, phát huy thuần phong mỹ tục và văn hóa tốt đẹp của bộ tộc mình, nghiêm cấm mọi hành vi gây chia rẽ và phân biệt giữa các bộ tộc. Nhà nước thực hiện mọi biện pháp nhằm không ngừng phát triển và nâng cao trình độ kinh tế - xã hội của các bộ tộc”.

Giống với Hiến pháp Lào, Hiến pháp Mianma cũng quy định về chủ quyền và lãnh thổ ngay trong những điều khoản đầu tiên. Theo đó, Mianma là một nước có chủ quyền và độc lập; tên gọi của Nhà nước là Cộng hòa Liên bang Mianma (*the Republic of the Union of Mianma*);

1, 2. Điều 3, 7 Hiến pháp Lào hiện hành.

Nhà nước Mianma là Nhà nước có nhiều sắc tộc cùng sinh sống; lãnh thổ của Mianma bao gồm đất liền, vùng biển, vùng trời được xác lập vào ngày Hiến pháp được ban hành. Hiến pháp Mianma không đề cập nguồn gốc của quyền lực hay quyền lực nhà nước với tư cách là nền tảng cho việc xác định mục đích, nhiệm vụ, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Nhà nước. Thay vào đó là khái niệm “quyền chủ quyền” (*the Sovereign power*), song khái niệm này không được định nghĩa một cách cụ thể. Mặc dù vậy, Điều 4 Hiến pháp Mianma hiện hành, vẫn quy định về nguồn gốc của quyền này như sau: “Quyền chủ quyền của Liên minh bắt nguồn từ người dân và được thực hiện trên toàn bộ phạm vi lãnh thổ”.

Hiến pháp Mianma cũng không quy định về bản chất của Nhà nước mà thay vào đó là một số mục tiêu của Nhà nước Liên bang như sau:¹

- Liên bang không thể bị chia cắt. Không một bang hay vùng lãnh thổ nào của Liên bang được tách ra khỏi Liên bang.

- Sự thống nhất trong Liên bang không thể bị xâm phạm.

- Bảo vệ chủ quyền.

- Xây dựng chế độ dân chủ đa đảng có kỷ luật.

- Củng cố các nguyên tắc bất diệt về công lý, tự do và công bằng trong Liên bang.

- Tạo điều kiện để quân đội tham gia vào đội ngũ lãnh đạo toàn quốc của Nhà nước.

1. Điều 6-8 Hiến pháp Mianma hiện hành.

Theo quy định của Hiến pháp, bộ máy nhà nước của Cộng hòa Liên bang Mianma được tổ chức theo nguyên tắc tam quyền phân lập và nguyên tắc về sự tham gia của quân đội vào chính quyền. Theo nguyên tắc tam quyền phân lập, ba nhánh quyền lực lập pháp, hành pháp và tư pháp phải tách biệt nhau ở mức độ tối đa có thể, đồng thời có sự kiểm soát, kiềm chế và đối trọng lẫn nhau. Nguyên tắc tam quyền phân lập được áp dụng trong tổ chức của cả chính quyền Liên bang và chính quyền cấp bang¹. Theo nguyên tắc thứ hai, quân đội luôn được quy định là thành phần không thể thiếu trong các cơ quan lãnh đạo cao nhất và lãnh đạo địa phương của Mianma. Điều 14 Hiến pháp Mianma quy định trong các cơ quan đại diện ở cả cấp Liên bang và cấp bang đều phải có thành phần nhất định quân nhân do Tổng chỉ huy Các lực lượng vũ trang của quân đội chỉ định mà không thông qua bầu cử. Có thể nói rằng, đây là một nguyên tắc rất đặc thù trong tổ chức của bộ máy nhà nước Mianma, xuất phát từ hoàn cảnh lịch sử của Mianma tiến hành công cuộc dân chủ hóa dưới sự chủ trì và kiểm soát của quân đội.

Hệ thống chính trị của Mianma được quy định trong Hiến pháp là hệ thống chính trị dân chủ đa đảng có kỷ luật. Hiến pháp không quy định cụ thể nội hàm của khái niệm này song cũng quy định chính quyền Liên bang sẽ ban hành khung pháp luật cần thiết điều chỉnh việc thành lập các đảng chính trị. Khối hành chính công vụ (*civil service*) phải tách bạch với chính trị. Hiến pháp

1. Điều 11 Hiến pháp Mianma hiện hành.

không quy định cụ thể hơn về vấn đề này song có thể thấy, tinh thần của quy định có nghĩa rằng nhân viên khối hành chính công vụ không được tham gia các đảng phái chính trị. Hiến pháp Mianma cũng dành một chương riêng, Chương X, để quy định về việc thành lập các đảng chính trị. Theo đó, đảng chính trị phải xác định mục tiêu của mình là phụng sự tính bất khả chia cắt của Liên bang, tính bất khả xâm phạm của sự thống nhất trong Liên bang, bảo vệ chủ quyền và trung thành với Liên bang. Đảng chính trị cũng phải hoạt động trên cơ sở tôn trọng hệ thống dân chủ đa đảng có kỷ luật, tôn trọng và tuân thủ Hiến pháp và pháp luật và phải đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký thành lập đảng chính trị sẽ có quyền tuyên bố chấm dứt sự tồn tại của một đảng chính trị nếu đảng đó rơi vào một trong số các trường hợp: (1) Bị tuyên bố là tổ chức bất hợp pháp theo quy định của pháp luật; (2) Trực tiếp hoặc gián tiếp liên lạc hoặc chứa chấp tổ chức nổi dậy vũ trang chống lại Liên bang hoặc các tổ chức và cá nhân bị xem là khủng bố hoặc hoạt động bất hợp pháp; (3) Trực tiếp hoặc gián tiếp nhận và chi dùng các khoản hỗ trợ tài chính, vật chất và các loại hỗ trợ khác từ chính phủ nước khác, các tổ chức tôn giáo hoặc bất kỳ tổ chức cá nhân nước ngoài nào; (4) Lạm dụng tôn giáo vì mục đích chính trị.

Điểm đặc biệt nhất trong chế độ chính trị của Mianma là vai trò Hiến định của quân đội trong tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước. Như trên đã đề cập, sự tham gia của quân đội vào giới lãnh đạo là nguyên tắc hiến định trong

tổ chức bộ máy nhà nước Mianma. Nguyên tắc này được thể hiện đặc biệt rõ trong cơ cấu của các cơ quan đại diện từ Trung ương đến địa phương. Ngoài ra, quân đội cũng được trao quyền hạn tuyệt đối trong trường hợp ban bố tình trạng khẩn cấp. Điều 40 Hiến pháp Mianma hiện hành, quy định trong trường hợp xảy ra tình trạng khẩn cấp có thể gây chia rẽ Liên bang, xâm phạm tới sự thống nhất trong Liên bang và chủ quyền quốc gia do các hoạt động nổi loạn hoặc bạo lực, Tổng chỉ huy Các lực lượng vũ trang Mianma có quyền tiếp quản và thực hiện quyền lực nhà nước theo quy định của Hiến pháp.

Trong số các quốc gia ASEAN, Philíppin có lẽ là nước có quy định chi tiết nhất về địa giới lãnh thổ quốc gia mà mình có chủ quyền. Điều 1 Hiến pháp Philíppin quy định lãnh thổ Philíppin bao gồm “quần đảo Philíppin với tất cả các đảo và vùng nước bao quanh chúng cùng các vùng lãnh thổ khác thuộc chủ quyền hay quyền tài phán của Philíppin được cấu thành bởi các vùng đất, vùng nước, vùng trời, bao gồm lãnh hải, đáy biển, vùng lòng đất, bãi cạn lúc nổi lúc chìm và các vùng ngầm dưới biển khác. Các vùng nước bao quanh, ở giữa và nối liền các đảo của quần đảo này, không phân biệt bề rộng và chiều sâu, là bộ phận thuộc vùng nội thủy của Philíppin”.

Về chính thể nhà nước và nguồn gốc quyền lực nhà nước, khoản 1 Điều 2 Hiến pháp Philíppin quy định: “Philíppin là nước dân chủ và cộng hòa. Chủ quyền thuộc về nhân dân và toàn bộ quyền lực bắt nguồn từ Nhân dân”. Đối lập với Hiến pháp Mianma, Hiến pháp Philíppin nhấn mạnh vào sự tách bạch giữa quân đội và

chính quyền dân sự, trong đó đề cao vai trò của chính quyền dân sự. Khoản 3 Điều 2 Hiến pháp Philippin hiện hành quy định: “Trong mọi trường hợp, chính quyền dân sự có thẩm quyền cao hơn quân đội. Lực lượng vũ trang Philippin là người bảo vệ của nhân dân và Nhà nước. Mục tiêu của lực lượng vũ trang là gìn giữ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia”. Trong Hiến pháp của các quốc gia ASEAN còn lại không có quy định tương tự như vậy. Lý do Hiến pháp Philippin có quy định này có lẽ là do trong lịch sử hiện đại, đã có một thời gian dài Philippin nằm dưới sự cai trị và lạm quyền của một số nhà độc tài quân sự và điều đó đã đẩy lùi đáng kể sự phát triển của quốc gia này.

Về nhiệm vụ của Nhà nước, Hiến pháp Philippin quy định nhiệm vụ quan trọng nhất của Chính phủ là phục vụ và bảo vệ nhân dân, đồng thời, duy trì hòa bình và trật tự, bảo vệ tính mạng, tự do, tài sản và thúc đẩy sự thịnh vượng chung¹.

Một số nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa Philippin được quy định trong Hiến pháp bao gồm²:

- Nguyên tắc tách bạch giữa nhà thờ và Nhà nước.
- Nguyên tắc bảo đảm sự tự chủ của chính quyền địa phương.
- Nguyên tắc Nhà nước bảo đảm sự bình đẳng trong việc tiếp cận cơ hội đảm nhiệm công vụ và nghiêm cấm chế độ đặc quyền chính trị.

1, 2. Khoản 4, 5, 6, 25-28 Điều 2 Hiến pháp Philippin hiện hành.

- Nguyên tắc Nhà nước bảo đảm sự trung thực và liêm khiết trong công vụ và áp dụng các biện pháp tích cực, có hiệu quả chống lại nạn hối lộ và tham nhũng.

- Nguyên tắc công khai các giao dịch liên quan đến lợi ích công cộng.

Khác với Hiến pháp Lào và Mianma, Hiến pháp Philippin không quy định cụ thể về hệ thống chính trị và các yếu tố cấu thành của hệ thống chính trị. Tuy nhiên, Hiến pháp Philippin cũng chú trọng tới vai trò của các tổ chức nhân dân trong đời sống chính trị và xã hội nói chung. Khoản 15 Điều 13 Hiến pháp Philippin quy định: “Nhà nước tôn trọng vai trò của các tổ chức nhân dân độc lập nhằm bảo đảm cho người dân theo đuổi và bảo vệ những lợi ích và giá trị tinh thần chính đáng của các thành viên bằng các phương tiện hoà bình và hợp pháp, trong khuôn khổ của thiết chế dân chủ”.

Hiến pháp Thái Lan cũng dành ngay những điều khoản đầu tiên để quy định về những vấn đề quan trọng nhất của chế độ chính trị. Tuy nhiên, so với ba quốc gia ASEAN trên đây, các quy định về chế độ chính trị của Hiến pháp Thái Lan bao trùm một phạm vi hẹp hơn đáng kể, chỉ bao gồm các vấn đề về chủ quyền lãnh thổ, hình thức nhà nước, nguồn gốc quyền lực nhà nước và khẳng định nguyên tắc Nhà nước pháp quyền trong việc thực hiện các hoạt động của Nhà nước. Theo đó, Thái Lan là Vương quốc thống nhất và không thể bị chia cắt. Chính thể quân chủ lập hiến Thái Lan được phát biểu dưới tên gọi “chế độ chính quyền dân chủ với Quốc vương là nguyên thủ quốc gia quốc gia”. Ở Thái Lan, quyền lực

tối cao thuộc về nhân dân. Quốc vương với tư cách nguyên thủ thi hành quyền lực đó thông qua Quốc hội, Hội đồng Bộ trưởng và các Tòa án theo quy định của Hiến pháp. Nguyên tắc pháp quyền là nguyên tắc tối cao cho hoạt động của tất cả các cơ quan nhà nước¹.

Vấn đề được chú trọng nhất trong quy định về chế độ chính trị của Thái Lan có lẽ là phần quy định về sự tham gia của công chúng vào đời sống chính trị. Theo quy định của Hiến pháp, người dân được khuyến khích tham gia vào tất cả các hoạt động thuộc các công đoạn khác nhau của quá trình ra quyết định chính trị. Khoản 1-3 Điều 87 Hiến pháp hiện hành của Thái Lan quy định:

“(1) Khuyến khích sự tham gia của công chúng vào việc xây dựng các chính sách và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở cả cấp địa phương và Trung ương;

(2) Thúc đẩy và hỗ trợ sự tham gia của công chúng vào quá trình ra các quyết định chính trị, việc lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và cung cấp dịch vụ công;

(3) Thúc đẩy và hỗ trợ sự tham gia của công chúng vào việc giám sát việc thực hiện quyền lực nhà nước tại tất cả các cấp dưới hình thức các tổ chức chuyên nghiệp hoặc các nhóm nghề nghiệp hoặc các hình thức khác...”.

Người dân cũng được khuyến khích tham gia các hoạt động chính trị ở địa phương mình để thể hiện ý kiến và đưa ra yêu cầu đối với chính quyền địa phương. Hiến pháp Thái Lan yêu cầu thành lập một quỹ nhân dân vì sự phát triển chính trị để góp phần hỗ trợ người dân tham

1. Điều 1-3 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

gia vào các hoạt động chính trị ở địa phương. Thậm chí, Hiến pháp Thái Lan còn yêu cầu đưa vào hệ thống giáo dục công lập nội dung về chế độ chính trị, về chính thể quân chủ lập hiến và quyền bầu cử công bằng, trung thực tại các cuộc bầu cử để giáo dục ý thức chính trị đúng đắn cho thế hệ trẻ¹.

b) Chế độ kinh tế - xã hội và môi trường trong Hiến pháp Lào, Mianma, Philippin và Thái Lan:

Chế độ kinh tế - xã hội và môi trường trong Hiến pháp Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào được quy định những nội dung chính sau²:

- Về chính sách phát triển kinh tế, Hiến pháp Lào quy định nền kinh tế của quốc gia này là nền kinh tế nhiều thành phần, Nhà nước khuyến khích phát triển lực lượng sản xuất, mở rộng sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, chuyển từ nền kinh tế tự nhiên sang phát triển nền kinh tế hàng hóa, thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa, mở rộng hợp tác với các nền kinh tế trên thế giới trong mọi lĩnh vực, củng cố và phát triển nền kinh tế quốc dân, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân các bộ tộc.

- Về các thành phần kinh tế, Hiến pháp Lào công nhận nhiều thành phần kinh tế cùng tồn tại trong nền kinh tế. Các thành phần kinh tế đều bình đẳng trước pháp luật và vận hành theo cơ chế thị trường, vừa hợp tác vừa cạnh tranh, phát triển sản xuất, kinh doanh dưới

1. Các khoản 4, 5 Điều 87 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

2. Các điều 13, 14, 15, 16, 17, 18, 25-29 Hiến pháp Lào hiện hành.

sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích, được tạo điều kiện thuận lợi để thu hút vốn, kỹ thuật - công nghệ và trình độ quản lý hiện đại vào hoạt động sản xuất - kinh doanh và dịch vụ. Tài sản và vốn hợp pháp của nhà đầu tư tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào không bị tịch thu hoặc quốc hữu hóa.

- Về các hình thức sở hữu, Hiến pháp Lào công nhận và bảo vệ nhiều hình thức sở hữu trong nền kinh tế, bao gồm sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể, sở hữu cá thể, sở hữu tư nhân của tư bản trong nước và sở hữu của người nước ngoài ở Lào. Riêng đất đai được khẳng định là thuộc sở hữu nhà nước và Nhà nước bảo đảm quyền sử dụng, chuyển nhượng và thừa kế theo quy định của pháp luật.

- Về quản lý nhà nước đối với nền kinh tế, Hiến pháp Lào quy định: “Nhà nước quản lý nền kinh tế theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, thực hiện nguyên tắc kết hợp quản lý tập trung thống nhất của các ngành Trung ương với sự phân cấp quản lý cho địa phương theo pháp luật”.

- Trong lĩnh vực xã hội, Hiến pháp Lào chú trọng quy định các chính sách của Nhà nước đối với các lĩnh vực y tế, thể dục thể thao, đào tạo nghề, chính sách trợ cấp đối với thương binh, chiến sĩ, cán bộ hưu trí, người tàn tật, nhân thân của người hy sinh vì sự nghiệp cách mạng, chính sách khuyến khích sự tiến bộ của phụ nữ, bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em.

- Trong lĩnh vực môi trường, Điều 19 Hiến pháp Lào quy định ngắn gọn như sau: “mọi tổ chức và công dân phải

bảo vệ môi trường và các nguồn tài nguyên thiên nhiên: mặt đất, dưới lòng đất, rừng cây, muông thú, nguồn nước và không khí”.

Chế độ kinh tế, xã hội và môi trường trong Hiến pháp Mianma được quy định những nội dung chính sau¹:

- Về chính sách phát triển kinh tế, Hiến pháp Mianma khẳng định nền kinh tế của Mianma là nền kinh tế thị trường. Nhà nước có trách nhiệm cung cấp các yếu tố đầu vào thiết yếu như công nghệ, vốn, máy móc, vật liệu thô ở mức độ có thể để chuyển từ phương thức sản xuất nông nghiệp giản đơn sang sản xuất nông nghiệp hàng hóa, đồng thời, để phát triển các ngành công nghiệp. Trong nền kinh tế, các quyền và lợi ích hợp pháp của người nông dân, công nhân và tầng lớp trí thức được bảo vệ bằng pháp luật.

- Về các thành phần kinh tế, Hiến pháp quy định Nhà nước cho phép sự tồn tại của tất cả các thành phần kinh tế như thành phần kinh tế nhà nước, thành phần kinh tế vùng, hợp tác xã, thành phần kinh tế liên doanh, thành phần kinh tế tư nhân và những thành phần kinh tế khác để phát triển nền kinh tế quốc gia. Tuy nhiên, Hiến pháp không quy định rõ chính sách đối với các thành phần kinh tế.

- Về các hình thức sở hữu, Nhà nước công nhận hình thức sở hữu nhà nước và sở hữu tư nhân. Hiến pháp cũng khẳng định Nhà nước là chủ sở hữu tối cao của tất cả

1. Các điều 23, 24, 25, 29, 30, 36, 37, 31, 32, 45 Hiến pháp Mianma hiện hành.

đất đai và các nguồn tài nguyên thiên nhiên bên trên và dưới lòng đất, trong lòng nước và trong không gian của liên minh.

- Hiến pháp Mianma không có điều khoản nào quy định về vai trò quản lý của Nhà nước đối với nền kinh tế.

- Trong lĩnh vực xã hội, Hiến pháp Mianma chú trọng quy định chính sách giảm thất nghiệp, chính sách chăm sóc bà mẹ, trẻ em, trẻ sơ sinh, con cái của liệt sĩ, người già và người tàn tật, đồng thời bảo đảm thương binh mất sức lao động được hưởng trợ cấp để có được cuộc sống tối thiểu và được hưởng đào tạo nghề miễn phí. Tuy nhiên, các chính sách này, cũng giống như Hiến pháp Lào, được quy định chung chung và mang tính nguyên tắc.

- Trong lĩnh vực môi trường, giống như Hiến pháp Lào, Hiến pháp Mianma cũng quy định một cách chung chung: “Liên bang bảo vệ và bảo tồn môi trường tự nhiên”.

Chế độ kinh tế, xã hội và môi trường trong Hiến pháp Philippin có khá nhiều điểm khác biệt so với các bản Hiến pháp của các quốc gia khác trong khối ASEAN. Có thể nhận xét ngay rằng, Hiến pháp Philippin là bản Hiến pháp duy nhất trong số các quốc gia ASEAN không có quy định về chính sách của Nhà nước đối với môi trường. Các quy định về chế độ kinh tế, xã hội của Philippin cũng có nội dung dài nhất trong số các bản Hiến pháp của các quốc gia ASEAN. Sở dĩ như vậy là một số khía cạnh của chế độ kinh tế, xã hội được quan tâm hơn nhiều so với những khía cạnh khác và vì vậy, được quy định với mức độ chi tiết hóa cao trong Hiến pháp. Chế độ kinh tế, xã

hội trong Hiến pháp Philíppin bao gồm một số nội dung cơ bản như sau:

- Về mục tiêu phát triển kinh tế, Hiến pháp Philíppin xác định mục tiêu trước mắt và mục tiêu lâu dài. Mục tiêu lâu dài của nền kinh tế quốc dân Philíppin là “phân phối một cách công bằng hơn các cơ hội, thu nhập và của cải; duy trì tăng trưởng hàng hoá và dịch vụ của quốc gia vì lợi ích của nhân dân; mở rộng sản xuất như là chìa khoá để nâng cao chất lượng cuộc sống cho tất cả mọi người đặc biệt là người có hoàn cảnh thiệt thòi”. Mục tiêu trước mắt của nền kinh tế quốc dân Philíppin là “thúc đẩy công nghiệp hoá và việc làm đầy đủ trên cơ sở cải cách ruộng đất và phát triển nông nghiệp hợp lý, thông qua các ngành công nghiệp để sử dụng đầy đủ và hiệu quả nguồn lực tự nhiên và con người và tạo ra thế cạnh tranh ở cả thị trường trong nước lẫn thị trường nước ngoài”¹.

- Về chính sách phát triển kinh tế, Hiến pháp Philíppin quy định: “Nhà nước xây dựng nền kinh tế quốc dân tự chủ và độc lập do người Philíppin kiểm soát một cách hữu hiệu”². Có thể nói, đây là một chính sách phát triển kinh tế khá đặc biệt. Philíppin, khác với Lào hay Mianma, không quy định rõ ràng về việc phát triển một nền kinh tế thị trường trong Hiến pháp của mình. Thay vào đó, quốc gia này nhấn mạnh tới yếu tố tự chủ và độc lập của nền kinh tế. Cụ thể là nền kinh tế đó phải do người Philíppin kiểm soát. Dường như Philíppin đã không

1, 2. Khoản 1 Điều 12; khoản 19, Điều 2 Hiến pháp Philíppin hiện hành.

ngân ngại thể hiện rất rõ tính bảo hộ trong chế độ kinh tế nước mình và tính bảo hộ đó là có mục đích - hướng tới một nền kinh tế tự chủ. Chính đặc điểm này trong chính sách phát triển kinh tế đã dẫn tới một đặc điểm nổi bật khác của chế độ kinh tế, xã hội và môi trường như được phân tích sau đây, đó là chính sách dành riêng một số lĩnh vực kinh tế cho công dân Philíppin.

- Về chính sách đối với các thành phần kinh tế, Hiến pháp Philíppin khẳng định mọi thành phần kinh tế và địa phương của đất nước đều được tạo những điều kiện tốt nhất để phát triển. Thành phần kinh tế tư nhân được khuyến khích phát triển. Đối với thành phần kinh tế này, Hiến pháp Philíppin quy định: “Nhà nước thừa nhận vai trò không thể thiếu của thành phần kinh tế tư nhân, khuyến khích doanh nghiệp tư nhân và đưa ra các biện pháp khuyến khích đối với các lĩnh vực cần đầu tư... Các doanh nghiệp tư nhân bao gồm cả các công ty, hợp tác xã và các tổ chức tập thể tương đương được khuyến khích mở rộng nền tảng quyền sở hữu của mình”¹.

- Về các hình thức sở hữu, Hiến pháp Philíppin công nhận và bảo hộ sở hữu tư nhân và sở hữu nhà nước đối với tư liệu sản xuất. Khoản 6 Điều 12 Hiến pháp Philíppin quy định: “Cá nhân và các nhóm tư nhân bao gồm các công ty, hợp tác xã và các tổ chức tập thể tương tự có quyền sở hữu, thành lập, vận hành các doanh nghiệp kinh tế và chịu sự tác động khi Nhà nước thực hiện nghĩa

¹. Khoản 20 Điều 1, khoản 1 Điều 12 Hiến pháp Philíppin hiện hành.

vụ đẩy mạnh phân phối công bằng và can thiệp khi lợi ích chung yêu cầu”. Hình thức sở hữu nhà nước được quy định hết sức chi tiết và toàn diện trong Hiến pháp, cả về khía cạnh đối tượng của quyền sở hữu, phạm vi và nguyên tắc định hướng việc thực hiện quyền sở hữu nhà nước. Chính phần quy định về sở hữu nhà nước và việc thực hiện quyền sở hữu nhà nước là một nội dung đặc thù của chế độ kinh tế, xã hội của Hiến pháp Philíppin.

- Hiến pháp Philíppin khẳng định đối tượng thuộc sở hữu nhà nước là tài nguyên thiên nhiên, bao gồm đất công, nguồn nước, khoáng sản, than đá, dầu mỏ và các loại dầu thô khác, các nguồn năng lượng tiềm năng, ngư trường, rừng hoặc các loại cây lấy gỗ, động vật hoang dã, động thực vật và các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác thuộc sở hữu Nhà nước. Nguyên tắc thực hiện quyền sở hữu nhà nước đối với các đối tượng này cũng được quy định chi tiết: “Việc khai thác, phát triển và sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên được đặt dưới sự kiểm tra và giám sát đầy đủ của Nhà nước. Nhà nước có thể trực tiếp thực hiện các hoạt động nói trên hoặc ký kết các thoả thuận cùng sản xuất, liên doanh, hay chia sẻ sản xuất với các công dân, công ty hay hiệp hội của Philíppin mà ít nhất sáu mươi phần trăm số vốn thuộc về sở hữu của công dân. Các thoả thuận được thực hiện trong khoảng thời gian không quá hai mươi lăm năm và có thể được gia hạn không quá hai mươi lăm năm trên cơ sở các căn cứ và điều kiện được pháp luật quy định. Trong trường hợp liên quan đến hiện trạng nước cho thủy lợi, nước cung cấp cho ngư nghiệp hoặc sử dụng trong công nghiệp ngoài

mục đích phát triển năng lượng nước, sử dụng hiệu quả có thể là tiêu chuẩn và hạn chế của việc cấp phép... Tổng thống có thể ký kết thoả thuận với các công ty thuộc sở hữu của nước ngoài liên quan đến hỗ trợ kỹ thuật hay tài chính cho việc khai thác, phát triển và sử dụng ở quy mô lớn các loại khoáng sản, dầu mỏ và các loại dầu thô khác phù hợp với các căn cứ và điều kiện chung được pháp luật quy định trên cơ sở có đóng góp thực sự đối với sự phát triển kinh tế và sự thịnh vượng chung của đất nước. Trong các thoả thuận như vậy, Nhà nước thúc đẩy việc phát triển và sử dụng các nguồn lực khoa học và kỹ thuật trong nước. Tổng thống sẽ thông báo cho Quốc hội về mỗi hợp đồng mà Tổng thống ký kết phù hợp với quy định của điều khoản này trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày ký kết”¹.

- Nội dung quy định về sở hữu đất đai trong Hiến pháp Philíppin cũng khác biệt so với Hiến pháp của các quốc gia ASEAN khác. Về nguyên tắc, Hiến pháp Philíppin có quy định và qua đó công nhận cả sở hữu nhà nước và sở hữu tư nhân về đất đai. Tuy nhiên, chính sách đối với hai loại hình sở hữu này lại rất khác nhau. Sở hữu tư nhân về đất đai tuy được công nhận song bị áp dụng chính sách hạn chế. Đất tư chỉ có thể được chuyển nhượng cho một tư nhân khác mà vẫn giữ nguyên sở hữu tư nhân thông qua con đường thừa kế. Ngoài con đường này, đất tư chỉ có thể chuyển nhượng cho các chủ thể có đủ điều kiện được sở hữu đất công. Khoản 7 Điều 12 Hiến pháp Philíppin quy

1. Khoản 2 Điều 12 Hiến pháp Philíppin hiện hành.

định: “Ngoài các trường hợp thừa kế theo huyết thống, không được chuyển nhượng hoặc sang tên đất tư cho bất kỳ ai ngoài các cá nhân, công ty hay hiệp hội có đủ điều kiện được sở hữu hoặc nắm giữ đất công”. Như vậy, rõ ràng là việc thương mại hóa quyền sở hữu đất đai giữa các chủ thể tư nhân hoàn toàn bị ngăn chặn và có thể nói rằng chính sách của Philippin là dần dần chuyển đất đai thành sở hữu công. Đất đai thuộc sở hữu công của Philippin phải chịu một chế độ quản lý hết sức chặt chẽ được quy định ngay trong Hiến pháp. Cụ thể, “Đất công được phân loại thành đất nông nghiệp, đất rừng hoặc trồng cây lấy gỗ, đất mỏ và các khu công viên quốc gia. Đất nông nghiệp công có thể tiếp tục được phân loại căn cứ vào việc sử dụng chúng. Đất công có thể chuyển nhượng được giới hạn trong phạm vi đất nông nghiệp. Các công ty hay hiệp hội tư nhân không được nắm giữ các khu đất công có thể chuyển nhượng trừ trường hợp thuê trong thời hạn không quá 25 năm, có thể được gia hạn không quá 25 năm và diện tích thuê không vượt quá 1.000 hécta. Công dân Philippin có thể thuê không quá 500 hécta đất hoặc được sở hữu không quá 12 hécta đất thông qua việc mua bán, cấp cho người định cư hay chuyển nhượng. Trên cơ sở tính toán các yêu cầu của việc bảo tồn, phát triển hệ sinh thái và các yêu cầu của cải cách ruộng đất, Quốc hội sẽ ban hành pháp luật quy định diện tích của các khu đất công có thể được sở hữu, khai thác, nắm giữ hay cho thuê và các điều kiện liên quan”¹.

1. Khoản 3 Điều 12 Hiến pháp Philippin hiện hành.

- Điểm đặc thù thứ ba trong quy định về chế độ kinh tế, xã hội trong Hiến pháp Philippin là chính sách bảo hộ kinh tế được thể hiện một cách rất rõ ràng. Chính sách bảo hộ này có lẽ xuất phát từ chính sách phát triển kinh tế được quy định ở ngay điều khoản đầu tiên của Hiến pháp Philippin như phân tích trên đây. Với chính sách xây dựng một nền kinh tế tự chủ, do người Philippin kiểm soát, Hiến pháp đã không ngần ngại tuyên bố: “Nhà nước sẽ bảo hộ các doanh nghiệp Philippin trước sự cạnh tranh và những hành vi thương mại không công bằng của nước ngoài”¹. Chính sách này ngay lập tức được cụ thể hóa trong chính Hiến pháp. Hàng loạt các lĩnh vực, các ngành, nghề được ưu tiên cho công dân hoặc công ty của Philippin. Ví dụ như: “Nhà nước bảo vệ tài nguyên biển của quốc gia trong các vùng nước, quần đảo, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, duy trì việc sử dụng và tận hưởng nguồn tài nguyên này chỉ dành cho công dân Philippin... Theo đề nghị của cơ quan kinh tế và kế hoạch, khi lợi ích quốc gia đòi hỏi Quốc hội sẽ bảo lưu những lĩnh vực đầu tư nhất định cho công dân Philippin, công ty hay hiệp hội của Philippin mà ít nhất sáu mươi phần trăm hoặc có thể cao hơn theo quy định của Quốc hội số vốn thuộc về sở hữu của công dân. Quốc hội sẽ ban hành những biện pháp khuyến khích việc thành lập và triển khai hoạt động các doanh nghiệp mà toàn bộ số vốn thuộc sở hữu của người Philippin... Nhượng quyền thương hiệu, giấy chứng nhận hay bất cứ hình thức ủy quyền để triển khai hoạt động

1. Khoản 1 Điều 12 Hiến pháp Philippin hiện hành.

của một ngành phục vụ công cộng không được phép cấp cho đối tượng nào trừ khi là công dân của Philíppin, công ty hay hiệp hội được tổ chức theo pháp luật của Philíppin mà ít nhất sáu mươi phần trăm số vốn thuộc về sở hữu của công dân; việc nhượng quyền thương hiệu, giấy chứng nhận hay ủy quyền như vậy không được độc quyền hoặc kéo dài hơn năm mươi năm... Việc hành nghề trong các lĩnh vực (ví dụ: luật sư, bác sĩ, kiến trúc sư, v.v.) trên lãnh thổ Philíppin chỉ dành cho công dân Philíppin, trừ trường hợp pháp luật quy định khác”¹.

- Về chính sách xã hội, giống như các Hiến pháp khác trong cùng khu vực, Hiến pháp Philíppin chú trọng tới y tế, đời sống gia đình, bà mẹ và trẻ em, thanh niên, phụ nữ, người tàn tật và người lao động². Chính sách y tế, phụ nữ và gia đình là những mảng chính sách lớn được đặc biệt quan tâm. Về y tế, Hiến pháp Philíppin quy định: “Nhà nước áp dụng chính sách đồng bộ và thống nhất phát triển lĩnh vực y tế nhằm cố gắng bảo đảm cung cấp hàng hoá, các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ và xã hội thiết yếu cho người dân với giá cả phù hợp. Sẽ có chính sách ưu tiên đối với những nhu cầu thiết yếu của những người bị thiệt thòi, đau ốm, người già, người tàn tật, phụ nữ và trẻ em. Nhà nước sẽ cố gắng cung cấp miễn phí dịch vụ chăm sóc sức khoẻ cho những người nghèo... Nhà nước thiết lập và duy trì hệ thống kiểm tra có hiệu quả các loại thực phẩm, thuốc men và tiến hành các hoạt động

1, 2. Điều 12; khoản 12-18 Điều 1 Hiến pháp Philíppin hiện hành.

nghiên cứu, phát triển phù hợp trong lĩnh vực y tế và nhân lực, đáp ứng nhu cầu và giải quyết các vấn đề về y tế của quốc gia”¹. Về chính sách đối với phụ nữ, Hiến pháp Philippin quy định: “Nhà nước bảo vệ phụ nữ bằng việc bảo đảm cho họ có điều kiện làm việc an toàn và bảo đảm sức khỏe, có tính đến chức năng làm mẹ của họ cũng như các điều kiện vật chất và cơ hội để nâng cao phúc lợi, bảo đảm cho họ nhận thức được đầy đủ tiềm năng của mình trong việc phục vụ đất nước”². Chính sách của Nhà nước đối với gia đình được Điều 15 Hiến pháp Philippin quy định như sau: “Nhà nước thừa nhận gia đình Philippin là nền tảng của quốc gia. Trên cơ sở này, Nhà nước củng cố sự vững chắc của gia đình và tích cực thúc đẩy sự phát triển toàn diện của nó. Hôn nhân với tư cách là thiết chế xã hội bất khả xâm phạm được coi là nền tảng của gia đình và được Nhà nước bảo vệ... Gia đình có nghĩa vụ chăm sóc thành viên lớn tuổi của mình, tuy nhiên Nhà nước cũng có thể tham gia vào việc này thông qua các chương trình an sinh xã hội công bằng”.

Chế độ kinh tế, xã hội và môi trường của Hiến pháp Thái Lan không được quy định một cách chi tiết như của Hiến pháp Philippin. Các nội dung chính của chế độ này được quy định trong Hiến pháp Thái Lan hiện hành như sau:

- Về mục đích và chính sách phát triển kinh tế, giống với Philippin, Thái Lan đề cao tính tự chủ của nền kinh tế. Nền kinh tế của Thái Lan không được quy định một

1, 2. Các khoản 11-12, 14 Điều 13 Hiến pháp Philippin hiện hành.

cách rõ ràng là nền kinh tế thị trường mà là một nền kinh tế công bằng và tự do dựa trên các quy luật thị trường và khuyến khích phát triển nền kinh tế bền vững. Để đạt được điều đó, Nhà nước thực hiện chính sách tự do hóa thị trường một cách tối đa, để thị trường tự điều chỉnh ở những lĩnh vực không cần có sự can thiệp của Nhà nước. Nhà nước “bãi bỏ hay không ban hành luật hay quy định nhằm kiểm soát kinh doanh một cách không phù hợp với đòi hỏi của nền kinh tế và không tham gia vào các doanh nghiệp mà về cơ bản cạnh tranh với khu vực tư nhân trừ khi điều này là cần thiết nhằm mục đích bảo vệ an ninh quốc gia, lợi ích công hoặc cung cấp dịch vụ công cộng”¹.

- Các chính sách lớn liên quan tới chế độ sở hữu hay thành phần kinh tế đều không được đề cập trong Hiến pháp Thái Lan. Thay vào đó, Hiến pháp Thái Lan quy định hàng loạt những chính sách rất cụ thể liên quan tới các khía cạnh khác của nền kinh tế, ví dụ, khích lệ việc áp dụng nhận thức, đạo đức kinh doanh đúng đắn cũng như quản trị tốt vào hoạt động của các doanh nghiệp; bảo đảm việc thực hiện các tiêu chuẩn tài chính với quan điểm vì sự ổn định và bảo đảm an ninh kinh tế và xã hội của đất nước, đồng thời, điều chỉnh hệ thống thuế để đạt được sự công bằng và phù hợp với những biến đổi của các điều kiện kinh tế và xã hội; giám sát hoạt động của các doanh nghiệp và bảo đảm cạnh tranh công bằng và tự do, ngăn ngừa độc quyền trực tiếp hay gián tiếp và bảo vệ

1. Khoản 1 Điều 84 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

người tiêu dùng; bảo vệ và duy trì các lợi ích của người nông dân trong sản xuất và kinh doanh, thúc đẩy các sản phẩm nông nghiệp đạt được mức giá cao nhất và thúc đẩy hiệp hội nông dân dưới hình thức các hội đồng nông dân để đề ra kế hoạch mùa vụ và bảo vệ các lợi ích chung của người nông dân; thúc đẩy, hỗ trợ và bảo vệ hệ thống hợp tác xã theo hướng tự chủ, tương tự đối với các hiệp hội nghề nghiệp cũng như hiệp hội của người dân cùng tiến hành các hoạt động kinh tế; cung cấp các dịch vụ công cộng cơ bản cần thiết cho cuộc sống của cộng đồng và bảo đảm an ninh quốc gia trong lĩnh vực kinh tế và tiến hành các biện pháp bảo đảm các dịch vụ công cộng cơ bản thiết yếu đối với cuộc sống người dân không bị độc quyền bởi các doanh nghiệp tư nhân theo các thức có thể gây hại cho Nhà nước, v.v.¹.

- Về chính sách xã hội, Hiến pháp Thái Lan chú trọng vấn đề tôn giáo, trẻ em, thanh thiếu niên và y tế cộng đồng. Đối với vấn đề tôn giáo, chính sách của Nhà nước Thái Lan vẫn coi trọng và ưu tiên Phật giáo, vốn là tôn giáo phổ biến ở Thái Lan từ lâu nay. Song, Hiến pháp Thái Lan không xác định đó là quốc giáo như Hiến pháp Campuchia mà vẫn có sự công nhận và bảo vệ những tôn giáo khác, khuyến khích sự hiểu biết và hài hòa tốt đẹp giữa tín đồ của tất cả các tôn giáo. Điểm ưu việt trong chính sách tôn giáo của Thái Lan là thấy được những điều tốt đẹp trong giáo lý của các tôn giáo, bởi vậy, họ

1. Khoản 2-14 Điều 84 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

khuyến khích áp dụng những giáo lý đó vì mục đích hình thành lương tâm và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Về chính sách xã hội nói chung, giống như Hiến pháp của nhiều nước ASEAN khác, Hiến pháp Thái Lan quy định bảo vệ và phát triển trẻ em, thanh thiếu niên, khuyến khích giáo dục tiểu học, chú trọng bình đẳng nam nữ, chú trọng sự gắn kết giữa gia đình và cộng đồng, quan tâm tới sự trợ giúp và phúc lợi cho người già, người yếu thế, giúp cho họ có thể tự chủ được cuộc sống. Hiến pháp Thái Lan cũng xác định chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực y tế là phát triển hệ thống y tế, cung cấp các dịch vụ y tế công cộng phù hợp với tiêu chuẩn một cách hiệu quả và triệt để, thúc đẩy xã hội hóa trong lĩnh vực y tế trên cơ sở tôn trọng y đức¹.

- Chính sách môi trường trong Hiến pháp Thái Lan được gắn chặt chẽ với vấn đề sử dụng đất đai, tài nguyên thiên nhiên và môi trường. Về cơ bản, Hiến pháp Thái Lan quy định chính sách trong lĩnh vực này chú trọng tới sự hài hòa với môi trường tự nhiên chung quanh, mặt đất, mặt nước, tập quán sinh hoạt địa phương và bảo tồn có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Hiến pháp cũng quy định người dân phải được tham gia vào quá trình ra các quyết định liên quan tới vấn đề sử dụng đất đai có ảnh hưởng tới môi trường và tài nguyên thiên nhiên. Nhà nước cũng có trách nhiệm duy trì, thúc đẩy và bảo vệ chất lượng các nguồn tài nguyên thiên nhiên theo nguyên tắc phát triển bền vững, kiểm soát và loại trừ các

1. Điều 79, 80 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

tác nhân ô nhiễm ảnh hưởng tới sức khỏe, điều kiện vệ sinh, phúc lợi và chất lượng cuộc sống công cộng¹.

c) Chế độ văn hóa, giáo dục, khoa học - công nghệ trong Hiến pháp Lào, Mianma, Philippin và Thái Lan:

Nếu căn cứ vào mức độ chi tiết về nội dung thì có thể phân loại chế độ văn hóa, giáo dục, khoa học - công nghệ trong Hiến pháp của bốn quốc gia ASEAN trên thành hai nhóm: Nhóm thứ nhất bao gồm các bản Hiến pháp có quy định ngắn gọn về chế độ văn hóa, giáo dục khoa học - công nghệ, gồm Lào, Mianma và Thái Lan. Nhóm thứ hai chỉ có bản Hiến pháp của Philippin có quy định rất cụ thể và chi tiết chính sách của Nhà nước đối với những lĩnh vực này.

Chế độ văn hóa, giáo dục, khoa học - công nghệ các quốc gia của Lào, Mianma và Thái Lan thường chỉ quy định những chính sách lớn, bao quát về các lĩnh vực hoặc một số lĩnh vực văn hóa, giáo dục, khoa học - công nghệ, với nội dung cơ bản giống nhau.

Về chính sách văn hóa, Hiến pháp ba quốc gia ASEAN nói trên đều chú trọng tới việc phát triển bản sắc dân tộc trong nền văn hóa của mình. Hiến pháp Mianma quy định Nhà nước có trách nhiệm phát triển ngôn ngữ, văn học, nghệ thuật và văn hóa của các dân tộc Mianma, hỗ trợ việc phát triển, củng cố và bảo tồn nền văn hóa dân tộc². Hiến pháp Thái Lan quy định chính sách định hướng của nhà nước trong lĩnh vực văn hóa là chú trọng

1. Điều 85 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

2. Khoản a Điều 22 và Điều 27 Hiến pháp Mianma hiện hành.

việc phổ biến nghệ thuật, văn hóa, tập quán, truyền thống của quốc gia¹. Riêng chính sách văn hóa của Lào được quy định rõ ràng trong Hiến pháp không những chú trọng tới tính dân tộc mà còn cả tính hiện đại trong việc phát triển văn hóa. Điều 23 Hiến pháp Lào hiện hành quy định: “Nhà nước khuyến khích bảo vệ bản sắc văn hóa và truyền thống tốt đẹp các dân tộc, kết hợp với sự tiếp nhận một cách có chọn lọc văn hóa tiên tiến của thế giới... Cấm mọi hoạt động văn hóa hoặc lợi dụng quần chúng nhằm gây thiệt hại cho lợi ích quốc gia, phá hoại phong tục tập quán tốt đẹp hoặc danh dự của người Lào”.

Về chính sách giáo dục, Hiến pháp các quốc gia Lào, Mianma và Thái Lan đều chú trọng tới việc nâng cao chất lượng giáo dục, trong khi đó, Hiến pháp Lào và Mianma còn quy định chế độ giáo dục bắt buộc. Hiến pháp Lào quy định: “Nhà nước quan tâm thực hiện phát triển giáo dục, thực hiện chế độ giáo dục phổ cập cấp I bắt buộc để đào tạo công dân trở thành người tốt, có ích cho xã hội. Nhà nước và toàn xã hội tích cực phát triển chất lượng nền giáo dục quốc gia, tạo cơ hội và điều kiện cho nhân dân được học tập, đặc biệt là người dân ở vùng sâu vùng xa, người dân tộc, phụ nữ, trẻ em và người ít cơ hội”². Hiến pháp Mianma quy định Nhà nước có trách nhiệm cố gắng nâng cao chất lượng giáo dục, áp dụng hệ thống giáo dục tiên tiến để phát triển tư duy đúng đắn, toàn diện và nâng cao đạo đức tốt đẹp, thực hiện chế độ giáo

1. Khoản 6 Điều 80 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

2. Điều 22 Hiến pháp Lào hiện hành.

dục tiểu học miễn phí và bắt buộc¹. Hiến pháp Thái Lan quy định: “Nâng cao chất lượng và tiêu chuẩn của việc cung cấp dịch vụ giáo dục ở tất cả các cấp và các hình thức trong sự hài hoà với sự thay đổi kinh tế, xã hội; đưa ra kế hoạch giáo dục quốc gia và pháp luật nhằm phát triển giáo dục quốc gia, nâng cao chất lượng giáo viên và đội ngũ giáo dục để bảo đảm sự tiên tiến theo kịp những thay đổi trong cộng đồng thế giới và in sâu trong người học nhận biết được những giá trị Thái, kỷ luật, sự quan tâm đến lợi ích chung và ủng hộ chế độ dân chủ của chính quyền với Quốc vương là nguyên thủ quốc gia”².

Cũng liên quan đến chính sách giáo dục, trong số ba bản Hiến pháp nêu trên, Hiến pháp Lào và Thái Lan còn chú trọng tới vấn đề xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục, khuyến khích sự tham gia của thành phần tư nhân trong việc cung cấp dịch vụ giáo dục. Điều 22 Hiến pháp Lào hiện hành quy định: “Nhà nước khuyến khích và thúc đẩy các cá nhân đầu tư vào việc phát triển nền giáo dục theo luật định”. Khoản 4 Điều 80 Hiến pháp Thái Lan hiện hành quy định cũng về vấn đề này như sau: “Nâng cao và hỗ trợ cho việc phân cấp quản lý nhằm cho phép các cơ quan nhà nước địa phương, các cộng đồng, các tổ chức tôn giáo và cá nhân cung cấp, tham gia vào việc cung cấp dịch vụ giáo dục với quan điểm phát triển tiêu chuẩn và chất lượng giáo dục tương xứng, phù hợp”.

1. Điều 27 Hiến pháp Mianma hiện hành.

2. Khoản 3 Điều 80 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

Về chính sách đối với khoa học - công nghệ, trong ba quốc gia ASEAN trên, chỉ có Hiến pháp Lào và Hiến pháp Thái Lan là có đề cập, song với nội dung sơ lược và rất chung chung. Hiến pháp Lào quy định: “Nhà nước quan tâm khuyến khích hoạt động tri thức và sáng tạo trong việc nghiên cứu và áp dụng khoa học - kỹ thuật, bảo hộ sở hữu trí tuệ đi đôi với việc bồi dưỡng và đào tạo các nhà khoa học để thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước”¹. Hiến pháp Thái Lan quy định về vấn đề này có phần chi tiết hơn: “nâng cao và hỗ trợ các hoạt động học tập, nghiên cứu trong nhiều ngành khoa học và phổ biến thông tin, công trình học tập, nghiên cứu được thực hiện với nguồn tài chính của nhà nước... Thúc đẩy sự phát triển các ngành khoa học, công nghệ và sáng chế bằng việc ban hành luật cụ thể về vấn đề này, cung cấp ngân sách hỗ trợ nghiên cứu, thành lập các cơ sở nghiên cứu và phát triển và khuyến khích sử dụng kết quả nghiên cứu và phát triển, chuyển giao công nghệ hiệu quả và sự phát triển hợp lý đội ngũ cán bộ, truyền bá tri thức khoa học, công nghệ hiện đại cũng như khuyến khích công chúng áp dụng kiến thức khoa học trong cuộc sống của họ; khuyến khích sáng chế, phát minh tìm ra tri thức mới, bảo tồn và phát triển tri thức địa phương và của người Thái và bảo hộ sở hữu trí tuệ”².

1. Điều 24 Hiến pháp Lào hiện hành.

2. Khoản 5 Điều 80, khoản 1, 2 Điều 86 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

Về cơ bản, chế độ văn hóa, giáo dục, khoa học - công nghệ được quy định trong Hiến pháp hiện hành của Philippin cũng đề cập những vấn đề chính giống như Hiến pháp Lào, Mianma và Thái Lan. Song, các chính sách tương ứng của Nhà nước đối với từng lĩnh vực, từng nội dung được quy định cụ thể và chi tiết hơn khá nhiều, trong đó, có những chính sách mang tính đặc thù phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của quốc gia này.

Chính sách văn hóa được quy định trong Hiến pháp Philippin hết sức đề cao việc bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa của dân tộc. Hiến pháp quy định: “Nhà nước thúc đẩy việc bảo tồn, làm phong phú và phát triển năng động nền văn hoá quốc gia Philippin trên nguyên tắc thống nhất trong đa dạng và tự do thể hiện các ý tưởng trí tuệ và nghệ thuật... Tất cả sự phong phú về nghệ thuật và lịch sử tạo ra kho báu về văn hoá của dân tộc và được Nhà nước bảo vệ bằng việc điều chỉnh việc bố trí, sắp đặt chúng. Nhà nước thừa nhận, tôn trọng và bảo vệ quyền của các cộng đồng văn hoá sắc tộc nhằm bảo tồn và phát triển văn hoá, truyền thống và các thiết chế của họ. Nhà nước sẽ cân nhắc các quyền này trong khi xây dựng các kế hoạch và chính sách quốc gia”¹. Tinh thần bảo tồn và phát triển di sản văn hóa dân tộc cũng được thể hiện rất rõ trong chính sách phát triển ngôn ngữ dân tộc của Philippin. Khoản 6 Điều 14 Hiến pháp Philippin quy định: “Ngôn ngữ quốc gia của Philippin là tiếng Philippin. Song hành với quá trình phát triển,

1. Các khoản 14, 16, 17 Điều 14 Hiến pháp Philippin hiện hành.

ngôn ngữ chính thức có thể tiếp tục được mở rộng và phong phú thêm trên cơ sở ngôn ngữ Philippin và các ngôn ngữ khác hiện có. Trên cơ sở các quy định của pháp luật và khi Nghị viện cho là phù hợp, Chính phủ sẽ tiến hành các bước để khởi xướng và duy trì việc sử dụng tiếng Philippin là phương tiện giao tiếp chính thức và là ngôn ngữ được sử dụng giảng dạy trong nhà trường". Dường như chính sách văn hóa của Philippin chú trọng vào việc phát triển ngôn ngữ quốc gia nhiều hơn hẳn so với các quốc gia khác trong khu vực. Điều này có lẽ xuất phát từ hoàn cảnh lịch sử của Philippin trong thời kỳ cận đại và hiện đại đã có thời gian dài là thuộc địa của Tây Ban Nha và Hoa Kỳ. Một trong những di sản văn hóa của giai đoạn đó là tiếng Anh đã trở thành ngôn ngữ sử dụng phổ biến trong xã hội và nhà trường. Chính vì vậy, để đề cao bản sắc văn hóa dân tộc, nhà nước Philippin rất chú trọng tới mục tiêu phát triển ngôn ngữ bản địa để có thể sử dụng một cách phổ biến và chính thức.

Về chính sách giáo dục, Hiến pháp Philippin cũng chú trọng tới việc phát triển một nền giáo dục tiên tiến, thiết lập và duy trì hệ thống giáo dục công lập và miễn phí không những ở bậc tiểu học mà còn ở bậc trung học. Tính dân tộc cũng rất được đề cao trong chính sách giáo dục. Hiến pháp Philippin quy định các cơ sở giáo dục có nhiệm vụ khắc sâu chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa dân tộc, nuôi dưỡng lòng nhân đạo, tôn trọng nhân quyền, biết quý trọng vai trò của các anh hùng dân tộc trong lịch sử. Đặc biệt, Hiến pháp Philippin yêu cầu tất cả các cơ sở giáo dục đưa việc học Hiến pháp vào một phần

của chương trình học. Chính sách xã hội hóa cũng được ghi nhận và thực hiện, theo đó các cơ sở tư nhân được thừa nhận với vai trò hỗ trợ các cơ sở công lập trong hệ thống giáo dục. Tuy nhiên, chính sách xã hội hóa giáo dục của Philippin được tuyên bố rõ ràng là, chỉ dành cho công dân Philippin. Người nước ngoài hoặc các tổ chức nước ngoài không được hoan nghênh trong lĩnh vực giáo dục của Philippin. Cụ thể, Hiến pháp quy định ngoài các cơ sở do các nhóm tôn giáo và các hội đồng truyền giáo thành lập, các cơ sở giáo dục ở Philippin chỉ do công dân Philippin hay các công ty, hiệp hội có ít nhất 60% vốn của Philippin nắm giữ thành lập. Cơ quan lập pháp của Philippin có thể yêu cầu tăng tỷ lệ này bất cứ lúc nào. Hơn nữa, việc kiểm tra, giám sát hoặc điều hành các tổ chức giáo dục phải do công dân Philippin nắm giữ. Không trường học nào được thành lập chỉ dành riêng cho người nước ngoài hoặc có số học sinh nước ngoài chiếm quá 2/3 tổng số học sinh, trừ trường hợp trường dành cho ngành ngoại giao¹.

Về chính sách khoa học - công nghệ, Hiến pháp Philippin có những quy định khá cụ thể và thiết thực: “Khoa học và công nghệ đóng vai trò then chốt cho sự phát triển và tiến bộ của quốc gia. Nhà nước ưu tiên cho hoạt động nghiên cứu và phát triển, việc phát minh, đổi mới và ứng dụng chúng trong thực tế; cho hoạt động giáo dục, đào tạo và dịch vụ về khoa học và công nghệ. Nhà nước ủng hộ năng lực tự chủ phù hợp của người bản xứ về

1. Khoản 1-4 Điều 14 Hiến pháp Philippin hiện hành.

khoa học, công nghệ và ứng dụng chúng vào hệ thống sản xuất và đời sống của quốc gia... Nghị viện có thể quy định các biện pháp khuyến khích, trong đó có biện pháp giảm thuế nhằm động viên việc tham gia của tư nhân vào các chương trình nghiên cứu khoa học cơ bản và ứng dụng... Nhà nước bảo vệ và bảo đảm bản quyền của các nhà khoa học, các nhà phát minh, các nghệ sĩ và các công dân tài năng khác đối với sản phẩm trí tuệ và sáng tạo của họ, đặc biệt khi chúng mang lại lợi ích cho người dân trong thời gian được pháp luật quy định”¹.

d) Chế độ quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong Hiến pháp Lào, Mianma, Philippin và Thái Lan:

Nhìn chung, Hiến pháp các quốc gia ASEAN nói trên có xu hướng quy định một cách ngắn gọn và khái quát về chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Nếu so với các chế độ nhà nước khác thì chế độ quốc phòng, an ninh và đối ngoại thường có mức độ chi tiết thấp hơn nhiều. Trong số bốn quốc gia ASEAN nói trên, chỉ có Mianma là có quy định khá chi tiết, cụ thể về cả ba lĩnh vực này.

Chính sách quốc phòng, an ninh trong Hiến pháp Lào, Philippin và Thái Lan về cơ bản đều coi trọng việc xây dựng một lực lượng vũ trang lớn mạnh và hiện đại. Cả 3 quốc gia đều xác định lực lượng vũ trang là nòng cốt có nhiệm vụ bảo vệ đất nước². Riêng Hiến pháp Lào

1. Khoản 10, 11, 13 Điều 14 Hiến pháp Philippin hiện hành.

2. Các điều 31, 32 Hiến pháp Lào hiện hành; khoản 3 Điều 2 Hiến pháp Philippin hiện hành; Điều 77 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

xác định bảo vệ Tổ quốc, giữ vững an ninh quốc gia còn là nghĩa vụ của mọi tổ chức và công dân Lào, qua đó xác định chính sách xây dựng một nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân¹. Philippin là quốc gia duy nhất trong ba nước tuyên bố chính sách quốc phòng phi vũ khí hạt nhân trên lãnh thổ quốc gia mình².

Chính sách đối ngoại trong Hiến pháp Lào và Philippin về cơ bản giống nhau. Hiến pháp Philippin quy định Nhà nước theo đuổi chính sách đối ngoại độc lập. Trong quan hệ quốc tế, Philippin tuyệt đối tuân thủ nguyên tắc chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, lợi ích quốc gia và quyền tự quyết³. Chính sách đối ngoại của Lào ngoài những nguyên tắc nêu trên còn chú trọng tới một số nguyên tắc khác như hòa bình, hữu nghị và hợp tác, bình đẳng và cùng có lợi⁴. So với Lào và Philippin, Thái Lan chú trọng tới những khía cạnh cụ thể nhiều hơn là những vấn đề mang tính nguyên tắc khi xác định chính sách đối ngoại. Điều 82 Hiến pháp Thái Lan quy định: “Nhà nước tăng cường quan hệ và hợp tác với các nước khác, tôn trọng nguyên tắc đối xử bình đẳng và tuân thủ các điều ước quốc tế liên quan tới quyền con người mà Thái Lan là thành viên cũng như các nghĩa vụ quốc tế đối với những quốc gia hay các tổ chức quốc tế khác. Nhà nước thúc đẩy thương mại, đầu tư và du lịch với các nước khác và bảo vệ cũng như quan tâm tới các lợi ích của người Thái ở nước ngoài ”.

1, 4. Các điều 11, 31; Điều 12 Hiến pháp Lào hiện hành.

2, 3. Khoản 8 Điều 2 Hiến pháp Philippin hiện hành.

Chính sách quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Mianma đề cao một cách đặc biệt vai trò của quân đội quốc gia. Trong tất cả các bản Hiến pháp của các quốc gia ASEAN được nghiên cứu ở đây, không một bản Hiến pháp nào thể hiện sự đề cao quân đội của quốc gia mình nhiều đến như vậy. Quân đội Mianma đã có một chương riêng trong Hiến pháp để điều chỉnh. Chương 7, Hiến pháp Mianma hiện hành quy định: “Quân đội là lực lượng vũ trang chính của nền quốc phòng Liên bang. Tất cả các lực lượng vũ trang trong Liên bang đều nằm dưới sự chỉ huy của quân đội. Quân đội lãnh đạo việc bảo vệ Liên bang chống lại các mối nguy hiểm từ bên ngoài và bên trong”. Quân đội Mianma được tổ chức giống như một lực lượng riêng có đầy đủ thẩm quyền và tách rời khỏi bộ máy nhà nước. Đứng đầu quân đội là Tổng tư lệnh do Tổng thống Mianma bổ nhiệm theo đề cử và phê chuẩn của Hội đồng quốc phòng và an ninh quốc gia. Quân đội có hệ thống tòa án xét xử riêng, trong đó, Tổng tư lệnh là cấp xét xử cuối cùng. Thêm vào đó, như trên đã đề cập, Hiến pháp còn cho phép quân đội Mianma được tự động tiếp quản mọi quyền lực nhà nước trong trường hợp khẩn cấp. Trên thực tế, rất khó tìm thấy trong Hiến pháp Mianma một điều khoản nào đó quy định một cách rõ ràng về trách nhiệm hay nhiệm vụ của quân đội. Song tương phản với điều đó là nhiều quy định trao quyền rất lớn cho quân đội. Quân đội Mianma là lực lượng chịu trách nhiệm chính trong việc bảo vệ Hiến pháp; quân đội có toàn quyền quản lý và thực hiện tất cả các hoạt động

của các lực lượng vũ trang một cách độc lập; quân đội có quyền quản lý việc thực hiện nghĩa vụ quân sự của toàn thể người dân trong Liên bang¹.

Đối với chính sách đối ngoại, Mianma quy định chính sách cùng tồn tại và không xâm phạm lẫn nhau với các quốc gia khác. Hiến pháp Mianma quy định: “Liên bang thực hiện chính sách đối ngoại độc lập, tích cực và không liên minh vì hòa bình thế giới và quan hệ hữu nghị với các quốc gia khác, tuân thủ các nguyên tắc nhằm tồn tại trong hòa bình với các nước. Liên bang không tiến hành các hoạt động thù địch với nước khác. Lực lượng quân đội nước ngoài không được phép triển khai trong lãnh thổ của Liên bang”².

đ) Một số nét đặc thù trong quy định về các chế độ nhà nước của Hiến pháp Thái Lan:

Trong số các quốc gia ASEAN nghiên cứu ở đây, Thái Lan không phải là nước có quy định về các chế độ nhà nước chi tiết nhất và dài nhất, vị trí đó thuộc về Philíppin. Tuy nhiên, các chế độ nhà nước được quy định trong Hiến pháp của Thái Lan có đề cập một số nội dung mà Hiến pháp của các quốc gia khác không có. Và những nội dung này thể hiện một sự ưu việt lớn của chế định về các chế độ nhà nước trong Hiến pháp Thái Lan:

Nội dung thứ nhất là những quy định chung về chính sách của Nhà nước Thái Lan trong từng lĩnh vực. Nội dung

1. Chương 1, Chương 7 Hiến pháp Mianma hiện hành.

2. Các điều 41, 42 Hiến pháp Mianma hiện hành.

này được quy định trong ngay phần đầu tiên của Chương 5, chương về các chế độ nhà nước của Hiến pháp Thái Lan. Các quy định trong phần này cho thấy rõ khái niệm các chính sách của Nhà nước có nghĩa là gì, vai trò của chúng như thế nào, tại sao chúng được quy định trong Hiến pháp và việc hiện thực hóa chúng phải được quán triệt như thế nào. Phần 1, Chương 5 Hiến pháp Thái Lan hiện hành quy định rõ chính sách trong từng lĩnh vực được quy định trong Hiến pháp thể hiện quan điểm của Nhà nước khi làm luật và xây dựng các chính sách đối với việc quản lý các hoạt động của Nhà nước. Khi đề xuất chính sách ra Nghị viện để được phê chuẩn, cơ quan hành pháp của Thái Lan phải có tờ trình nêu rõ về những nội dung đề xuất thực hiện, khung thời gian thực hiện để nhằm mục đích đạt được những mục đích đặt ra trong các chính sách nền tảng của Nhà nước. Cơ quan hành pháp cũng phải chuẩn bị một báo cáo đề cập tới kết quả đã thực hiện bao gồm cả những trở ngại trong việc thực hiện để trình lên Quốc hội ít nhất một lần. Các công việc của cơ quan hành pháp kể cả khâu lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch cũng như quản lý công việc đều phải phù hợp với những nguyên tắc định hướng các chính sách nền tảng của Nhà nước. Kế hoạch lập pháp cũng phải bám theo những chính sách định hướng này. Rõ ràng với những quy định như vậy, phần các chế độ nhà nước trong Hiến pháp Thái Lan trở nên có tính quy phạm và việc thực hiện chúng có tính khả thi rất cao.

Bên cạnh nội dung trên, Hiến pháp Thái Lan còn quy định về chính sách của Nhà nước trong hai lĩnh vực liên

quan tới hoạt động của các cơ quan nhà nước mà ở các bản Hiến pháp của các quốc gia ASEAN khác không có, đó là lĩnh vực tổ chức hoạt động hành chính nhà nước và lĩnh vực công tác lập pháp và thực thi công lý. Một số nguyên tắc cơ bản chỉ đạo trong quản lý các công việc của Nhà nước được xác định như sau: thực hiện quản lý các công việc của Nhà nước theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc gia một cách bền vững; tổ chức hệ thống quản lý hành chính Trung ương, cấp tỉnh và địa phương cần phải xác định địa giới, thẩm quyền, nhiệm vụ, trách nhiệm một cách rõ ràng và phù hợp với sự phát triển của quốc gia, có thể cho phép một tỉnh có kế hoạch và ngân sách cho sự phát triển của tỉnh vì lợi ích của người dân địa phương; thực hiện sự phân cấp quản lý theo đó các tổ chức chính quyền địa phương có được sự độc lập và tự quyết, thúc đẩy tổ chức chính quyền địa phương tham gia vào việc thi hành các nguyên tắc chỉ đạo đối với các chính sách cơ bản của Nhà nước; phát triển hệ thống công vụ trong khu vực công, đặc biệt nhấn mạnh sự phát triển về chất lượng, lương tâm và đạo đức của công chức nhà nước song song với việc cải thiện mô hình và cách thức làm việc nhằm đạt được sự hiệu quả trong quản lý các hoạt động của Nhà nước và để khuyến khích áp dụng nguyên tắc quản trị tốt trong các cơ quan nhà nước; tổ chức hệ thống quy trình thủ tục hành chính và các công việc khác của Nhà nước để việc cung ứng các dịch vụ công được thực hiện nhanh chóng, hiệu quả, minh bạch và có trách nhiệm, chú ý đến sự tham gia của công chúng; có những hoạt động tạo điều

kiện cho các cơ quan pháp luật thực hiện nhiệm vụ của mình một cách độc lập để bảo đảm rằng việc quản lý các hoạt động của Nhà nước tuân thủ nguyên tắc Nhà nước pháp quyền; đưa ra kế hoạch cải cách chính trị và thiết lập Hội đồng cải cách chính trị độc lập để giám sát việc thực hiện nhất quán kế hoạch đó; có các hoạt động cho phép nhân viên chính phủ và nhân viên nhà nước nhận được phúc lợi phù hợp¹.

Trong lĩnh vực công tác lập pháp và thực thi công lý, Hiến pháp Thái Lan xác định một số chính sách chính như sau: bảo đảm sự phù hợp và thực thi pháp luật theo một cách thức đúng đắn, nhanh chóng, công bằng và toàn diện, dễ hiểu, tăng cường cung cấp trợ giúp pháp lý và phổ biến kiến thức pháp luật tới công chúng, tổ chức bộ máy và công việc của Nhà nước trong lĩnh vực thi hành công lý có hiệu quả, theo đó các tổ chức nghề nghiệp và công cộng có sự tham gia xứng đáng vào quá trình thi hành công lý cũng như cung cấp hỗ trợ pháp lý cho công chúng; bảo vệ các quyền và tự do của người dân trước sự vi phạm của các cán bộ nhà nước và những người khác; thiết lập một cơ quan cải cách pháp luật độc lập chịu trách nhiệm sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện pháp luật của đất nước, bao gồm cả việc sửa đổi, bổ sung các luật thực thi Hiến pháp, với điều kiện các ý kiến của những đối tượng chịu ảnh hưởng bởi những luật đó phải được lắng nghe; thành lập một tổ chức cải cách việc thực thi công

1. Điều 78 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

lý độc lập chịu trách nhiệm nâng cao và hoàn thiện hoạt động của các cơ quan trong lĩnh vực thực thi công lý¹.

Rõ ràng những nội dung riêng của Hiến pháp Thái Lan khi quy định về các chế độ nhà nước đề cập trên đây là những nội dung hết sức ưu việt: Một mặt, chúng làm cho các chế độ nhà nước trong Hiến pháp Thái Lan có giá trị bất buộc và tính thực thi cao, qua đó, giải quyết được nhược điểm cố hữu về tính thực thi của các quy định về các chế độ nhà nước trong các bản Hiến pháp hiện đại. Mặt khác, chúng cũng đề cập được hai nội dung quan trọng là công tác lập pháp và thi hành công lý. Những đường lối, chính sách cụ thể được quy định về hai vấn đề này rất có giá trị nhằm hiện thực hóa nguyên tắc Nhà nước pháp quyền, nguyên tắc hiến định thường được tuyên bố trong chế độ chính trị của các bản Hiến pháp hiện đại.

4. Một số nhận xét về các chế độ nhà nước theo quy định của Hiến pháp các quốc gia ASEAN

Thứ nhất, phần lớn các quốc gia ASEAN có quy định khá cụ thể, chi tiết về các chế độ nhà nước trong từng lĩnh vực của đời sống xã hội. Điều này chứng tỏ các quốc gia đó đã có được quan điểm và tầm nhìn phát triển tương đối rõ ràng và kiên định đối với từng lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa giáo dục, khoa học - công nghệ.

1. Điều 81 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

Thứ hai, đối với các học giả pháp lý xã hội chủ nghĩa phần các chế độ nhà nước như đề cập trên đây là một nội dung khá quen thuộc của một bản Hiến pháp xã hội chủ nghĩa. Các học giả pháp lý xã hội chủ nghĩa thường gọi phần này là phần các chế độ chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học - công nghệ, an ninh, quốc phòng và chính sách đối ngoại. Các chế độ này xác lập nền tảng và cũng là mục tiêu xây dựng xã hội của Nhà nước trong từng lĩnh vực. Nói cách khác, đây là nơi mà bản Hiến pháp xã hội chủ nghĩa quy định về những mối quan hệ quan trọng nhất, cơ bản nhất trong từng lĩnh vực của đời sống xã hội.

Ngoại trừ Hiến pháp Lào, không có bản Hiến pháp nào trong số các Hiến pháp còn lại được nghiên cứu ở đây có thể được xếp vào phân loại Hiến pháp xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, ngoài Hiến pháp Brunây, Malaixia và Xingapo, tất cả các bản Hiến pháp còn lại đều có quy định về các chế độ nhà nước trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học - công nghệ, v.v.. Những phân tích trên đây cho thấy mặc dù không hoàn toàn giống với các chế độ tương ứng được xác lập trong bản Hiến pháp xã hội chủ nghĩa, song nội dung này của Hiến pháp các quốc gia ASEAN cũng có thể được xem là một bước phát triển so với các Hiến pháp tư sản truyền thống, vốn chỉ chú trọng tới tổ chức bộ máy nhà nước và quyền cơ bản của công dân. Với sự biểu hiện của các chế độ nhà nước, bản Hiến pháp các quốc gia ASEAN trở nên hoàn thiện hơn bởi vì nó không những vạch ra ranh giới cho việc thực hiện quyền lực nhà nước mà còn đặt ra định

hướng mang tính ràng buộc trong việc lập và thực thi chính sách của các cơ quan nhà nước. Điều này làm cho chính sách của Nhà nước, cho dù có sự thay đổi lực lượng lãnh đạo, không thể được ban hành hoặc thay đổi một cách tùy tiện, qua đó, góp phần làm cho sự phát triển của xã hội mang tính ổn định cao hơn. Điều này cũng là một minh chứng góp phần khẳng định sự hiện diện của các chế định về chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học - công nghệ, quốc phòng - an ninh, chính sách đối ngoại trong Hiến pháp xã hội chủ nghĩa thể hiện tính ưu việt, đi trước thời đại của Hiến pháp xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba, trong số các quốc gia ASEAN, Thái Lan đã thể hiện một trình độ kỹ thuật lập Hiến cao trong quy định về các chế độ nhà nước. Các quy định của Hiến pháp Thái Lan về vấn đề này có tính hệ thống cao, bắt đầu từ quan điểm đối với vai trò của các chính sách định hướng cho từng lĩnh vực cho tới cách thức và nhiệm vụ cụ thể của các cơ quan nhà nước trong việc đưa các chính sách đó vào cuộc sống thực tiễn. Điều này là vô cùng quan trọng và thường ít được quan tâm trong phần quy định về các chế độ nhà nước của các bản Hiến pháp khác. Bên cạnh đó, Hiến pháp Thái Lan còn quy định chính sách cụ thể của nhà nước đối với một số lĩnh vực rất thiết thực, mặc dù có thể là gián tiếp, cho sự phát triển của xã hội.

Thứ tư, trong từng lĩnh vực của đời sống xã hội, chính sách của các quốc gia ASEAN thường hướng đến những vấn đề chung, ví dụ, trong lĩnh vực kinh tế - xã hội thường đề cập tới chính sách phát triển kinh tế, chế độ sở hữu, các thành phần kinh tế, chính sách đối với y tế, người già,

trẻ em, phụ nữ, người yếu thế, trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục, khoa học - công nghệ thường đề cập chính sách phát triển nền văn hóa, phát triển ngôn ngữ quốc gia, chính sách phát triển giáo dục, v.v.. Trong bản thân nội dung chính sách đối với từng lĩnh vực cũng hay có những nội dung tương tự nhau do sự chia sẻ nhất định về nền tảng văn hóa và quan điểm phát triển, ví dụ, các nội dung về chính sách phát triển kinh tế, sở hữu đất đai, phát triển nền văn hóa, các ưu tiên chính sách xã hội, v.v.. Tất nhiên, bên cạnh đó các quốc gia cũng có những nội dung riêng biệt trong quy định về các chế độ Nhà nước trong Hiến pháp của mình xuất phát từ điều kiện, hoàn cảnh lịch sử, chính trị riêng của mình.

Chương IV

CHẾ ĐỊNH QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN TRONG HIẾN PHÁP CÁC QUỐC GIA ASEAN

I. CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUYỀN CƠ BẢN TRONG HIẾN PHÁP CÁC QUỐC GIA ASEAN

1. Khái niệm và phân loại quyền cơ bản

Theo nghĩa thông thường trong khoa học pháp lý, quyền cơ bản được hiểu là những quyền mà Nhà nước công nhận cho công dân của mình hoặc những người sinh sống trên lãnh thổ quốc gia mình. Những quyền này thuộc các lĩnh vực khác nhau và được ghi nhận cụ thể trong Hiến pháp. Quyền cơ bản của công dân là phần cơ bản và chủ yếu của nội dung mối quan hệ cơ bản giữa Nhà nước và công dân. Các quyền cơ bản của công dân thể hiện Nhà nước cam kết đem lại cho người dân của mình cái gì và bảo đảm cho người dân của mình như thế nào dưới chế độ mà mình đang xây dựng và duy trì. Một khi đã được quy định trong Hiến pháp, quyền cơ bản của người dân cũng có nghĩa là nghĩa vụ của Nhà nước phải bảo đảm cho người dân được hưởng những quyền cơ bản đó. Tất cả các cơ quan nhà nước trong quá trình thực hiện chức năng của mình phải tôn trọng và bảo đảm các quyền cơ bản đã được quy định trong Hiến pháp.

Trong số các bản Hiến pháp ASEAN được nghiên cứu ở đây, có một số bản Hiến pháp không chỉ đề cập những quyền cơ bản được quy định cho công dân nước mình mà còn cho cả những người nước ngoài sinh sống trên lãnh thổ nước mình, ví dụ, Malaixia, Xingapo, Philíppin, Indônêxia. Chính vì vậy mà tùy từng điều kiện, hoàn cảnh, khái niệm “quyền cơ bản của công dân” hay “quyền cơ bản” được sử dụng ở đây cũng bao trùm đối tượng thụ hưởng không chỉ là công dân của quốc gia tương ứng mà cả những người khác sinh sống trên lãnh thổ quốc gia đó. Khái niệm “quyền cơ bản của công dân” được sử dụng ở đây có thể được thể hiện dưới những tên gọi khác nhau trong các bản Hiến pháp. Ví dụ, Hiến pháp Malaixia và Xingapo gọi đó là “các quyền tự do cơ bản”; Hiến pháp Philíppin gọi đó là “các quyền”; Hiến pháp Campuchia gọi đó là “quyền và nghĩa vụ của người Khmer”; Hiến pháp Thái Lan gọi đó là “quyền và quyền tự do của người Thái”; Hiến pháp Indônêxia gọi là “các quyền con người cơ bản”; Hiến pháp Mianma và Hiến pháp Lào gọi là “quyền cơ bản của công dân”.

Ngoại trừ Brunây, các quốc gia ASEAN còn lại đều có quy định về quyền cơ bản của công dân. Sự thiếu vắng chế định về quyền cơ bản công dân trong Hiến pháp Brunây là một bằng chứng nữa cho thấy bản Hiến pháp này là Hiến pháp trong một chính thể quân chủ chuyên chế. Trong tám bản Hiến pháp các quốc gia ASEAN còn lại đều quy định một số lượng lớn các quyền cơ bản trên các lĩnh vực khác nhau. Căn cứ vào nội dung và tính chất

các quyền cơ bản, có thể nhóm các quyền cơ bản đó thành bảy loại như sau:

- *Các quy định chung về quyền cơ bản của công dân:* nhóm này bao gồm các quy định mang tính nguyên tắc chi phối việc quy định và thực thi quyền cơ bản của công dân trong các bản Hiến pháp. Có nhiều khi các quy định mang tính nguyên tắc này cũng đồng thời là các quyền cơ bản mang tính định hướng, phổ quát để định hướng các quyền cơ bản trong từng lĩnh vực cụ thể.

- *Các quyền tự do và các quyền bất khả xâm phạm:* nhóm này bao gồm những điều mà người dân được tự do thực hiện. Cách duy nhất mà Nhà nước phải làm để tôn trọng các quyền cơ bản trong nhóm này là không làm gì để cản trở hoặc vi phạm các quyền này. Các hạn chế mà Nhà nước có thể đặt ra đối với việc thực hiện nhóm quyền này phải hữu hạn, có lý do chính đáng và phải được ban hành theo thủ tục pháp luật phù hợp. Đây là nhóm quyền cơ bản quan trọng nhất trong tổng số các quyền cơ bản mà Hiến pháp quy định. Nhóm quyền này cũng hay được gọi là nhóm quyền cơ bản tối thiểu mà Nhà nước phải bảo đảm cho người dân quốc gia mình.

- *Các quyền cơ bản trong lĩnh vực chính trị:* nhóm này bao gồm những điều mà Nhà nước phải bảo đảm cho người dân được làm hoặc được hưởng trong lĩnh vực chính trị. Đây cũng là nhóm quyền cơ bản hết sức quan trọng bởi vì chúng là những tiêu chí căn bản để đánh giá một nền dân chủ.

- *Các quyền cơ bản trong lĩnh vực áp dụng pháp luật và thi hành công lý:* nhóm này bao gồm các quyền và

quyền lợi mà Nhà nước phải tôn trọng và bảo đảm cho người dân của mình được thực hiện khi vướng vào vòng lao lý hay trong quá trình kiện tụng trước Tòa án. Các quyền cơ bản trong lĩnh vực này là yếu tố cốt yếu bảo đảm công lý cho người dân.

- *Các quyền cơ bản trong lĩnh vực kinh tế - xã hội:* nhóm này bao gồm những gì mà Nhà nước cam kết sẽ cố gắng đáp ứng cho người dân được hưởng, được thực hiện trong lĩnh vực kinh tế - xã hội. Các quyền này đòi hỏi Nhà nước phải có những hành động tích cực thì chúng mới có thể được bảo đảm thực hiện.

- *Các quyền cơ bản trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục, khoa học - công nghệ:* nhóm này bao gồm những gì mà Nhà nước cam kết cố gắng đáp ứng cho người dân được hưởng, được thực hiện trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục, khoa học - công nghệ. Cũng giống như các quyền cơ bản trong lĩnh vực kinh tế - xã hội, các quyền cơ bản trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục, khoa học - công nghệ đòi hỏi Nhà nước phải có những hành động tích cực để bảo đảm cho các quyền cơ bản đó được thực hiện.

- *Các quyền của cộng đồng dân cư:* nhóm này bao gồm các quyền được trao cho một cộng đồng dân cư có sự tập hợp với nhau dựa trên một yếu tố ổn định nào đó. Đây là nhóm quyền cơ bản khá mới trong phân loại các nhóm quyền con người hiện đại.

2. Các quy định chung về quyền cơ bản của công dân

Có hai quy định chung về quyền cơ bản của công dân

được khá nhiều các quốc gia ASEAN ghi nhận trong Hiến pháp, đó là quyền bình đẳng trước pháp luật và nguyên tắc tôn trọng quyền con người.

a) Quyền bình đẳng trước pháp luật vừa là một quy định chung chi phối việc xây dựng và thực hiện các quyền cơ bản, vừa đồng thời là một quyền cơ bản. Tinh thần của quyền bình đẳng trước pháp luật là mọi chủ thể nằm trong phạm vi được hưởng quyền cơ bản theo quy định của một Hiến pháp nhất định sẽ được hưởng toàn bộ các quyền cơ bản đó một cách đầy đủ như nhau với những điều kiện giống nhau đồng thời trong những điều kiện, hoàn cảnh giống nhau thì được hưởng các quyền và nghĩa vụ pháp lý như nhau trước pháp luật. Toàn bộ Tám bản Hiến pháp các quốc gia ASEAN có quy định về quyền cơ bản đều có quy định về quyền bình đẳng trước pháp luật, tuy nhiên, nội hàm và mức độ thể hiện ở từng bản Hiến pháp không hoàn toàn giống nhau.

Hiến pháp các quốc gia Indônêxia, Malaixia, Xingapo và Philíppin đều quy định quyền bình đẳng được trao cho các đối tượng được hưởng quyền cơ bản và những đối tượng đó không bắt buộc phải là công dân của họ. Hiến pháp Indônêxia quy định: “Mỗi người đều có quyền... được đối xử một cách công bằng trước pháp luật”¹; Hiến pháp Philíppin quy định: “Không ai có thể bị từ chối quyền được pháp luật bảo vệ một cách bình đẳng”²; khoản 1 Điều 8 Hiến pháp Malaixia hiện hành quy định: “Mọi người đều

1. Điều 28D Hiến pháp Indônêxia hiện hành.

2. Khoản 1 Điều 3 Hiến pháp Philíppin hiện hành.

bình đẳng trước pháp luật và được pháp luật bảo vệ như nhau”; khoản 1 Điều 12 Hiến pháp Xingapo quy định: “Tất cả mọi người đều bình đẳng trước pháp luật và được quyền bảo vệ bình đẳng của pháp luật”. Trong số bốn bản Hiến pháp nêu trên, Hiến pháp Indônêxia và Philíppin chỉ quy định quyền này một cách chung chung, trong khi đó, Hiến pháp Xingapo và Malaixia có nhấn mạnh thêm rằng, trừ trường hợp Hiến pháp quy định khác đi, không được có sự phân biệt đối xử đối với các công dân chỉ vì lý do tôn giáo, chủng tộc, nguồn gốc hoặc nơi sinh trong bất kỳ đạo luật nào hoặc khi bổ nhiệm công tác hay tuyển dụng vào một cơ quan nhà nước hoặc trong quá trình thực thi pháp luật.

Bốn bản Hiến pháp ASEAN còn lại đều quy định quyền bình đẳng trước pháp luật chỉ được trao cho công dân của mình. Nội hàm của quyền này cũng được quy định khá giống nhau. Điều 35 Hiến pháp Lào quy định ngắn gọn hơn: “Công dân Lào không phân biệt nam, nữ, địa vị xã hội, trình độ văn hóa, tín ngưỡng và dân tộc đều bình đẳng trước pháp luật”. Cùng với tinh thần như vậy, Hiến pháp Campuchia và Mianma liệt kê ra những căn cứ không được phân biệt đối xử một cách chi tiết hơn, ví dụ: sắc tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, khuynh hướng chính trị, nguồn gốc nơi sinh, địa vị xã hội, tình trạng giàu nghèo. Riêng Hiến pháp Campuchia còn khẳng định không được phân biệt đối xử dựa trên các tình trạng nhân thân khác. Hiến pháp quy định chi tiết nhất về quyền bình đẳng trước pháp luật có lẽ là Hiến pháp Thái Lan. Điều 30 Hiến pháp Thái Lan quy định

tất cả mọi người dân Thái đều bình đẳng trước pháp luật và được pháp luật bảo vệ như nhau, cấm sự phân biệt đối xử một cách không chính đáng dựa trên sự khác biệt về nguồn gốc, chủng tộc, ngôn ngữ, giới tính, tuổi tác, khuyết tật, điều kiện thể chất hay sức khỏe, tình trạng hôn nhân, điều kiện kinh tế, xã hội, tín ngưỡng tôn giáo, giáo dục hay quan điểm chính trị hiến pháp. Bên cạnh đó, Hiến pháp Thái Lan cũng quy định thêm rằng, Nhà nước có thể tiến hành các biện pháp nhằm ưu tiên một đối tượng nào đó để xóa bỏ cản trở hoặc thúc đẩy khả năng thực hiện quyền cơ bản của một nhóm cho công bằng với những người khác mà không bị coi là sự phân biệt đối xử.

b) Khác với quyền bình đẳng trước pháp luật được cả tám bản Hiến pháp của các quốc gia ASEAN quy định, nguyên tắc tôn trọng quyền con người chỉ được công nhận và quy định ở Hiến pháp Campuchia và Indônêxia. Hiến pháp Campuchia ghi nhận chung rằng đó là một nguyên tắc mà không có quy định cụ thể hơn việc thể chế hóa nguyên tắc đó trong chế định quyền cơ bản. Tuy nhiên, có thể hiểu rằng, một khi nguyên tắc này đã được công nhận thì các quyền cơ bản được quy định trong Hiến pháp của các quốc gia này không được trái với các quyền con người đã được quốc tế công nhận.

Điều 31 Hiến pháp Campuchia quy định: “Vương quốc Campuchia công nhận và tôn trọng các quyền con người được quy định trong Hiến chương Liên hợp quốc, Tuyên bố toàn cầu về quyền con người, các công ước và điều ước quốc tế liên quan đến quyền con người, quyền phụ nữ và

trẻ em”. Hiến pháp Indônêxia có quy định chi tiết hơn Hiến pháp Campuchia. Khoản 4, 5 Điều 28I Hiến pháp Indônêxia quy định: “Bảo vệ, thúc đẩy, duy trì và thực hiện quyền con người là trách nhiệm của Nhà nước mà trước hết là của chính quyền. Duy trì và bảo vệ quyền con người phù hợp với những nguyên tắc của Nhà nước dân chủ và pháp quyền, thực hiện các quyền con người căn bản bảo đảm, điều chỉnh và ghi nhận trong các luật và quy định”. Hiến pháp Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào tuy không ghi nhận một cách rõ ràng nguyên tắc tôn trọng quyền con người, song trong Hiến pháp cũng có quy định một số quyền mang tính chất đề cao quyền con người. Điều 50 và 51 Hiến pháp Lào quy định các quyền và lợi ích ghi nhận và bảo hộ trong pháp luật của Lào cũng được trao cho ngoại kiều và người không có quốc tịch, đồng thời, người nước ngoài bị đàn áp do đấu tranh cho tự do, công lý, hòa bình và sự nghiệp khoa học có thể được cho phép tị nạn chính trị tại Lào.

3. Các quyền tự do và bất khả xâm phạm

Như trên đã đề cập, trong nhóm quyền cơ bản này có hai phân nhóm: các quyền tự do và các quyền bất khả xâm phạm. Đây được coi là những quyền cơ bản nền tảng nhất, những quyền cơ bản “tự nhiên” của cá nhân hoặc công dân được thụ hưởng. Nhóm quyền này rất được chú trọng quy định trong hầu hết Hiến pháp các quốc gia ASEAN. Thống kê số lượng các quyền thuộc nhóm này được quy định trong Hiến pháp của cả tám quốc gia ASEAN vừa phân tích ở trên cho thấy, các Hiến pháp

này quy định về những quyền tự do và bất khả xâm phạm sau:

- Các quyền tự do bao gồm: quyền tự do ngôn luận (tự do tư tưởng); tự do báo chí; tự do biểu tình, hội họp; tự do tôn giáo; tự do cư trú; tự do đi lại; tự do lập hội; tự do thu thập, truyền bá thông tin; và tự do nghiên cứu, phát triển văn học, nghệ thuật, khoa học - công nghệ.

- Các quyền bất khả xâm phạm bao gồm: bất khả xâm phạm về tính mạng; tự do cá nhân; tài sản, giấy tờ có giá; thân thể; nơi ở; thư từ liên lạc; thông tin riêng tư; và nhân phẩm, danh dự.

Nếu so sánh các quyền tự do và bất khả xâm phạm được quy định trong Hiến pháp của các nước ASEAN dựa trên số lượng 16 quyền cơ bản trên đây thì có thể thấy rằng, có một số quyền tự do luôn được quy định trong Hiến pháp của hầu hết các quốc gia ASEAN, đó là các quyền tự do ngôn luận, tự do biểu tình, hội họp, tự do tôn giáo, tự do cư trú và tự do lập hội. Tuy nhiên, ngay cả khi cũng quy định về những quyền giống nhau thì trong cách thức quy định của mỗi nước lại có những nét đặc thù. Cách thức quy định về các quyền bất khả xâm phạm trong Hiến pháp các quốc gia ASEAN lại có sự đa dạng lớn hơn.

Hiến pháp Campuchia có quy định về tất cả các quyền tự do được nêu trên, trừ quyền tự do thu thập, truyền bá thông tin và quyền tự do phát triển văn học, nghệ thuật, khoa học - công nghệ. Cách thức quy định trong Hiến pháp Campuchia chủ yếu là ghi nhận và khẳng định người Khmer được hưởng các quyền tự do đó. Bên cạnh đó,

Hiến pháp Campuchia cũng chú trọng quy định rằng việc thực hiện các quyền tự do của người này không được làm ảnh hưởng tới quyền tự do của người khác¹. Hiến pháp Campuchia là một trong số ít các Hiến pháp các quốc gia ASEAN có quy định cụ thể quyền lập hội bao gồm cả quyền thành lập các đảng phái chính trị. Tuy nhiên, việc thực hiện quyền này sẽ phải tuân thủ các quy định cụ thể của pháp luật².

Trong số các quyền bất khả xâm phạm đề cập ở trên, Hiến pháp Campuchia chỉ quy định về quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, tự do cá nhân, bất khả xâm phạm về thân thể, nhân phẩm, danh dự, nhà cửa và thư từ liên lạc³. Đối với quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, Hiến pháp Campuchia nhấn mạnh rằng, hình phạt tử hình sẽ không được áp dụng. Khi quy định về các quyền bất khả xâm phạm về nhà ở và bí mật thư tín, Hiến pháp Campuchia cũng quy định rằng, việc khám xét nhà, khám người phải tuân thủ theo quy định của luật.

Có hai đặc điểm dễ nhận thấy liên quan tới quy định về các quyền tự do và bất khả xâm phạm trong Hiến pháp Indônêxia: *Thứ nhất*, các quy định của Hiến pháp Indônêxia chủ yếu ghi nhận công dân hoặc các cá nhân được hưởng những quyền gì mà không có các quy định cụ thể về giới hạn các quyền đó được thực hiện đến đâu hoặc Nhà nước phải làm gì để bảo đảm những quyền đó. Chính vì vậy, các quyền cơ bản thuộc nhóm này được

1, 2, 3. Các điều 41, 43, 42, 32, 38, 40 Hiến pháp Campuchia hiện hành.

quy định một cách khá ngắn gọn. Thứ hai, trong Hiến pháp Indônêxia có 2 mục riêng biệt, tương đương với 2 chương, cùng quy định quyền cơ bản, nhưng dành cho hai đối tượng khác nhau. Mục X quy định về công dân và người cư trú trên lãnh thổ Indônêxia, trong đó quy định một số quyền tự do và bất khả xâm phạm dành riêng cho công dân Indônêxia, trong đó có quyền tự do lập hội, hội họp, thể hiện tư tưởng. Trong khi đó, Mục XA được bổ sung vào Hiến pháp Indônêxia ngày 18-8-2000 được dành toàn bộ để quy định về các quyền cơ bản với đối tượng thụ hưởng là con người sinh sống trên lãnh thổ Indônêxia nói chung. Mối quan hệ giữa hai mục này không được quy định rõ trong Hiến pháp và dường như cũng có sự trùng lặp nhất định giữa hai mục bởi các quyền tự do và bất khả xâm phạm dành cho công dân như đề cập trên cũng được quy định lặp lại ở Mục XA.

Nếu nhìn một cách tổng thể các quyền cơ bản được quy định ở cả Mục X và XA có thể thấy, Hiến pháp Indônêxia quy định bảo hộ hầu hết các quyền tự do đối với người sinh sống trên lãnh thổ nước mình như liệt kê ở trên. Hiến pháp Indônêxia là một trong số ít các Hiến pháp của các quốc gia ASEAN có quy định về quyền tự do thu thập, lưu trữ, xử lý và truyền bá thông tin qua tất cả các kênh có thể. Các quyền tự do không được Hiến pháp Indônêxia quy định là quyền tự do báo chí, tự do đi lại và tự do nghiên cứu văn học, nghệ thuật, khoa học - công nghệ. Quyền tự do ngôn luận cũng được Hiến pháp Indônêxia quy định khá đặc biệt, không phải dưới cái tên

“tự do ngôn luận” mà là quyền “tự do đối với niềm tin, tự do thể hiện tư tưởng, quan điểm phù hợp với nhận thức của mình”¹.

Các quyền bất khả xâm phạm trong Hiến pháp Indônêxia được quy định theo kiểu “mỗi người có quyền tự bảo vệ mình, bảo vệ gia đình, tài sản...”². Quy định như vậy tuy không sai song không hẳn đã thể hiện đúng tinh thần của phân nhóm quyền này là sự bảo đảm của Nhà nước không xâm phạm với tính bất khả xâm phạm của các quyền. Mặc dù vậy, Hiến pháp Indônêxia đề cập khá đầy đủ các quyền bất khả xâm phạm cho các cá nhân sinh sống trên lãnh thổ nước mình. Các quyền không được đề cập một cách rõ ràng là quyền bất khả xâm phạm về thư từ liên lạc và thông tin riêng tư. Quyền bất khả xâm phạm về nơi ở cũng không được quy định rõ ràng, có lẽ được ẩn trong quy định về quyền được bảo vệ tài sản thuộc sở hữu riêng được quy định tại khoản 1 Điều 28G Hiến pháp Indônêxia.

Hiến pháp Lào có phần giống với Hiến pháp Indônêxia khi quy định về các quyền tự do và quyền bất khả xâm phạm của công dân; các quyền này đều được quy định mang tính ghi nhận và do đó rất ngắn gọn. Toàn bộ các quyền tự do và bất khả xâm phạm của công dân Lào được gói gọn trong bốn điều luật: các điều 40, 42, 43 và 44. Hiến pháp Lào ghi nhận khá đầy đủ các quyền tự do của công dân; chỉ duy nhất có một quyền không được quy định là quyền tự do thông tin. Các quyền bất khả xâm phạm

1, 2. Khoản 2 Điều 28E; Điều 28G Hiến pháp Indônêxia hiện hành.

được ghi nhận là quyền bất khả xâm phạm về thân thể, danh dự, nhà cửa và quyền tự do cá nhân; quyền bất khả xâm phạm về tài sản, thư từ liên lạc và thông tin riêng tư không được quy định. Một số quyền tự do như ngôn luận, báo chí, hội họp, lập hội và biểu tình tuy được Hiến pháp Lào ghi nhận song Hiến pháp cũng quy định công dân Lào được hưởng các quyền này *theo quy định của pháp luật*¹. Đây là quy định khá đặc thù của Hiến pháp Lào, bởi lẽ, không nhiều quốc gia ASEAN có quy định như vậy trong Hiến pháp của mình.

Hiến pháp Malaixia và Xingapo có những quy định giống nhau về quyền tự do và bất khả xâm phạm của công dân, từ số lượng các quyền cho tới cấu trúc của các quy phạm². Có lẽ là, khi Hiến pháp Xingapo được ban hành, nó đã kế thừa toàn bộ chế định của Hiến pháp Malaixia về các quyền cơ bản của công dân và phù hợp hóa các quyền đó với điều kiện của Xingapo. Nhìn một cách tổng quát, quy định về các quyền tự do và quyền bất khả xâm phạm trong Hiến pháp Malaixia và Xingapo có chung những đặc điểm sau: *Thứ nhất*, cả hai bản Hiến pháp này rất chú trọng quy định về các quyền tự do cơ bản của công dân mà không chú trọng tới các quyền bất khả xâm phạm. Thực tế là chỉ có một quyền bất khả xâm phạm được quy định, đó là quyền tự do cá nhân. *Thứ hai*, các quyền tự do của công dân và quyền tự do cá nhân một

1. Điều 44 Hiến pháp Lào hiện hành.

2. Điều 5 Hiến pháp Malaixia và Điều 9 Hiến pháp Xingapo hiện hành.

khi đã được đề cập thì đều được quy định một cách rất chi tiết, không chỉ là ghi nhận quyền mà còn cụ thể hóa nội dung và yêu cầu cụ thể đối với cơ quan nhà nước để bảo đảm sự tôn trọng đối với các quyền này.

Hiến pháp Malaixia và Xingapo quy định về hầu hết các quyền tự do được đề cập trên đây, chỉ trừ ba quyền là quyền tự do báo chí, quyền tự do thông tin và quyền tự do phát triển văn học, nghệ thuật, khoa học - công nghệ. Các quyền tự do khác đều được đề cập và quy định khá chi tiết. Ví dụ Điều 10 Hiến pháp Malaixia và Điều 14 Hiến pháp Xingapo quy định mọi công dân đều có quyền tự do phát ngôn và bày tỏ chính kiến, có quyền tập hòa bình và phi vũ trang, có quyền lập hội. Tuy nhiên, Nghị viện có thể quy định trong luật những hạn chế đối với các quyền tự do trên nếu có cơ sở chính đáng. Cơ sở chính đáng để nghị viện được hạn chế quyền tự do ngôn luận là lợi ích an ninh quốc gia, quan hệ hữu nghị với các nước khác, trật tự công cộng, chuẩn mực đạo đức hoặc chống lại sự coi thường Tòa án, phỉ báng hay xúi giục hành vi phạm tội; cơ sở chính đáng để hạn chế quyền tự do hội họp là lợi ích an ninh quốc gia hoặc để duy trì trật tự công cộng; cơ sở chính đáng để hạn chế quyền lập hội là lợi ích an ninh quốc gia, trật tự công cộng hoặc chuẩn mực đạo đức.

Quyền bất khả xâm phạm về tự do cá nhân được quy định trong Hiến pháp Malaixia và Xingapo theo một nghĩa rộng, bao gồm cả quyền bất khả xâm phạm về tính mạng và tự do cá nhân. Hiến pháp cả hai nước đều quy định: “Không ai bị tước đoạt mạng sống hay tự do cá nhân trừ các trường hợp theo quy định của luật.

Hiến pháp Malaixia và Xingapo không đi quá xa trong việc quy định cấm hình phạt tử hình giống như Hiến pháp Campuchia. Quyền bất khả xâm phạm về tự do cá nhân của hai Hiến pháp này cũng gián tiếp đưa đến một quy định khá phổ biến trong Hiến pháp các quốc gia ASEAN, đó là quy định cấm nô lệ và lao động cưỡng bức¹. Theo các quy định này thì không ai có thể bị buộc làm nô lệ; mọi hình thức lao động cưỡng bức đều bị nghiêm cấm. Trường hợp ngoại lệ duy nhất là lao động công ích vì lợi ích quốc gia và lao động khi đang chấp hành án phạt tù theo quy định của luật.

Hiến pháp Philíppin là một trong số Hiến pháp quy định đầy đủ nhất về các quyền tự do và bất khả xâm phạm trong số các quốc gia ASEAN. Trong số các quyền tự do và bất khả xâm phạm đề cập trên đây chỉ có duy nhất một quyền tự do và một quyền bất khả xâm phạm không được đề cập trong Hiến pháp Philíppin, đó là quyền tự do thông tin và quyền bất khả xâm phạm về nhân phẩm, danh dự. Tất cả các quyền tự do và bất khả xâm phạm còn lại được quy định chi tiết ở mức độ vừa phải trong Điều 3 (tương đương với Chương 3) của Hiến pháp Philíppin. Ngoài việc quy định ghi nhận các quyền, Hiến pháp Philíppin còn quy định cơ quan có thẩm quyền quyết định những ngoại lệ của các quyền này. Trong phần lớn trường hợp, ví dụ, liên quan tới quyền bí mật thông

1. Điều 6 Hiến pháp Malaixia và Điều 10 Hiến pháp Xingapo hiện hành.

tin riêng tư, thư từ liên lạc, quyền tự do cư trú, Tòa án là cơ quan có thẩm quyền quyết định về các ngoại lệ.

Hiến pháp Mianma cũng quy định khá đầy đủ các quyền tự do của công dân, chỉ có một quyền tự do không được quy định - quyền tự do báo chí. Đối với các quyền tự do còn lại, quy định của Hiến pháp Mianma cũng chủ yếu mang tính ghi nhận quyền và điều kiện thực hiện quyền. Các quyền tự do ngôn luận, báo chí, hội họp, lập hội, tôn giáo chỉ được thực hiện nếu nó không bị pháp luật cấm trên cơ sở an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, bảo vệ pháp luật, bảo đảm hòa bình trong cộng đồng, trật tự và chuẩn mực đạo đức. Trong quy định về các quyền tự do của Hiến pháp Mianma có nét giống với Hiến pháp Lào ở chỗ, Hiến pháp Mianma cũng đặt điều kiện thực hiện hầu hết các quyền tự do của công dân trên cơ sở phù hợp với pháp luật, do đó có vẻ như làm giảm đi giá trị của những quyền hiến định này.

Hiến pháp Thái Lan là bản Hiến pháp duy nhất trong số Hiến pháp các quốc gia ASEAN có quy định đầy đủ về tất cả các quyền tự do và bất khả xâm phạm nêu trên đây, kể cả quyền tự do phát triển văn học, nghệ thuật, khoa học - công nghệ cũng được quy định dưới tên gọi "quyền tự do học thuật". Không những quy định đầy đủ, Hiến pháp Thái Lan còn quy định khá chi tiết về các quyền này. Các quyền tự do và bất khả xâm phạm của công dân Thái Lan được quy định trong 14 điều khoản thuộc Chương III - Các quyền và quyền tự do của người Thái. Đối với nội quyền, Hiến pháp Thái Lan đều có quy định công nhận quyền, về các nội dung cụ thể hóa hơn của quyền và các trường

hợp hoặc căn cứ có thể hạn chế các quyền. Ví dụ, Điều 36 Hiến pháp Thái Lan quy định về quyền tự do thông tin như sau: “Người dân được hưởng quyền tự do thông tin liên lạc thông qua các phương tiện hợp pháp. Sự kiểm duyệt, giam cầm hoặc tiết lộ thông tin trao đổi giữa các cá nhân bao gồm bất kỳ hành vi nào khác tiết lộ thông tin trao đổi giữa các cá nhân đều không được phép, trừ trường hợp được quy định bởi các điều khoản trong luật được ban hành đặc biệt để bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự công cộng hoặc các giá trị đạo đức tốt đẹp”. Giống với Hiến pháp Campuchia, Hiến pháp Thái Lan cũng có quy định rõ quyền lập hội của người Thái bao gồm cả quyền lập đảng phái chính trị¹.

4. Các quyền cơ bản trong lĩnh vực chính trị

Các quyền cơ bản trong lĩnh vực chính trị được hiểu là các quyền mà Nhà nước cam kết dành cho đối tượng thụ hưởng tham gia một cách nhất định vào quá trình thực hiện quyền lực nhà nước, hay nói cách khác là tham gia vào đời sống chính trị. Đối tượng thụ hưởng quyền cơ bản trong lĩnh vực chính trị thường là công dân của quốc gia có quy định về quyền đó trong Hiến pháp của mình. Ở bất cứ quốc gia nào cũng vậy, quyền lực nhà nước là do các cơ quan nhà nước trực tiếp thực hiện. Sự tham gia của người dân vào quá trình đó, nếu có thì cũng chỉ là gián tiếp và diễn ra không thường xuyên. Điều này được thể hiện khá rõ trong Hiến pháp của các quốc gia ASEAN.

1. Điều 65 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

Nhìn tổng thể, có những quyền cơ bản trong lĩnh vực chính trị sau được đề cập trong Hiến pháp các quốc gia ASEAN: (1) Quyền bầu cử; (2) Quyền khiếu nại, tố cáo; (3) Quyền được thông tin; (4) Quyền chủ động tham gia chính trị; và (5) Quyền bình đẳng trong việc tham gia chính quyền. Trong số năm quyền này chỉ có ba quyền đầu tiên là được đề cập nhiều nhất, hai quyền còn lại được ít Hiến pháp quy định. Mặc dù vậy, không có bản Hiến pháp nào trong số các Hiến pháp của các quốc gia ASEAN được nghiên cứu ở đây có quy định đầy đủ tất cả năm quyền cơ bản trong lĩnh vực chính trị nêu trên.

a) Quyền bầu cử là quyền được quy định phổ biến nhất trong các bản Hiến pháp của các quốc gia ASEAN. Quyền này được Hiến pháp của năm quốc gia ASEAN quy định, đó là Hiến pháp các quốc gia Campuchia, Lào, Mianma, Philippin và Thái Lan. Hiến pháp của Malaixia, Xingapo và Indônêxia không quy định một cách rõ ràng quyền này với tư cách là một quyền cơ bản trong lĩnh vực chính trị. Mức độ quy định chi tiết về quyền này ở năm bản Hiến pháp rất khác nhau. Tuy nhiên, các bản Hiến pháp đó đều quy định quyền bầu cử chỉ dành cho công dân nước mình chứ không phải các đối tượng không có quốc tịch, đồng thời, độ tuổi được xác định đủ điều kiện thực hiện quyền bầu cử đều là từ 18 tuổi trở lên. Bốn trong số năm bản Hiến pháp nói trên quy định cả về quyền bầu cử và quyền ứng cử, Hiến pháp Philippin là trường hợp duy nhất chỉ quy định quyền bầu cử mà không có quyền ứng cử. Trong một số Hiến pháp có quy định cả độ tuổi để thực hiện quyền ứng cử và lúc này có

sự khác nhau khá lớn giữa các quốc gia. Hiến pháp Lào quy định độ tuổi được hưởng quyền ứng cử là 21 tuổi trở lên, Hiến pháp Thái Lan quy định 25 tuổi; trong khi đó, Hiến pháp Campuchia phân biệt độ tuổi tối thiểu được thực hiện quyền ứng cử vào viện dân biểu (Hạ nghị viện) là 25 tuổi và vào Thượng nghị viện là 40 tuổi. Một số bản Hiến pháp còn quy định khá chi tiết về điều kiện được thực hiện quyền bầu cử và ứng cử hoặc trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc bảo đảm thực hiện quyền bầu cử. Hiến pháp Lào quy định những người mất trí, tâm thần hay bị Tòa án tước quyền bầu cử không có quyền bầu cử¹. Hiến pháp Philippin quy định công dân không những phải đủ tuổi mà còn phải cư trú ở Philippin ít nhất là một năm hoặc ở nơi họ sẽ thực hiện quyền bầu cử ít nhất là sáu tháng trước khi diễn ra bầu cử². Hiến pháp Mianma quy định một số đối tượng không có quyền bầu cử, bao gồm: chức sắc tôn giáo, người đang chấp hành án phạt tù, người do Tòa án tuyên bố là không minh mẫn, người đang bị phá sản, và người bị tước quyền theo quy định của pháp luật bầu cử³. Hiến pháp Thái Lan có quy định giống với Hiến pháp Mianma về điều kiện không có quyền bầu cử.

b) Quyền khiếu nại, tố cáo được quy định trong Hiến pháp của Campuchia, Lào và Thái Lan. Về tinh thần chung, quyền này cho phép công dân đưa các vụ việc vi

1. Điều 36 Hiến pháp Lào hiện hành.

2. Khoản 1 Điều 5 Hiến pháp Philippin hiện hành.

3. Điều 392 Hiến pháp Mianma hiện hành.

phạm lên cơ quan nhà nước để yêu cầu cơ quan nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của mình. Tuy nhiên, nội dung quy định quyền này trong ba bản Hiến pháp trên cũng có nhiều điểm khác nhau. Quyền khiếu nại, tố cáo được ghi nhận một cách khá chung chung trong Hiến pháp Lào: “công dân Lào có quyền khiếu nại, quyền tố cáo, đề đạt ý kiến với các cơ quan của Nhà nước có thẩm quyền về những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích chung hoặc quyền và lợi ích riêng của mình”¹. Có thể nói, quyền này được Hiến pháp Lào quy định mang tính chất ghi nhận chứ chưa đủ cụ thể để thực thi, bởi vì, đối tượng có thể bị khiếu nại, tố cáo có thể là bất kỳ đối tượng nào và thủ tục khiếu nại, tố cáo cũng chưa được xác định, cho dù là về mặt nguyên tắc. Hiến pháp Campuchia quy định về quyền này tuy cũng rất ngắn gọn song khá cụ thể: “Công dân Khmer có quyền khiếu nại, tố cáo hay nộp đơn kiện đối với bất kỳ vi phạm pháp luật nào của cơ quan nhà nước và tổ chức xã hội hoặc thành viên của những cơ quan, tổ chức đó... Tòa án là người có thẩm quyền xét xử những khiếu nại và đơn kiện đó”². Trong Hiến pháp Thái Lan, quyền khiếu nại, tố cáo được đặt trong mối quan hệ biện chứng với quyền được thông tin. Từ quyền được thông tin, người dân Thái Lan có các quyền khiếu nại, tố cáo tương ứng. Vì vậy, đối tượng có thể bị khiếu nại, tố cáo theo Hiến pháp Thái Lan cũng là

1. Điều 41 Hiến pháp Lào hiện hành.

2. Điều 39 Hiến pháp Campuchia hiện hành.

các cơ quan chính phủ, cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước, chính quyền địa phương hoặc các cơ quan nhà nước khác¹.

c) Quyền được thông tin liên quan tới hoạt động của Nhà nước hoặc do Nhà nước nắm giữ là một quyền cơ bản rất ưu việt trong lĩnh vực chính trị. Quyền này thường được xem là đóng vai trò nền tảng cho việc xây dựng một chế độ dân chủ bởi vì một khi quyền này được bảo đảm thực hiện thì bộ máy nhà nước sẽ trở nên minh bạch đối với người dân. Mặc dù vậy, chỉ có hai trong số tám bản Hiến pháp của các quốc gia ASEAN đề cập ở đây có quy định về quyền cơ bản này, đó là Hiến pháp Philippin và Thái Lan.

Hiến pháp Philippin quy định: “Quyền của người dân được thông tin về các vấn đề liên quan đến các mối quan tâm của cộng đồng được thừa nhận”. Bên cạnh việc ghi nhận quyền, Hiến pháp Philippin cũng quy định cách thức mà Nhà nước và pháp luật phải bảo đảm cho việc thực hiện quyền này của người dân: “Trừ những hạn chế do luật định, việc tiếp cận của người dân đối với các hồ sơ, tài liệu, giấy tờ liên quan đến các hành vi, giao dịch, quyết định chính thức cũng như các cơ sở dữ liệu nghiên cứu của Nhà nước được sử dụng làm cơ sở cho việc xây dựng chính sách được bảo đảm”².

1. Điều 60 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

2. Khoản 7 Điều 3 Hiến pháp Philippin hiện hành.

Hiến pháp Thái Lan quy định về quyền được thông tin một cách toàn diện và chi tiết hơn nhiều so với Hiến pháp Philippin¹. Về phạm vi thông tin được tiếp cận, Hiến pháp Thái Lan quy định cá nhân có quyền được biết và tiếp cận dữ liệu hay thông tin công do cơ quan chính phủ, cơ quan nhà nước, doanh nghiệp hay tổ chức chính quyền địa phương đang chiếm hữu. Các căn cứ có thể được áp dụng để hạn chế quyền được thông tin bao gồm an ninh quốc gia, an toàn công cộng, lợi ích của các cá nhân nằm trong diện bảo vệ hoặc thông tin riêng tư. Công dân Thái Lan cũng có quyền nhận được số liệu, giải thích từ phía cơ quan chính phủ, cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước hoặc tổ chức chính quyền địa phương trước khi phê chuẩn hoặc tiến hành bất kỳ dự án hay hoạt động nào mà có thể ảnh hưởng tới chất lượng môi trường, điều kiện vệ sinh và y tế, chất lượng cuộc sống hoặc bất cứ lợi ích vật chất nào khác liên quan tới cá nhân đó hoặc cộng đồng dân cư địa phương và có quyền bày tỏ ý kiến của mình tới các cơ quan có liên quan để phục vụ việc xem xét kỹ lưỡng hơn các vấn đề đó. Quyền được thông tin của người dân Thái Lan cũng được liên kết một cách biện chứng với một số quyền khác liên quan tới việc người dân tham gia vào đời sống chính trị nhằm làm tăng thêm ý nghĩa và hiệu quả của nó. Từ việc thực hiện quyền được thông tin, người dân Thái Lan có thể thực hiện quyền tham gia vào quá trình ra quyết định của các cơ quan nhà nước, có quyền gửi đơn thư khiếu nại, tố cáo, khiếu kiện

1. Các điều 56, 57-62 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

cơ quan nhà nước, công chức nhà nước, hoặc quyền theo dõi và giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước.

d) Quyền chủ động tham gia chính trị được quy định trong Hiến pháp Campuchia và Thái Lan. Hiến pháp Campuchia quy định về quyền này một cách khá chung chung và mang tính ghi nhận về mặt nguyên tắc rằng công dân Campuchia không phân biệt giới tính có quyền tham gia một cách chủ động vào đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa của quốc gia. Bất kỳ đề xuất nào từ phía người dân đều phải được Nhà nước quan tâm xem xét đầy đủ. Khác với Hiến pháp Campuchia, Hiến pháp Thái Lan tuy không quy định một cách rõ ràng về quyền chủ động tham gia chính trị của người dân song lại quy định một cách khá chi tiết một số quyền cụ thể hướng tới mục đích cho phép người dân tham gia vào hoạt động của các cơ quan nhà nước. Hiến pháp Thái Lan cũng đặt các quyền này trong mối quan hệ nhân quả với quyền được thông tin. Hiến pháp Thái Lan quy định: “Cá nhân có quyền tham gia vào quá trình ra quyết định của các quan chức nhà nước trong việc thực hiện các chức năng quản lý hành chính mà ảnh hưởng hoặc có thể ảnh hưởng tới các quyền và quyền tự do của cá nhân. Cá nhân có quyền gửi khiếu nại và được phúc đáp về kết quả xem xét kiến nghị một cách không chậm trễ. Cá nhân có quyền nộp đơn kiện cơ quan chính phủ, cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức chính quyền địa phương hoặc cơ quan có thẩm quyền khác có tư cách pháp nhân để buộc trách nhiệm đối với hành vi (hành động hoặc không hành động) do công chức chính phủ, nhân viên hoặc người làm

công của các cơ quan đó thực hiện”¹. Rõ ràng, tuy không đề cập trực tiếp quyền chủ động tham gia chính trị của người dân Thái Lan nhưng với một số quyền cụ thể trên đây, khả năng người dân Thái Lan được tham gia một cách chủ động vào hoạt động của các cơ quan nhà nước được bảo đảm về mặt hiến định một cách khá hiệu quả và toàn diện.

đ) Quyền bình đẳng trong việc tham gia chính quyền là một quyền cơ bản khá mới trong lĩnh vực chính trị. Nó cũng ít được nhắc tới trong các bản Hiến pháp khác ở trên thế giới. Cũng có thể có những quan điểm cho rằng, quyền này thực ra nằm trong ngoại diên của quyền và cũng là nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật. Quan điểm này cũng không hẳn là sai. Tuy nhiên, trong duy nhất một bản Hiến pháp của một quốc gia ASEAN là Indônêxia, quyền này được quy định một cách rõ ràng: “Mỗi công dân có quyền nắm được các cơ hội bình đẳng trong chính quyền”². Trong tất cả các bản Hiến pháp còn lại đều không quy định quyền này. Rất tiếc, Hiến pháp Indônêxia cũng không có quy định chi tiết hơn về quyền bình đẳng trong việc tham gia chính quyền, chính vì vậy, vẫn chưa rõ nội hàm của quyền này là như thế nào và việc quy định về quyền này trong Hiến pháp Indônêxia vẫn chỉ mang tính nguyên tắc.

Nhìn chung, các quyền cơ bản trong lĩnh vực chính trị được quy định trong Hiến pháp các quốc gia ASEAN

1. Các điều 58-60 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

2. Khoản 3, Điều 28D Hiến pháp Indônêxia hiện hành.

khá đầy đủ, bao gồm cả những quyền mang tính chất truyền thống như quyền bầu cử, ứng cử, cho tới những quyền ưu việt mới xuất hiện trong thời gian gần đây như quyền khiếu nại, tố cáo, quyền được thông tin, quyền tham gia tích cực vào đời sống chính trị. Trong số các quốc gia ASEAN, có thể thấy, Thái Lan là nước có những quy định rõ ràng nhất về các quyền cơ bản trong lĩnh vực chính trị.

5. Các quyền cơ bản trong lĩnh vực áp dụng pháp luật và thi hành công lý

Các quyền cơ bản trong lĩnh vực áp dụng pháp luật và thi hành công lý là những quyền mà người dân được thực hiện khi họ rơi vào những trường hợp có thể phải chịu chế tài của pháp luật hoặc bị áp dụng pháp luật đối với mình. Ở góc độ nào đó, có thể nói các quyền này cũng nằm trong lĩnh vực tố tụng và được các cơ quan nhà nước bảo đảm bằng hành vi hành động hoặc không hành động để người dân có thể thực hiện được quyền tương ứng của mình. Trong số tám quốc gia ASEAN được nghiên cứu ở đây có quy định về quyền cơ bản, Lào và Indônêxia không có các quy định về quyền cơ bản trong lĩnh vực áp dụng pháp luật và thi hành công lý. Sáu quốc gia còn lại có quy định rất khác nhau về các quyền cơ bản trong lĩnh vực này.

Hiến pháp Campuchia quy định cho công dân của mình một số quyền cơ bản trong lĩnh vực áp dụng pháp luật và thi hành công lý như: quyền được có luật sư, quyền không bị tra tấn hay nhục hình, quyền không bị truy cứu

trách nhiệm hình sự mà không theo thủ tục do pháp luật quy định, quyền suy đoán vô tội¹.

So với Hiến pháp Campuchia, Hiến pháp Mianma quy định ít quyền cơ bản hơn trong lĩnh vực áp dụng pháp luật và thi hành công lý. Hiến pháp Mianma quy định những quyền sau: quyền không bị áp dụng hồi tố pháp luật, quyền không bị xét xử hai lần, quyền được có luật sư và quyền được xét xử theo thủ tục tố tụng do luật định².

Hiến pháp Thái Lan quy định những quyền cơ bản trong lĩnh vực áp dụng pháp luật và thi hành công lý như quyền suy đoán vô tội, quyền tiếp cận công lý dễ dàng, kịp thời và toàn diện, quyền được xét xử công khai, quyền không bị áp dụng pháp luật hồi tố, quyền được xét xử một cách chính xác, nhanh chóng, công bằng, quyền được bào chữa và có luật sư bào chữa³.

Hiến pháp Malaixia và Xingapo cũng quy định về những quyền cơ bản trong lĩnh vực áp dụng pháp luật và thi hành công lý như quyền được thông báo lý do bắt giữ, quyền được có luật sư, quyền được xét xử bởi Tòa án, quyền không bị áp dụng pháp luật hồi tố, quyền không bị xử phạt hai lần⁴.

Hiến pháp Philíppin có quy định chi tiết nhất về các quyền cơ bản trong lĩnh vực áp dụng pháp luật và thi hành công lý. Người dân Philíppin có những quyền sau:

-
1. Điều 38 Hiến pháp Campuchia hiện hành.
 2. Các điều 373-375, 381 Hiến pháp Mianma hiện hành.
 3. Điều 39, 40 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.
 4. Điều 5, 7 Hiến pháp Malaixia; Điều 9, 12 Hiến pháp Xingapo hiện hành.

quyền được thông báo về quyền giữ im lặng, quyền thuê luật sư, quyền không bị tra tấn, đàn áp, hành hạ ép buộc, đe dọa, quyền được bảo lãnh tại ngoại, quyền không bị truy cứu trách nhiệm hình sự mà không theo thủ tục, quyền suy đoán vô tội, quyền được xét xử nhanh chóng, quyền không phải làm nhân chứng chống lại mình, quyền không bị tù chỉ vì không đóng thuế, quyền không bị xử phạt hai lần, quyền không được áp dụng pháp luật hồi tố.

6. Các quyền cơ bản trong lĩnh vực kinh tế - xã hội

Các quyền cơ bản trong lĩnh vực kinh tế - xã hội thể hiện sự bảo đảm của Nhà nước, bằng hành vi hành động của các cơ quan nhà nước, đối với người dân của mình trong lĩnh vực kinh tế, phúc lợi xã hội, chính sách xã hội. Những quyền này thường không mang tính chất thuần pháp lý bởi vì, xét về mặt kỹ thuật nó khó có thể được viện dẫn để kiện cơ quan nhà nước do không thực hiện nghĩa vụ của mình. Những quyền này thể hiện quan điểm của Nhà nước trong việc đem lại một cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho người dân của mình. Các quy định về những quyền này trong Hiến pháp thường là những quy định chung, mang tính cam kết, còn cách thức và nội dung cụ thể lại tùy thuộc vào chính sách của Nhà nước. Nhóm quyền cơ bản trong lĩnh vực kinh tế - xã hội được xem là tiêu chí đánh giá mức độ “tiến bộ xã hội” của Nhà nước tương ứng. Trong tám quốc gia ASEAN được nghiên cứu ở đây có quy định về quyền cơ bản, Hiến pháp Malaixia và Xingapo không có quy định về các quyền cơ bản trong lĩnh vực kinh tế - xã hội. Đối với các quốc gia còn lại, mức độ cụ thể hóa trong quy định về các quyền cơ

bản trong lĩnh vực kinh tế - xã hội trong Hiến pháp các quốc gia ASEAN rất khác nhau.

Trong Hiến pháp Philippin và Lào các quyền cơ bản trong lĩnh vực kinh tế - xã hội có được quy định, song với số lượng còn hạn chế và nội dung quy định còn chung chung. Hiến pháp Philippin chỉ có một điều khoản quy định về quyền tư hữu tài sản của cá nhân. Tuy nhiên, quyền này cũng chỉ được quy định một cách gián tiếp thông qua quy định “cấm không được trưng dụng tài sản của tư nhân cho mục đích công mà không có bồi thường công bằng”¹. Hiến pháp Lào có quy định về nhiều quyền cơ bản của công dân trong lĩnh vực kinh tế, xã hội hơn so với Hiến pháp Philippin. Tuy nhiên, những quy định đó cũng rất ngắn gọn, chủ yếu mang tính ghi nhận quyền. Trong lĩnh vực kinh tế, Hiến pháp Lào quy định công dân có quyền làm việc và hành nghề không trái với quy định pháp luật. Ở khía cạnh xã hội, Hiến pháp Lào chú trọng tới quyền của người lao động và quyền bình đẳng của phụ nữ. Hiến pháp Lào quy định: “Người lao động có quyền được nghỉ ngơi, được điều trị khi đau ốm, được nhận trợ cấp khi mất khả năng lao động, tàn tật, khi già yếu và trong các trường hợp khác theo luật định; công dân Lào nữ và nam có quyền ngang nhau về chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội và gia đình”².

Các quyền cơ bản trong lĩnh vực kinh tế - xã hội được quy định trong Hiến pháp Mianma có số lượng nhiều hơn

1. Khoản 9 Điều 3 Hiến pháp Philippin hiện hành.

2. Các điều 37, 39 Hiến pháp Lào hiện hành.

so với Hiến pháp Lào và Philippin¹. Về khía cạnh kinh tế, công dân Mianma có các quyền cơ bản như quyền tự do kinh doanh vì mục tiêu phát triển kinh tế quốc dân; quyền sở hữu tài sản kể cả động sản và bất động sản và quyền tự do sáng chế trong quá trình kinh doanh nếu không trái với Hiến pháp và pháp luật hiện hành. Công dân Mianma cũng có quyền bình đẳng về cơ hội trong các lĩnh vực: việc làm trong khối Nhà nước, việc làm công, thương mại, kinh doanh, nghề nghiệp và bí quyết công nghệ, khai thác nghệ thuật, khoa học và công nghệ. Phụ nữ bình đẳng về quyền và thu nhập với đàn ông khi làm công việc tương tự. Tương phản với các quyền cơ bản về kinh tế, các quyền cơ bản liên quan tới chính sách xã hội ít được quan tâm trong Hiến pháp Mianma, chỉ có hai quyền cơ bản thuộc loại này được quy định theo một cách thức rất chung chung, đó là quyền trẻ em và phụ nữ sắp sinh có quyền bình đẳng như quy định trong luật và mỗi công dân đều có quyền được chăm sóc sức khỏe theo chính sách của Nhà nước.

Hiến pháp Campuchia quy định người dân Khmer bất kể giới tính được hưởng quyền lựa chọn công việc theo khả năng và phù hợp với nhu cầu của xã hội; tất cả mọi người đều có quyền sở hữu. Song, chỉ có người Khmer và pháp nhân Khmer mới có quyền sở hữu đất đai, quyền sở hữu tư nhân được pháp luật bảo vệ, việc tịch thu tài sản chỉ có thể được thực hiện vì lợi ích công cộng theo quy định của pháp luật và phải có sự bồi thường công

1. Các điều 349, 356, 372 Hiến pháp Mianma hiện hành.

bằng của Nhà nước; quyền được trả lương như nhau cho công việc giống nhau, công việc do nội trợ ở nhà có giá trị ngang với công việc họ làm việc bên ngoài; người lao động có quyền tham gia công đoàn.

Trong lĩnh vực xã hội, Hiến pháp Campuchia chú trọng tới gia đình và các mối quan hệ trong gia đình. Hiến pháp Campuchia quy định trong một gia đình, cha mẹ có trách nhiệm chăm sóc và giáo dục con cái trở thành công dân tốt, con cái có trách nhiệm chăm sóc cha mẹ già yếu theo truyền thống Khmer. Nam và nữ bình đẳng trên mọi lĩnh vực, đặc biệt là trong quan hệ hôn nhân và gia đình. Hôn nhân phải được thực hiện theo các quy định của pháp luật căn cứ trên chế độ hôn nhân tự nguyện, một vợ, một chồng. Nhà nước bảo vệ quyền trẻ em như trong Công ước về quyền trẻ em, cụ thể là quyền được sống, giáo dục, bảo vệ trong thời kỳ chiến tranh, chống lại bóc lột tình dục hoặc sức lao động. Nhà nước phải bảo vệ trẻ em không bị tước đoạt các cơ hội học tập, chăm sóc sức khỏe và phúc lợi. Hiến pháp Campuchia cũng hết sức chú trọng tới việc bảo vệ phụ nữ. Tất cả các hình thức phân biệt đối xử cũng như việc bóc lột phụ nữ về kinh tế bị tuyệt đối cấm. Hiến pháp quy định trách nhiệm của Nhà nước Campuchia phải trao các cơ hội cho phụ nữ, đặc biệt là những người sống ở khu vực nông nghiệp không có sự trợ giúp xã hội đầy đủ để họ có việc làm, được chăm sóc y tế và cho con cái tới trường cũng như có cuộc sống tối thiểu. Phụ nữ không thể bị đuổi việc do mang thai, có quyền nghỉ thai sản mà vẫn được trả nguyên lương và phúc lợi xã hội. Cấm tất cả các hành vi buôn bán, bóc lột

người qua mại dân cũng như các hình ảnh đôi trụy mà có thể làm ảnh hưởng tới nhân phẩm của người phụ nữ.

So với các quốc gia trên, Thái Lan có quy định một bộ quyền cơ bản khá dày dặn trong lĩnh vực kinh tế, xã hội cho người dân của mình. Các quyền cơ bản đó được quy định khá chi tiết và đi kèm với đó là những điều kiện cụ thể để bảo đảm tính thực thi của các quyền. Về kinh tế, công dân Thái Lan có một số quyền cơ bản rất quan trọng: *Thứ nhất*, người dân Thái Lan có quyền sở hữu tài sản và quyền thừa kế tài sản. Việc quốc hữu hóa tài sản, bao gồm cả quốc hữu hóa đất đai bị cấm và chỉ được thực hiện khi có một trong các lý do chính đáng như: “Để cung cấp dịch vụ công cộng, quốc phòng, khai thác tài nguyên quốc gia, quy hoạch đô thị và nông thôn, bảo tồn môi trường, phát triển công nghiệp hay nông nghiệp, cải cách đất đai, bảo tồn di tích lịch sử hay các lợi ích công cộng khác. Khi công hữu hóa tài sản cố định của tư nhân, Nhà nước phải có sự bồi thường thỏa đáng và kịp thời cho chủ sở hữu cũng như các cá nhân có quyền liên quan, những người chịu mất mát do việc quốc hữu hóa đó theo quy định của luật. Giá trị bồi thường phải cân nhắc thích đáng tới giá thị trường. Một trong cách phổ biến mà Hiến pháp đưa ra để tính là phải đối chiếu giữa giá trị vật chất bị tịch thu, bị mất mát và giá trị mà người thụ hưởng sau khi tịch thu có được. Chỉ có thể quốc hữu hóa bằng một đạo luật và đạo luật đó phải quy định rõ khoảng thời gian hoàn thành mục tiêu mà việc quốc hữu hóa hướng tới. Quá thời hạn đó, nếu mục tiêu chưa đạt được thì phải hoàn trả lại tài sản cho người sở hữu trước đó. *Thứ hai*, người dân

Thái Lan có quyền tự do nghề nghiệp, người dân có quyền tự do kinh doanh hay tham gia hoạt động nghề nghiệp, được cạnh tranh tự do, công bằng. Giới hạn quyền tự do kinh doanh chỉ có thể được đặt ra bởi luật ban hành đặc biệt để bảo đảm an ninh và an toàn của Nhà nước, của nền kinh tế, của đất nước, bảo vệ công chúng liên quan tới dịch vụ công cộng, bảo vệ người tiêu dùng, quy hoạch thành thị và nông thôn, bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên hay môi trường, phúc lợi công cộng, ngăn ngừa độc quyền hoặc loại bỏ cạnh tranh không lành mạnh”.¹

Ở khía cạnh xã hội, cá nhân có quyền được bảo đảm đối với vấn đề an toàn và phúc lợi nơi làm việc, bảo đảm cuộc sống trong khi làm việc và cả lúc rời khỏi công việc. Quyền của người tiêu dùng cũng được bảo vệ bao gồm quyền có được thông tin hợp pháp về sản phẩm, có quyền khiếu nại đòi bồi thường những mất mát cũng như quyền tập hợp lại với nhau để bảo vệ quyền của mình. Cá nhân có quyền bình đẳng hưởng các dịch vụ y tế công cộng, người nghèo có quyền được nhận sự chăm sóc sức khỏe miễn phí từ các trung tâm y tế công cộng của Nhà nước. Cá nhân có quyền nhận được dịch vụ y tế công cộng từ Nhà nước, dịch vụ này phải được cung cấp đầy đủ và hiệu quả. Trẻ em, thanh niên có quyền được sống và phát triển trí tuệ, tinh thần, thể chất. Trẻ em, thanh niên, phụ nữ và các thành viên trong gia đình có quyền được Nhà nước bảo vệ chống lại bạo lực và đối xử không công bằng.

1. Các điều 41, 42 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

Người từ 60 tuổi trở lên có thu nhập không đủ có quyền nhận phúc lợi và tiện nghi công cộng phù hợp. Người thiếu năng, người yếu thế có quyền tiếp cận và sử dụng phúc lợi và dịch vụ công cộng. Người vô gia cư không đủ thu nhập để sống có quyền nhận trợ giúp từ Nhà nước¹.

Hiến pháp Indônêxia quy định cho công dân có khá nhiều quyền trong lĩnh vực kinh tế, ví dụ quyền được làm việc, được trả lương, đối xử công bằng phù hợp trong các quan hệ lao động; có quyền sở hữu tài sản riêng không thể bị ai chiếm đoạt tùy tiện, vô căn cứ². Đối tượng được thụ hưởng các quyền này là bất kỳ cá nhân nào chứ không có giới hạn trong phạm vi công dân Indônêxia.

Hiến pháp Indônêxia là bản Hiến pháp quy định số lượng nhiều nhất các quyền cơ bản liên quan tới chính sách xã hội so với các bản Hiến pháp của các quốc gia ASEAN khác. Quy định về các quyền lập gia đình và sinh con một cách hợp pháp, quyền trẻ em được sống, trưởng thành và phát triển, được bảo vệ khỏi bạo lực và được phát triển, mỗi người đều có quyền tự phát triển, quyền được học tập và chia sẻ lợi ích khoa học, công nghệ, nghệ thuật; quyền tự hoàn thiện mình thông qua đấu tranh tập thể giành lại các quyền của mình nhằm thúc đẩy sự tiến bộ xã hội; đặc biệt, mỗi người đều có quyền có nhà để ở, hưởng môi trường tốt và lành mạnh và nhận được chăm sóc về y tế; được hỗ trợ để bình đẳng với nhau về cơ hội; có quyền được bảo đảm an sinh xã hội nhằm tạo

1. Các điều 44, 51-55, 61 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

2. Điều 28D Hiến pháp Indônêxia hiện hành.

khả năng tự hoàn thiện¹. Hiến pháp Indônêxia đặc biệt nhấn mạnh tới quyền bình đẳng và chống phân biệt đối xử. Thậm chí, quyền này còn được nhắc lại nhiều lần ở những điều khoản khác nhau trong Hiến pháp, ví dụ các điều 27, 28I, 28H, 28D.

Tuy số lượng các quyền cơ bản trong lĩnh vực kinh tế, xã hội được quy định trong Hiến pháp Indônêxia nhiều như vậy, song nội dung quy định về các quyền vẫn chỉ dừng lại ở việc ghi nhận một cách chung chung giống như nhiều Hiến pháp các quốc gia ASEAN khác. Các nội dung bảo đảm thực hiện các quyền cơ bản vẫn còn chưa được quan tâm đúng mức.

Mặc dù có những mức độ quy định chi tiết khác nhau, song nhìn chung, Hiến pháp các quốc gia ASEAN cũng đã ghi nhận và quy định được những quyền cơ bản khá tiến bộ trong lĩnh vực kinh tế, xã hội, ví dụ như: quyền tự do kinh doanh, quyền tư hữu và nhận bồi thường công bằng khi bị tịch thu tài sản vì mục đích công, quyền bình đẳng nam nữ, quyền của trẻ em, người yếu thế, v.v.. Các quyền cũng được quy định theo cách thức đa dạng, không những quy định trực tiếp quyền được thụ hưởng mà còn dưới dạng quy định về nghĩa vụ của các đối tượng có trách nhiệm bảo đảm quyền. Đặc biệt đã có những bản Hiến pháp rất chú trọng và quy định rất chi tiết và toàn diện về quyền bình đẳng nam nữ trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, ví dụ như Hiến pháp Campuchia; cũng có những bản Hiến pháp quy định được những quyền cơ bản

1. Điều 28B, 28C, 28D Hiến pháp Indônêxia hiện hành.

cốt yếu nhất, quan trọng nhất trong lĩnh vực kinh tế, xã hội, đồng thời có quy định cụ thể chi tiết để bảo đảm tính thực thi của các quyền cơ bản đó, ví dụ như Hiến pháp Thái Lan.

7. Các quyền cơ bản trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục, khoa học - công nghệ

Ngoại trừ Hiến pháp Campuchia và Hiến pháp Brunây, tất cả bảy bản Hiến pháp các quốc gia ASEAN còn lại đều chỉ quy định về quyền được học tập là quyền cơ bản duy nhất trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục, khoa học - công nghệ. Trong Hiến pháp Campuchia, ngoài quyền được học tập còn có một quyền cơ bản khác nữa mà người dân Khmer được hưởng trong lĩnh vực này, đó là quyền tham gia một cách bình đẳng và chủ động vào đời sống mọi mặt của đất nước, trong đó, có đời sống văn hóa, khoa học - công nghệ. Tuy nhiên, sự xuất hiện của quyền này cũng không đem lại sự khác biệt nhiều cho Hiến pháp Campuchia, bởi lẽ, quyền này cũng chỉ được quy định một cách chung chung, không rõ nội hàm cụ thể và cũng không có các biện pháp bảo đảm thực hiện. Ở đây cũng cần lưu ý rằng, trong một số bản Hiến pháp các quốc gia ASEAN có đề cập quyền tự do sáng tác, phát triển hoặc nghiên cứu văn học, nghệ thuật, khoa học - công nghệ. Song, những quyền này không xếp vào nhóm quyền cơ bản trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục, khoa học - công nghệ mà được xếp vào nhóm quyền tự do và bất khả xâm phạm.

Tuy quyền học tập được Hiến pháp các quốc gia ASEAN được nghiên cứu ở đây quy định, song mức độ chi

tiết về mặt nội dung cũng như chính bản thân nội dung của quyền đó ở từng bản Hiến pháp lại có những đặc điểm riêng. Một số bản Hiến pháp ASEAN chỉ đơn giản ghi nhận người dân có quyền học tập mà không có quy định gì thêm, ví dụ, Hiến pháp Lào và Hiến pháp Philippin. Một số bản Hiến pháp khác, như Hiến pháp Mianma, Indônêxia, Campuchia và Thái Lan, thì quy định rộng hơn về quyền học tập, bao gồm bản thân quyền được học tập và quyền được hưởng chế độ học tập miễn phí ở một trình độ nhất định. Hiến pháp Mianma là bản Hiến pháp duy nhất chỉ quy định quyền học tập và quyền được hưởng giáo dục cơ bản bắt buộc, song không nói rõ giáo dục cơ bản là trình độ giáo dục nào¹. Hiến pháp Indônêxia, khác với Hiến pháp Mianma, chỉ rõ cấp giáo dục bắt buộc và miễn phí là cấp tiểu học². Hiến pháp Campuchia cũng quy định tương tự như vậy. Song, đây lại là quốc gia duy nhất trong số các quốc gia ASEAN quy định về quyền học tập trong Hiến pháp một cách gián tiếp chứ không phải trực tiếp. Điều 48 Hiến pháp Campuchia quy định chung về quyền trẻ em như sau: “Nhà nước phải bảo vệ quyền trẻ em như được quy định trong Công ước về quyền của trẻ em, cụ thể là quyền được sống, học tập, được bảo vệ trong thời gian chiến tranh, chống lại sự bóc lột lao động và tình dục”. Điều 28 Công ước về quyền của trẻ em quy định rằng các nước thành viên công nhận quyền được học tập của trẻ em, phải bảo đảm cho trẻ em được hưởng giáo

1. Điều 366 Hiến pháp Mianma hiện hành.

2. Điều 31 Hiến pháp Indônêxia hiện hành.

dục tiểu học bắt buộc và miễn phí. Như vậy có thể hiểu rằng, Hiến pháp Campuchia đã quy định về quyền trẻ em một cách gián tiếp, với nội dung bao gồm quyền được học tập và quyền được học tiểu học bắt buộc và miễn phí. Đặc điểm riêng của Hiến pháp Thái Lan về quyền học tập lại là ở chỗ Hiến pháp này quy định về thời gian giáo dục miễn phí dài nhất, 12 năm. Theo đó, Thái Lan là quốc gia duy nhất trong khu vực cam kết cung cấp toàn bộ chương trình học phổ thông miễn phí cho người dân. Tuy nhiên, Hiến pháp Thái Lan lại không quy định rõ đây có phải là chế độ giáo dục bắt buộc hay không. Bên cạnh đó, Hiến pháp Thái Lan cũng quy định những người nghèo, thiếu năng, khuyết tật, ốm yếu được hưởng quyền giáo dục và được Nhà nước hỗ trợ để nhận được giáo dục bình đẳng như những người khác¹.

Quy định của Hiến pháp Malaixia và Xingapo về quyền học tập khác với tất cả các Hiến pháp trên ở chỗ, hai bản Hiến pháp này đều không quy định trực tiếp về quyền học tập, cũng không quy định gián tiếp về quyền này như Hiến pháp Campuchia. Thay vào đó, hai bản Hiến pháp này nhấn mạnh tới yếu tố bình đẳng trong việc tiếp cận tới nền giáo dục và các chính sách giáo dục của Nhà nước. Theo đó, công dân của hai nước có quyền bình đẳng, không phân biệt đối xử vì lý do tôn giáo, sắc tộc, nguồn gốc, nơi sinh, trong việc tiếp cận và hưởng lợi đối với nền giáo dục công lập hay chế độ đóng học phí, hỗ

1. Điều 49 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

trợ tài chính của Nhà nước đối với giáo dục¹. Trên tinh thần đó Hiến pháp hai quốc gia này cũng không quy định cụ thể về chế độ giáo dục bắt buộc và miễn phí dành cho người dân.

8. Các quyền của cộng đồng dân cư

Chỉ có hai trong số các quốc gia ASEAN được nghiên cứu ở đây có quy định về quyền của các cộng đồng dân cư, đó là Hiến pháp Philippin và Thái Lan. Trong Hiến pháp Philippin, quyền của cộng đồng dân cư được quy định trong chế định về nền kinh tế và gia sản quốc gia, trong đó trực tiếp hơn là vấn đề chính sách đối với đất đai nhằm phục vụ mục đích phát triển kinh tế quốc gia. Chính vì vậy, quyền của cộng đồng dân cư Philippin chỉ đề cập đối tượng đất đai và nằm trong ngoại diên của quyền đối với đất đai nói chung. Khoản 5 Điều 12 Hiến pháp Philippin quy định: “Căn cứ vào các quy định của Hiến pháp này và các chính sách, chương trình phát triển quốc gia, Nhà nước bảo vệ quyền của các cộng đồng văn hóa sắc tộc đối với các khu đất do tổ tiên họ để lại nhằm bảo đảm sự vững mạnh về kinh tế, xã hội và văn hóa của nhóm các cộng đồng này”.

Khác với Hiến pháp Philippin, Hiến pháp Thái Lan quy định quyền của cộng đồng dân cư như một loại quyền cơ bản thực sự nằm trong chế định về quyền cơ bản nói chung của người dân Thái Lan. Chính vì vậy, **hạm vi**

1. Điều 12 Hiến pháp Malaixia hiện hành và Điều 16 Hiến pháp Xingapo hiện hành.

quyền của cộng đồng dân cư Thái Lan được xác định rất rộng bao gồm quyền bảo tồn hay duy trì phong tục tập quán, tri thức bản địa, giá trị nghệ thuật, văn hóa tốt đẹp của cộng đồng và của quốc gia; tham gia vào việc quản lý, duy trì, bảo tồn và khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên, môi trường, sự đa dạng sinh học theo cách thức cân bằng và bền vững. Chủ thể được hưởng các quyền này cũng được xác định cụ thể, gồm cộng đồng nói chung, cộng đồng địa phương hoặc cộng đồng truyền thống. Tuy nhiên, các khái niệm tương ứng không được định nghĩa rõ. Hiến pháp Thái Lan cũng quy định hai quyền phái sinh quan trọng xuất phát từ quyền cơ bản nói trên của cộng đồng dân cư. Thứ nhất, Nhà nước phải lấy ý kiến tham vấn của công chúng và ý kiến của các tổ chức độc lập trong cộng đồng dân cư về bất kỳ dự án hoặc hoạt động nào có thể tác động nghiêm trọng đến cộng đồng liên quan tới môi trường, nguồn tài nguyên thiên nhiên, sức khỏe. Nếu không tiến hành thủ tục này, dự án hoặc hoạt động liên quan sẽ không được phép triển khai. Thứ hai, cộng đồng dân cư có quyền khởi kiện cơ quan chính phủ, doanh nghiệp nhà nước, chính quyền địa phương hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác nếu vi phạm quyền của cộng đồng dân cư¹. Có thể nói, quyền của cộng đồng dân cư được Hiến pháp Thái Lan quy định khá toàn diện và có tính khả thi cao.

1. Các điều 66, 67 Hiến pháp Thái lan hiện hành.

9. Một số nhận xét về chế định quyền cơ bản trong Hiến pháp các quốc gia ASEAN

Về mặt hình thức, có thể nhận thấy các quy định về quyền cơ bản của công dân trong Hiến pháp các quốc gia ASEAN có một số đặc điểm như sau: *Thứ nhất*, ngoại trừ Hiến pháp Brunây, tất cả các bản Hiến pháp còn lại đều có quy định về các quyền cơ bản của công dân. Hầu hết, các bản Hiến pháp đều có một chương riêng quy định về quyền (và có thể cả nghĩa vụ) cơ bản của công dân, ví dụ, Hiến pháp Lào quy định ở Chương 4; Hiến pháp Campuchia quy định ở Chương 3; Hiến pháp Mianma quy định ở Chương 8; Hiến pháp Thái Lan quy định ở Chương 3; Hiến pháp Malaixia quy định ở Chương 2; Hiến pháp Xingapo quy định ở Chương 4. Hiến pháp Philíppin không bố cục theo chương mà bố cục theo điều, giống với Hoa Kỳ. Mỗi điều của Hiến pháp này là tập hợp của một nhóm các quy phạm như thể một chương ở các bản Hiến pháp khác. Tuyên ngôn về các quyền của Hiến pháp Philíppin được quy định ở Điều 3. *Thứ hai*, có một số bản Hiến pháp các quốc gia ASEAN ngoài các quy định tập trung về quyền cơ bản của công dân còn có một số quyền cơ bản nằm rải rác ở những phần khác của bản Hiến pháp, ví dụ, Hiến pháp Philíppin và Hiến pháp Indônêxia. Hiến pháp Philíppin có quy định về một số quyền cơ bản của công dân ở Điều 5 - Chế độ bầu cử; trong khi đó một số quyền cơ bản trong Hiến pháp Indônêxia lại được quy định tại Phần 10 - Công dân và cư trú.

Về mặt nội dung, bên cạnh những nhận xét được trình bày trong quá trình so sánh theo từng nhóm quyền cơ bản

trên đây có thể rút ra một vài nhận xét chung như sau: *Thứ nhất*, các Hiến pháp của các quốc gia ASEAN có quy định về quyền cơ bản đều đã đề cập được tới những quyền cơ bản cốt lõi nhất, cụ thể là nhóm quyền tự do, bất khả xâm phạm, quyền cơ bản trong lĩnh vực chính trị và lĩnh vực áp dụng pháp luật, thi hành công lý. *Thứ hai*, mức độ cụ thể chi tiết của các quyền quy định trong các bản Hiến pháp có sự khác nhau rất lớn. Có những bản Hiến pháp chỉ quy định mang tính ghi nhận về quyền cơ bản, ví dụ, Hiến pháp Indônêxia, Philippin, Lào; có những bản Hiến pháp khác lại quy định khá cụ thể, chi tiết, có tính thực thi cao, ví dụ, Hiến pháp Thái Lan, Malaixia, Xingapo. *Thứ ba*, nếu để chọn ra một bản Hiến pháp các quốc gia ASEAN được nghiên cứu ở đây có quy định ưu việt nhất về các quyền cơ bản thì có lẽ đó là Hiến pháp Thái Lan. Số lượng các quyền cơ bản quy trong một số lĩnh vực được Hiến pháp này quy định có thể không phải là nhiều nhất nếu so với các Hiến pháp của các quốc gia ASEAN khác. Song, nhìn tổng thể thì Hiến pháp Thái Lan đã quy định được một phạm vi đầy đủ nhất các quyền cơ bản phải được quy định trong Hiến pháp. Bên cạnh đó, các quyền cơ bản trong Hiến pháp Thái Lan cũng được quy định khá chi tiết, đủ để làm rõ nội hàm cũng như nội dung của các quyền; đồng thời, Hiến pháp Thái Lan cũng khá chú trọng, và đã thành công trong việc quy định các biện pháp bảo đảm thực hiện quyền cơ bản hiến định. Hai yếu tố sau này đem lại tính khả thi cao cho các quyền cơ bản của Hiến pháp Thái Lan, điều không phải bất kỳ bản Hiến pháp nào cũng đạt được.

II. CÁC QUY ĐỊNH VỀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN TRONG HIẾN PHÁP CÁC QUỐC GIA ASEAN

Phạm trù “nghĩa vụ cơ bản” và phạm trù “quyền cơ bản” có thể được coi là hai mặt của một vấn đề, hai nội dung của một mối quan hệ cơ bản giữa Nhà nước và người dân của mình (có thể là công dân hoặc có thể cả những người không phải là công dân). Quyền cơ bản là những gì Nhà nước bảo đảm cho người dân được thực hiện hoặc được hưởng. Còn nghĩa vụ cơ bản của công dân là những gì Nhà nước yêu cầu người dân phải thực hiện đối với Nhà nước và vì lợi ích công cộng. Trong số tám bản Hiến pháp các quốc gia ASEAN có quy định về quyền cơ bản của công dân thì chỉ có năm bản Hiến pháp là Hiến pháp Campuchia, Indônêxia, Lào, Thái Lan và Mianma là có quy định về nghĩa vụ cơ bản của công dân. Ba bản Hiến pháp còn lại, Hiến pháp Malaixia, Philíppin và Xingapo không có quy định về nghĩa vụ cơ bản. Lý do có lẽ là bởi vì, ba nước này đều chịu ảnh hưởng khá lớn từ truyền thống pháp luật chung Anh - Mỹ, trong luật Hiến pháp thường chỉ coi trọng vấn đề quyền cơ bản. Vấn đề nghĩa vụ cơ bản thường được mặc định trong nghĩa vụ tuân thủ pháp luật của người dân ở những nước này.

So sánh các quy định về nghĩa vụ cơ bản trong năm bản Hiến pháp các quốc gia ASEAN nêu trên có thể thấy rằng, có một số ít các nghĩa vụ cơ bản được hầu hết các bản Hiến pháp này quy định. Nghĩa vụ cơ bản được cả năm bản Hiến pháp quy định là nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc và nghĩa vụ quân sự. Tuy nhiên, nội dung cụ thể

của nghĩa vụ cơ bản này ở mỗi bản Hiến pháp cũng có những khác biệt nhỏ. Hiến pháp của Indônêxia, Lào và Thái Lan quy định đầy đủ công dân có nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc và nghĩa vụ quân sự; trong khi đó, Hiến pháp Campuchia chỉ quy định nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc và Hiến pháp Mianma quy định ngoài nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc và nghĩa vụ quân sự, công dân Mianma còn có nghĩa vụ tham gia các hình thức đào tạo quốc phòng. Nghĩa vụ cơ bản phổ biến thứ hai trong số năm bản Hiến pháp này là nghĩa vụ tôn trọng Hiến pháp và pháp luật. Chỉ có Hiến pháp Indônêxia là không quy định nghĩa vụ cơ bản này. Ngoài hai nghĩa vụ cơ bản này, Hiến pháp của năm quốc gia ASEAN nêu trên đều có những quy định riêng về nghĩa vụ cơ bản cho người dân của mình trên cơ sở phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh lịch sử của quốc gia mình.

Hiến pháp Campuchia quy định mỗi công dân có trách nhiệm tham gia vào tái thiết quốc gia, tôn trọng và tuân thủ nguyên tắc chủ quyền quốc gia và Dân chủ tự do đa nguyên. Những nghĩa vụ cơ bản này phần nào đó phản ánh lịch sử cận đại của đất nước Campuchia với nạn diệt chủng để lại hậu quả nặng nề cho đất nước và sự ra đời của một Nhà nước với một chính thể mới, non trẻ trong lịch sử dân tộc. Ngoài ra, công dân Campuchia còn có nghĩa vụ tôn trọng các tài sản công và tài sản tư hợp pháp¹.

Như trên đã đề cập, Hiến pháp Indônêxia khá chú trọng vào vấn đề quyền con người. Ngay chế định quyền

1. Các điều 49, 50 Hiến pháp Campuchia hiện hành.

cơ bản trong Hiến pháp Indônêxia cũng được đặt tên là “các quyền con người cơ bản”. Vì vậy, một trong các nghĩa vụ cơ bản được chú trọng trong Hiến pháp Indônêxia chính là nghĩa vụ tôn trọng các quyền con người căn bản của những người khác. Hiến pháp cũng quy định khi thực hiện các quyền tự do của mình, người dân phải có nghĩa vụ chấp nhận các hạn chế được luật xác định với mục tiêu duy nhất là để bảo đảm việc công nhận và tôn trọng quyền tự do của những người khác hoặc để đáp ứng những yêu cầu hợp lý của xã hội dân chủ¹.

Hiến pháp Lào quy định các nghĩa vụ cơ bản hướng tới việc xây dựng xã hội nhiều hơn so với Hiến pháp Campuchia và Indônêxia. Theo Hiến pháp Lào, công dân Lào có nghĩa vụ thực hiện nội quy lao động, các quy tắc sinh hoạt cộng đồng và trật tự kỷ cương xã hội, có nghĩa vụ đóng thuế và phí theo quy định của pháp luật².

So với các Hiến pháp khác, Hiến pháp Thái Lan quy định khá nhiều nghĩa vụ cơ bản của công dân. Theo đó, công dân Thái Lan, ngoài nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tôn trọng pháp luật, còn phải tuân thủ các nghĩa vụ như bảo vệ tôn giáo, bảo vệ Quốc vương và chế độ dân chủ với Quốc vương là nguyên thủ quốc gia theo Hiến pháp, bảo vệ các lợi ích quốc gia. Đặc biệt, công dân Thái Lan có nghĩa vụ bầu cử. Bên cạnh đó, công dân Thái Lan còn có nghĩa vụ đóng thuế và lệ phí, giúp đỡ dịch vụ công, tiếp nhận giáo dục đào tạo, giữ gìn,

1. Điều 28J Hiến pháp Indônêxia hiện hành.

2. Các điều 47, 48 Hiến pháp Lào hiện hành.

bảo vệ và phát huy các giá trị nghệ thuật, văn hóa quốc gia và tri thức bản địa và bảo tồn các nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường theo quy định của luật. Đối với đối tượng là công chức, viên chức nhà nước, cơ quan nhà nước, doanh nghiệp Hiến pháp Thái Lan cũng quy định phải có nghĩa vụ hành động theo đúng pháp luật và thực hiện nguyên tắc quản trị tốt¹.

Hiến pháp Mianma cũng quy định nhiều nghĩa vụ cơ bản cho công dân của mình. Công dân Mianma có các nghĩa vụ cơ bản như nghĩa vụ bảo vệ sự bất khả phân chia của Liên bang, bảo vệ tình đoàn kết trong Liên bang, bảo vệ chủ quyền quốc gia. Công dân Mianma cũng có trách nhiệm bảo vệ sự đoàn kết giữa các sắc tộc, bảo đảm hòa bình và trật tự công cộng, có trách nhiệm xây dựng quốc gia phát triển hiện đại, trách nhiệm đóng thuế theo quy định của pháp luật, mỗi công dân có trách nhiệm tham gia cùng với Nhà nước trong việc bảo tồn và bảo vệ di sản văn hóa, bảo vệ môi trường, phát triển nguồn nhân lực, bảo vệ tài sản công².

1. Các điều 70-74 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

2. Các điều 383-390 Hiến pháp Mianma hiện hành.